

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA
Chủ giảng

Giảng giải

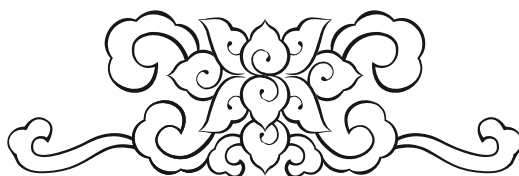
Kinh Di Giáo



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

**GIẢNG GIẢI
KINH DI GIÁO**



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

Huế - 2025

LỜI NÓI ĐẦU

Hòa thượng Tuyên Hóa giảng: *Kinh Phật Di Giáo*, là di chúc mà Đức Phật để lại cho các đệ tử vào thời điểm đó, và cũng là để lại di chúc của Ngài cho quý vị, cho tôi và những đệ tử hiện tại của Đức Phật. Kinh này dạy chúng ta cách tu tập và thực hành như thế nào, y theo lời dạy phụng trì như thế nào.

Chính vì tầm quan trọng của bộ kinh này nên Hòa thượng Tuyên Hóa đã giảng bộ kinh này vào năm 1979 tại Kim Luân Thánh Tự để bốn chúng đệ tử, xuất gia cũng như tại gia hiểu rõ về những lời căn dặn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã để lại cho chúng sinh trước khi Ngài nhập Niết-bàn.

Hòa thượng Tuyên Hóa là bậc thạc đức, cao tăng thời hiện đại, những kinh điển do Ngài giảng đều là pháp nhũ giúp chúng sinh thoát khỏi khổ đau. Vạn lời đều chân thật, vạn lời đều lợi ích. Như trong một số tài liệu có kể lại vào năm 1994, có một cây đại thụ trước sân chùa Phổ Tế trên núi Phổ Đà đột nhiên hóa thành hình người, quỳ gối chấp tay cầu một hòa thượng giảng giải về ý nghĩa của đoạn kinh '*Vô khổ tập diệt đạo*' trong Bát Nhã Tâm Kinh. Hòa thượng hỏi nó: 'Người nghe Kinh Bát Nhã ở đâu?' Nó nói: 'Hòa thượng Tuyên Hóa vừa giảng xong Bát Nhã Tâm Kinh ở Vạn Phật Thánh Thành, nhưng tôi chưa hiểu rõ câu '*Vô khổ tập diệt đạo*', mong lão hòa thượng chỉ dạy'. Hòa thượng hỏi: 'Hòa thượng Tuyên Hóa giảng kinh ở Mỹ, sao người ở núi Phổ Đà lại nghe được?' Cây đại thụ nói: **“Khi Hòa thượng Tuyên Hóa giảng kinh, tận hư không biến pháp giới đều nghe được”**. - Chính vì sự chân thật của hòa thượng giảng kinh nên dịch giả chúng tôi mong muốn quý Phật tử đều được đọc giảng giải của hòa thượng mà được lợi ích.

Kính bút./.

Hòa thượng Tuyên Hóa



Hòa thượng Tuyên Hóa

PHẬT THUYẾT KINH DI GIÁO

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần đầu chuyển pháp luân, hóa độ A-nhã-kiều-trần-như.

Thuyết pháp lần cuối cùng độ cho Tu-bạt-đà-la. Những người cần được độ đều đã được độ xong. Giữa hai cây Sa-la, chuẩn bị nhập Niết-bàn. Vào lúc giữa đêm, mọi thứ đều tĩnh lặng, ngai vì các đệ tử mà tóm lược yếu chỉ của giáo pháp.

Các vị Tỳ-kheo! Sau khi Như Lai diệt độ, các ông nên tôn trọng và trân quý Ba-la-đề-mộc-xoa, như trong tối gặp được ánh sáng, như người nghèo được của báu. Hãy biết rằng đây chính là vị thầy của các ông, không khác gì khi ta còn trụ thế.

Người giữ giới thanh tịnh không được giao dịch, mua bán ruộng vườn nhà cửa, nuôi dưỡng người hầu, nô bộc hay súc vật. Tất cả các việc trồng trọt cũng như tích lũy của cải đều phải tránh xa như tránh khỏi hỏa lửa. Không được chặt cây, nhổ cỏ, khai khẩn đất đai, pha chế thuốc thang, bói toán tốt xấu, quan sát tinh tú, suy tính vận hành, tính toán lịch số. Tất cả những điều này đều không nên làm.

Tiết chế thân thể, ăn đúng giờ giấc, sống cuộc sống thanh tịnh.

Không được tham dự vào các việc thế gian, làm sứ thần ngoại giao, chú thuật thuốc tiên, kết thân với quý nhân, gần gũi những kẻ phong lưu, tất cả đều không được làm. Nên tự giữ tâm ngay thẳng, với chính niệm cầu độ, không nên che giấu khuyết điểm hoặc bày ra điều kỳ dị để mê hoặc lòng người. Đối với bốn sự cúng dường thì phải biết chừng mực biết đủ, việc nhận cúng dường đúng mức cần thiết, không nên tích trữ.

Đây là nói sơ lược tướng trì giới. Giới là nền tảng chính dẫn đến giải thoát, do đó gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nương nhờ giới mà đạt được các loại thiên định và được trí tuệ diệt các khổ đau.

Hòa thượng Tuyên Hóa

Vì vậy, các Tỳ-kheo cần phải giữ gìn giới luật thanh tịnh, không để hủy phạm hay thiếu sót. Nếu người có thể giữ giới luật thanh tịnh thì có thể sinh ra các thiện pháp. Nếu không có giới luật thanh tịnh, thì mọi công đức lành đều không thể sinh khởi. Do đó, nên biết rằng giới là quan trọng nhất, là an ổn và là nơi trụ xứ của mọi công đức.

Các thầy Tỳ-kheo, nếu đã giữ gìn giới luật rồi thì hãy kiểm soát năm căn, đừng để chúng phóng túng rơi vào năm dục. Ví như người chăn trâu cầm gậy để trông coi, không để nó tự do phá hoại mùa màng của người khác. Nếu buông thả năm căn, thì chúng chạy theo năm dục không có giới hạn, không thể chế ngự được.

Cũng giống như con ngựa dữ không chế ngự bằng dây cương, nó sẽ kéo người xuống hố sâu. Nếu như bị cướp bóc, đau khổ chỉ kéo dài trong một đời. Nhưng tai họa từ năm căn kéo dài qua nhiều đời, gây hại vô cùng nghiêm trọng, không thể không thận trọng. Do đó, người trí kiểm soát các căn mà không chạy theo nó, phòng giữ như kẻ trộm, không để cho buông thả. Nếu có lúc lỡ buông thả, thì chẳng bao lâu cũng phải lập tức trừ diệt.

Năm căn này, tâm là chủ của chúng. Vì vậy, các ông phải khéo chế ngự tâm mình. Tâm rất đáng sợ, còn đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, kẻ thù tàn ác, ngọn lửa lớn dữ dội, những thứ như thế cũng không thể sánh bằng. Ví như có người tay cầm bình mật, động tác bất cẩn, chỉ nhìn vào mật mà không thấy hố sâu phía trước. Lại như voi điên không câu móc điều khiển, như khỉ vượn truyền cây nhảy nhót, khó mà kiềm giữ. Phải nhanh chóng kiềm chế, đừng để tâm buông thả. Nếu buông thả tâm, thì mọi việc thiện đều mất; nếu chế ngự được tâm về một chỗ, thì không việc gì là không thành. Vì thế, các Tỳ-kheo, hãy siêng năng tinh tấn, hàng phục tâm mình.

Các vị Tỳ-kheo, khi nhận các thức ăn uống nên coi như đang uống thuốc. Dù tốt hay xấu, chớ sinh tâm phân biệt thích hay không thích, mà chỉ nhằm mục đích nuôi dưỡng thân thể,

trừ con đói khát. Như ong hút mật, chỉ lấy hương vị mà không làm tổn hại sắc hương. Tỳ-kheo cũng vậy, khi nhận sự cúng dường, chỉ cần xua tan phiền não, không nên tham cầu quá nhiều, làm tổn hại thiện tâm. Ví như người trí biết cân nhắc sức trâu, biết nó có thể gánh vác bao nhiêu, không để quá sức mà cạn kiệt sức lực.

Các thầy Tỳ-kheo, ban ngày nên chuyên tâm tu tập các thiện pháp, chớ để phí thời gian. Đầu đêm và cuối đêm cũng không nên bỏ bê, giữa đêm thì tụng kinh, hãy tự điều chỉnh, đừng vì duyên có ngủ nghỉ mà để một đời trôi qua vô ích, không đạt được gì.

Thường nhớ nghĩ ngọn lửa vô thường luôn thiêu đốt thế gian. Hãy sớm tự cứu lấy mình, chớ ham mê ngủ. Các tên giặc phiền não luôn rình rập hại người, còn dữ hơn cả kẻ oán thù. Vậy sao có thể cho rằng ngủ nghỉ là tốt mà không tự cảnh tỉnh?

Rắn độc phiền não ngủ trong tâm, giống như rắn đen đang ngủ trong nhà. Phải dùng móc của giới luật sớm loại bỏ nó. Rắn ngủ được trừ rồi lúc đó mới có thể an tâm ngủ. Nếu chưa đuổi ra ngoài mà lại ngủ thì đó là người không biết hổ thẹn. Y phục hổ thẹn là thứ trang nghiêm nhất trong mọi trang sức. Sự hổ thẹn giống như móc sắt, có thể ngăn chặn người làm điều phi pháp. Vì vậy, phải luôn sinh tâm hổ thẹn, không được tạm thời ngưng, nếu rời xa hổ thẹn sẽ mất hết các công đức. Người có hổ thẹn thì có pháp lành, nếu không có hổ thẹn thì không khác gì các loài chim thú.

Các vị Tỳ-kheo, nếu có người đến chặt đứt từng phần thân thể của các vị, các vị hãy tự nhiếp tâm mình, đừng để sinh tâm sân hận. Cũng phải giữ gìn lời nói, không thốt ra lời ác độc. Nếu buông thả tâm sân hận, thì chính các vị tự cản trở con đường tu tập và đánh mất lợi ích của công đức. So công đức với nhần nhục thì trì giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Người có thể thực hành nhần nhục mới xứng đáng gọi là bậc đại lực sĩ.

Nếu không thể vui vẻ chịu đựng những lời ác độc mắng chửi như đang uống cam lộ, thì không thể gọi là người có trí tuệ nhập đạo. Vì sao lại như vậy? Vì tai hại của sân hận sẽ phá hủy mọi thiện pháp và làm tổn hại danh tiếng tốt đẹp. Dù là đời này đời sau, người đều không thích gặp. Phải biết tâm sân hận còn dữ dội hơn ngọn lửa dữ, phải luôn đề phòng đừng cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức, không gì hơn sân hận. Người tại gia còn thọ hưởng dục lạc, không phải người tu hành, không có cách tự chế ngự, nên sân hận có thể được tha thứ. Nhưng đối với người xuất gia tu đạo, lìa xa dục vọng mà còn ôm giữ sân hận thì thật không thể chấp nhận. Như giữ trời xanh trong mắt mà lại có sấm sét, thật không phù hợp.

Các thầy Tỳ-kheo, hãy tự xoa đầu, nhớ rằng đã từ bỏ các trang sức tốt đẹp, mặc y phục hoại sắc, cầm giữ bình bát đúng lượng dùng khát thực để sống. Tự thấy như vậy, nếu khởi tâm kiêu mạn, phải mau chóng diệt trừ nó. Kiêu mạn càng gia tăng thì ngay cả người thế tục, người cư sĩ tại gia cũng không nên có, huống chi là người đã xuất gia tu đạo. Đã vì cầu giải thoát mà hạ mình đi khát thực để sống.

Các ông, các Tỳ-kheo! Tâm nịnh hót quanh co trái ngược với đạo, bởi thế phải giữ tâm chân thật, ngay thẳng. Nên biết tâm nịnh hót quanh co chỉ là để lừa dối, người tu đạo không như vậy. Vì lý do này, các ông phải sửa tâm mình lấy sự ngay thẳng làm gốc.

Các thầy Tỳ-kheo, các ông nên biết rằng người nhiều ham muốn, vì ham muốn nhiều lợi lộc nên đau khổ cũng nhiều. Người ít ham muốn, không cầu, không dục thì không có những phiền não này. Ngay cả việc ít ham muốn cũng đã đáng để tu tập, huống chi là ít ham muốn có thể sinh ra nhiều công đức. Người ít ham muốn thì không có sự đua nịnh để lấy lòng người khác, cũng không bị các căn chi phối. Người thực hành ít ham muốn thì lòng luôn thản nhiên, không lo sợ điều gì, đối mặt mọi việc đều đủ đầy, không thấy thiếu thốn. Người ít ham muốn thì đó chính là Niết-bàn. Đây gọi là ít ham muốn.

Các thầy Tỳ-kheo, nếu muốn thoát khỏi các khổ não, thì thì thường quán biết đủ. Pháp biết đủ chính là nơi giàu sang an ổn. Người biết đủ, dù nằm trên đất cũng thấy an vui; người không biết đủ, dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Người không biết đủ, tuy giàu mà nghèo; người biết đủ, tuy nghèo mà giàu. Người không biết đủ thường bị năm dục lôi kéo, được người biết đủ thương xót. Đó gọi là biết đủ.

Các thầy Tỳ-kheo muốn cầu sự tịch tĩnh, vô vi, an lạc. Thì nên rời xa chốn náo nhiệt, ở một mình, sống nơi an tĩnh. Người ở nơi an tĩnh được Đế Thích và Chư thiên cùng kính trọng. Vì vậy, hãy từ bỏ hội chúng của mình và của người khác, sống một mình nơi vắng vẻ, suy nghĩ về diệt trừ gốc rễ của khổ đau. Nếu ưa thích sống cùng đám đông, sẽ phải chịu nhiều phiền não. Ví như cây lớn có nhiều chim tụ tập sẽ nguy cơ bị khô héo và gãy đổ. Sự trói buộc của thế gian làm chìm đắm trong khổ đau, giống như voi già sa lầy không thể tự thoát ra. Đây gọi là sự xa lìa.

Các thầy Tỳ-kheo, nếu siêng năng tinh tấn thì việc gì cũng không khó. Vì vậy, các thầy nên siêng năng tinh tấn. Ví như dòng nước nhỏ chảy lâu có thể làm mòn đá. Nếu tâm người tu hành nhiều lần, thường xuyên lười nhác, thì giống như dầu lửa nhưng chưa nóng đã dừng. Dù muốn có lửa nhưng khó mà có được. Đây gọi là tinh tấn.

Các thầy Tỳ-kheo, nếu tìm cầu thiện tri thức, tìm cầu sự hộ trì tốt lành, không gì bằng việc không đánh mất chính niệm. Nếu có người không đánh mất chính niệm, thì các tên giặc phiền não sẽ không thể xâm nhập. Do đó, các thầy trong tâm thường phải thu nhiếp niệm. Nếu đánh mất chính niệm thì mất hết mọi công đức. Như sức niệm lực được mạnh mẽ, vững chắc thì dù vào giữa bọn cướp của năm dục cũng không bị hại. Như mặc áo giáp vào trận thì không sợ hãi. Đây gọi là không đánh mất chính niệm.

Các thầy Tỳ-kheo nếu có thể thu nhiếp tâm, thì tâm sẽ ở trong định. Vì tâm ở trong định nên sẽ biết được pháp tướng

sinh diệt của thế gian. Vì vậy, các thầy phải luôn siêng năng tu tập các loại định. Nếu đạt được định, tâm sẽ không tán loạn. Giống như nhà quý trọng nước thì khéo léo xây dựng đê điều, hồ ao. Người tu hành cũng như vậy, vì giữ dòng nước trí tuệ nên khéo léo tu tập thiền định, khiến cho không bị rò rỉ, thất thoát. Đó được gọi là định.

Các vị Tỳ-kheo, nếu có trí tuệ thì sẽ không tham đắm. Thường tự phản tỉnh, không để mất đi. Như vậy, trong pháp của ta, có thể đạt được giải thoát. Nếu không như thế thì không phải là người tu đạo, cũng không phải là người cư sĩ tại gia, chẳng có danh xưng gì cả. Người có trí tuệ chân thật chính là chiếc thuyền vững chắc để vượt qua biển khổ sinh, lão, bệnh, tử, cũng là ngọn đèn lớn trong bóng tối vô minh, là liều thuốc hay cho mọi bệnh nhân, là cây rìu sắc bén chặt đứt cây phiền não. Vì vậy các ông nên dùng sự nghe, tư duy, và tu hành để tự tăng trưởng. Nếu người có ánh sáng trí tuệ dù không có thiên nhãn nhưng cũng vẫn là người sáng suốt. Đây gọi là trí tuệ.

Các vị Tỳ-kheo! Nếu còn đắm chìm trong các loại hý luận thì tâm sẽ bị tán loạn. Như vậy dù đã xuất gia, nhưng vẫn chưa đạt được giải thoát. Vì vậy, các thầy Tỳ-kheo nên nhanh chóng từ bỏ những tâm niệm tán loạn và hý luận. Nếu các thầy muốn đạt được niềm an vui tịch diệt, thì chỉ có cách là phải dứt bỏ hoàn toàn những tai họa do hý luận. Đây gọi là không hý luận.

Các thầy Tỳ-kheo! Đối với các công đức thường phải một lòng chuyên nhất, từ bỏ mọi sự buông thả như tránh xa kẻ thù ác độc. Đức Thế Tôn Đại Bi tuyên nói những điều lợi ích tất cả đều là chỗ cứu cánh. Các ông cần siêng năng mà thực hành theo. Dù ở trong núi sâu, hay đồng hoang, dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, hoặc tịnh thất, hãy ghi nhớ những pháp đã thọ nhận, đừng để quên mất. Luôn tự khích lệ mình, tinh tấn mà tu hành, đừng để chết một cách vô ích, để rồi sau này phải hối tiếc. Ta chỉ như một vị lương y, biết bệnh mà kê thuốc, uống hay không uống thì không phải lỗi của thầy thuốc. Lại

như một người dẫn đường tốt, chỉ đường thiện cho người khác, nếu nghe mà không đi theo, thì đó chẳng phải lỗi của người dẫn đường.

Như các ông nếu đối với pháp Tứ Đế như Khổ Đế, có điều nghi ngờ thì hãy mau chóng hỏi, chớ nên ôm giữ nghi ngờ mà không cầu giải đáp. Khi ấy, Thế Tôn đã ba lần nói như vậy, nhưng không ai đặt câu hỏi. Vì sao như vậy? Vì đại chúng không còn gì nghi ngờ nữa. Lúc đó, tôn giả A-nậu-lâu-đa quán sát tâm ý của đại chúng và bạch Phật rằng: 'Bạch Thế Tôn, mặt trăng có thể trở nên nóng, mặt trời có thể khiến cho lạnh, nhưng lời Phật dạy về pháp Tứ Đế không thể sai khác. Phật nói Khổ Đế là thật sự khổ, không thể làm thành vui. Tập thật sự là nhân, không có nhân nào khác. Nếu khổ diệt thì nhân cũng diệt, chính vì nhân đã diệt thì quả cũng diệt. Đạo diệt khổ thực là đạo chân chính, không còn con đường nào khác. Bạch Thế Tôn, các vị Tỳ-kheo đối với pháp Tứ Đế đều hoàn toàn không có nghi ngờ.'

Ở trong đại chúng, những người chưa hoàn thành việc cần làm, khi thấy Phật nhập diệt, ắt sẽ có lòng đau buồn. Còn những ai mới bước vào Phật pháp, nghe những lời Phật dạy, liền được giải thoát, như trong đêm tối thấy ánh chớp, liền thấy được đường đi. Còn những người đã hoàn thành việc cần làm, đã vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ rằng: Thế Tôn nhập diệt, sao mà sớm đến vậy.

A-nậu-lâu-đa tuy nói lời này, nhưng tất cả chúng hội đều thấu hiểu nghĩa của Tứ Thánh Đế. Thế Tôn muốn khiến cho đại chúng đều được sự kiên cố, với tâm đại bi lại vì đại chúng nói pháp: "Các thầy Tỳ-kheo, chớ mang lòng buồn đau. Giả sử ta ở đời một đại kiếp, rồi cũng phải diệt, hội mà không tan, thật không thể có được. Lợi mình và lợi người, trong pháp đều đã viên mãn, nếu ta ở lại lâu hơn, cũng không còn lợi ích gì. Những chúng sinh đáng độ, dù ở cõi trời hay nhân gian, đều đã được độ hết; những người chưa độ cũng đã gieo nhân duyên để được độ. Từ nay về sau, các đệ tử của ta hãy rộng truyền giáo

Hòa thượng Tuyên Hóa

pháp và y theo pháp mà tu hành. Đó chính là Pháp thân Như Lai luôn thường còn, không diệt mất”.

Vì vậy nên biết rằng thế gian đều là vô thường. Có hợp thì ắt có chia ly, chớ nên mang lòng ưu sầu, bởi lẽ tướng thế gian là như thế. Hãy chăm chỉ tinh tấn, sớm cầu giải thoát, dùng trí tuệ sáng suốt diệt trừ mọi si mê tăm tối. Thế gian thực sự mong manh, không có gì bền chắc. Nay ta diệt độ, như trừ bỏ bệnh dữ. Cái hình tướng tội lỗi ác độc đáng xả bỏ này, tạm gọi là cái thân, đang chìm đắm trong biển lớn sinh, già, bệnh, chết. Người có trí tuệ đều sẽ trừ diệt nó, như giết kẻ thù oán mà không vui mừng.

Các thầy Tỳ-kheo, nên luôn nhất tâm, siêng năng tìm cầu con đường giải thoát. Tất cả các pháp trong thế gian, dù động hay bất động, đều sẽ suy tàn và không có tướng an ổn. Các thầy hãy dừng lại, chớ nói thêm nữa. Thời gian sắp đến, ta sắp nhập Niết-bàn. Đây là lời dạy cuối cùng của ta.



----A1. Phần tựa

----A2. Phần Chính Tông (2 phần)

B1. Giải thích những yếu tố quan trọng chung của pháp thể gian (3 phần)

C1. Pháp trọng yếu đối trị nghiệp ác

D1. Giải thích căn bản về giới thanh tịnh

D2. Giải thích phương tiện xa lìa các giới thanh tịnh

D3. Giải thích giới có thể sinh ra các công đức

D4. Giảng về lợi ích của việc khuyến khích tu giới

C2. Pháp trọng yếu đối trị và chấm dứt khổ đau

D1. Đối trị khổ do căn phóng dật và dục phóng dật

D2. Đối trị khổ do tham lam

D3. Đối trị khổ do lười biếng và ngủ nghỉ

C3. Pháp trọng yếu đối trị và diệt trừ phiền não

D1. Đối trị chương ngại phiền não do sân hận

D2. Đối trị chương ngại phiền não do ngạo mạn

D3. Đối trị chương ngại phiền não do siểm khúc

B2. Giải thích những yếu tố quan trọng không chung với thể gian pháp (8 phần)

C1. Công đức không cầu

C2. Công đức biết đủ

C3. Công đức xa lìa

C4. Công đức không mệt mỏi

C5. Công đức không mất chánh niệm

C6. Công đức thiền định

C7. Công đức trí tuệ

C8. Công đức cứu cánh

--- A3. Phần lưu thông (4 phần)

B1. Khuyến tu và lưu thông

B2. Chứng quyết và lưu thông

B3. Dứt trừ nghi hoặc và lưu thông (3 phần)

C1. Làm rõ những nghi ngờ còn lại

C2. Đề dứt trừ những nghi ngờ

C3. Nhắc lại vô thường của pháp hữu vi để khuyến tu hành

B4. Dặn dò và lưu thông

**Năm 1979, Hòa thượng Tuyên Hóa giảng
tại Kim Luân Thánh Tự, Los Angeles, California, Hoa Kỳ**
A1. Phần Tựa A2. Phần Chính Tông A3. Phần Lưu Thông

Hiện giảng A1

Kinh Phật Di Giáo, hay còn gọi là kinh Lời Di Huấn của Phật, là di chúc mà Đức Phật để lại cho các đệ tử vào thời điểm đó, và cũng là để lại di chúc của Ngài cho quý vị, cho tôi và những đệ tử hiện tại của Đức Phật. Kinh này dạy chúng ta cách tu tập và thực hành như thế nào, y theo lời dạy phụng trì như thế nào.

Mỗi bộ kinh đa số đều có ba phần, ba phần này chính là Phần Tựa, Phần Chính Tông và Phần Lưu Thông. Bây giờ tôi giảng phần Tựa này. Sao gọi là Tựa? Tựa chính là nêu rõ nguyên do, trình bày duyên khởi của bộ kinh này. Phần Tựa này, còn gọi là phần Tựa đầu kinh, cũng gọi là Tựa sau kinh. Sao lại mâu thuẫn như vậy. Đã gọi phần Tựa đầu kinh thì không thể gọi phần Tựa sau và đã gọi phần Tựa sau thì không thể gọi là phần Tựa đầu kinh. Vậy tại sao lại vừa gọi là Tựa đầu kinh, vừa gọi là Tựa sau kinh? Điều này chẳng phải là tự mâu thuẫn sao? Không phải vậy.

Sao gọi là lời Tựa đầu kinh? Vì phần Tựa ở phần đầu của kinh, ở trước phần Chính Tông. Cho nên gọi là phần Tựa đầu kinh. Sao gọi là phần Tựa sau? Bởi vì khi thuyết giảng bộ kinh này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không hề nhắc tới lời Tựa này, phần Tựa này là do những người kết tập kinh tạng thêm vào khi kết tập, để trình bày nguyên nhân của bộ kinh, nên gọi là phần Tựa sau kinh. Vì vị trí đặt ở trước kinh nên gọi là phần Tựa đầu, chứ vốn khi Đức Phật giảng kinh không có phần Tựa đầu, mà đó là người đời sau thêm vào nên gọi là phần Tựa sau. Vì thế mà gọi là phần Tựa, phần Tựa dùng để trình bày duyên khởi của bộ kinh này.

Phiên âm

Thích Ca Mâu Ni Phật, sơ chuyển pháp luân, độ A-nhã-kiều-trần-như.

Dịch nghĩa

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần đầu chuyển pháp luân, hóa độ A-nhã-kiều-trần-như.

Giảng giải

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật chính là giáo chủ cõi Ta Bà của chúng ta. Danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật chúng ta phải nhớ danh hiệu này. Thích Ca Mâu Ni Phật là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Năng Nhân hay Tịch Mặc. Năng Nhân có nghĩa độ hết thấy chúng sanh, Tịch Mặc có nghĩa tự giác và giác tha, hoàn thành viên mãn hạnh nguyện giác ngộ của mình, rồi giúp người khác giác ngộ, giác hạnh viên mãn¹. Thích Ca Mâu Ni, chữ này là tên riêng. Còn chữ Phật, là danh hiệu mà tất cả chư Phật sau khi thành Phật đều có được, do đó “Phật” là một tên gọi chung. Hay còn gọi là “thông danh” và “biệt danh”; “Thông danh” có nghĩa là tất cả chư Phật đều được gọi là Phật. “Biệt danh” là Thích Ca Mâu Ni, đây là biệt danh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khác với danh hiệu của các vị Phật khác, nên gọi là biệt danh.

“*Lần đầu chuyển pháp luân*”: Sơ chính là mới ban đầu, Đức Phật ở dưới cội Bồ Đề lúc màn đêm dần nhường chỗ cho bình minh, Ngài nhìn thấy sao Mai tỏ sáng mà liền giác ngộ. Ngài đã thuyết pháp lần đầu tiên cho năm anh em Kiều-trần-như, giảng về ba lần chuyển Pháp Luân pháp Tứ Diệu Đế. Thế nào gọi là ba lần chuyển Pháp Luân pháp Tứ Diệu Đế? Lần chuyển đầu tiên, Phật nói: "Đây là Khổ, có tính bức bách".

¹ Giác hạnh viên mãn: Nghĩa là tam hoặc tịnh trừ, chúng đức tròn đầy, hạnh mãn quả viên. Nên gọi là giác hạnh viên mãn. (Tam hoặc: kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc)

Hòa thượng Tuyên Hóa

Khổ là khổ đau! có tính bức bách. "Đây là Tập, có tính chiêu cảm". Tập là phiền não, và phiền não này là do chính quý vị tự chiêu cảm. Tại sao quý vị lại có phiền não? Vì quý vị không hiểu biết, bị vô minh che lấp, nên tự sinh ra phiền não. "Đây là Diệt, có tính có thể chứng ngộ". "Đây là Đạo, tính có thể tu hành". Đạo là con đường có thể tu tập.

Lần chuyển thứ hai, Phật lại nói: Đây là Khổ, các ông nên biết; đây là Tập, các ông nên đoạn; đây là Diệt, các ông nên chứng; đây là Đạo, các ông nên tu.

Lần chuyển thứ ba:

Đây là Khổ, Ta đã biết, không cần biết thêm nữa;

Đây là Tập, Ta đã đoạn, không cần đoạn thêm nữa;

Đây là Diệt, Ta đã chứng, không cần chứng thêm nữa;

Đây là Đạo, Ta đã tu, không cần tu thêm nữa.

"Độ A-nhã-kiền-trần-như": Khi Đức Phật giảng về pháp Tứ Diệu Đế, ngài Kiền-trần-như liền khai ngộ. Cho nên, mọi người gọi ngài là người đầu tiên được ngộ đạo, người đầu tiên khai ngộ, mở mang trí huệ. Đầu tiên giác ngộ tức là hiểu ra trước tiên, sự hiểu biết sơ khởi này còn gọi là "Giải bốn tế", nghĩa là hiểu rõ bản thể xưa nay. "Giải bốn tế" còn gọi là hiểu về tánh Không, ngài đã giác ngộ lý Không trước tiên. Kiền-trần-như là một trong năm vị Tỳ-kheo, tại sao ông lại khai ngộ trước? Có thể nói là do Đức Thích Ca Mâu Ni đã giúp ông khai ngộ. Vậy nếu Đức Thích Ca Mâu Ni có thể giúp ông khai ngộ, tại sao không giúp tôi khai ngộ? Quý vị cũng muốn được giúp khai ngộ ư? Bây giờ quý vị gặp được Phật pháp, nếu quý vị thực hành theo những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy, đó cũng chính là Phật đang giúp quý vị hiểu rõ Phật pháp.

Chắc hẳn mọi người đều biết về câu chuyện của vua Ca Lợi — một vị vua đã chặt xẻ thân thể của Nhẫn Nhục Tiên Nhân. Trong Kinh Kim Cang có nói, thuở xa xưa, Đức Phật từng là một tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục, tu hành nhẫn nhục

trong rừng núi. Khi đó, móng tay của Ngài dài đến một thước, tóc dài không biết bao nhiêu thước, tóm lại là tóc Ngài rất dài. Trên đầu Ngài còn có những chú chim nhỏ đến làm tổ, và khắp người đều có chim chóc. Thậm chí, trên mặt Ngài còn có thể trồng rau. Tại sao mặt Ngài lại trồng được rau? Bởi vì đất bám trên mặt Ngài đã rất dày. Da mặt Ngài dày, trồng rau lên, rau mọc lên lại tươi tốt, mỡ màng, thậm chí còn ngon hơn cả rau dền ở Vạn Phật Thánh Thành.

"Nhẫn Nhục Tiên Nhân vốn dĩ chịu đựng những cái mà người khác không thể chịu nổi, quý vị thấy đấy, trên mặt đầy đất cát như thế, đáng lẽ phải rửa sạch đi, nhưng ngài ấy vẫn nhẫn nhịn, càng nhiều đất càng tốt. Chim sẻ nhỏ làm tổ trên đầu ngài ấy, ngài cũng không đuổi chúng đi, cứ để chúng xây tổ ở đó. Ngài ấy sợ rằng nếu làm kinh động đến chúng, chúng sẽ sợ đến nỗi mất hồn. Nếu ngài ấy biết nói tiếng của loài chim, ngài có thể giúp chúng bình tĩnh và bảo chúng bay đi. Nhưng ngài ấy không biết cách giao tiếp với chúng nên có thể khiến chúng sợ đến chết khiếp, ngài cho rằng điều đó cũng làm sai lệch nhân quả. Vì thế, ngài cứ nhẫn nhịn. Trên đầu ngài ấy chắc cũng đã có rất nhiều chấy rận, chúng cứ cắn và hút máu ngài. Ngài lại nói, 'Ồ! Nhẫn những gì người khác không thể nhẫn.' Cứ thế mà nhẫn nhịn, nhẫn nhịn... tu hành nhẫn nhục, làm một Nhẫn Nhục Tiên Nhân."

Nhưng vua Ca Lợi dẫn theo một nhóm cung tần, mỹ nữ trang điểm rực rỡ lên núi săn bắn, 'hunting, go to hunt!' Vua Ca Lợi thấy những con hươu, nai và gấu hoang, liền truy đuổi để săn bắt. Lúc đó, họ sử dụng cung tên, dao, giáo và phi tiêu. Khi nhìn thấy con hươu, vua dùng một chiếc phi tiêu để bắt nó. Lúc này vua không còn để tâm vào vấn đề gì nữa, chẳng màng đến điều gì khác, thậm chí quên cả những cung nữ và phi tần đi cùng. Những cung nữ này cũng không có việc gì làm, nên đi thám hiểm khắp nơi, tìm xem có gì thú vị. Cuối cùng, họ phát hiện ra chỗ của Nhẫn Nhục Tiên Nhân. Từ xa nhìn lại, những phi tần này đều rụt rè. 'A! Các người xem kia

là gì? Có phải là ma không?' 'Ồ! Đó không phải là ma, có lẽ là yêu tinh thì đúng hơn? Các người nhìn xem, trông nó kỳ quái làm sao!' Họ vừa sợ hãi, nhưng lại tò mò, muốn nhìn rõ hơn xem chuyện gì đang diễn ra."

"Thế là có một cung nữ gan dạ bước tới và hỏi ông ta: 'Này! Ông là gì thế?' Nhẫn Nhục Tiên Nhân đáp: 'Ta là một con người mà!' Vừa nghe ngài ấy nói, các cung nữ và phi tần liền bảo nhau: 'Đây không phải là quái vật, cũng chẳng phải yêu quái, ông ấy còn biết nói chuyện nữa!' Họ lại hỏi: 'Vậy ông ở đây làm gì?' Ông đáp: 'Ta đang tu hành nhẫn nhục.' 'Tu hành nhẫn nhục là làm gì vậy?' 'Là bất kể ai chửi ta, ta cũng nhẫn nhịn; ai đánh ta, ta cũng nhẫn nhịn; bất kỳ ai ức hiếp ta, ta cũng nhẫn nhịn; bất kể chuyện gì xảy ra, ta đều nhẫn nhịn.' Các phi tần lại hỏi: 'Ông có nhẫn nhịn nổi không?' 'Tất nhiên là ta nhẫn nhịn được, ngay cả khi bây giờ các người giết ta, ta cũng nhẫn nhịn'. Các phi tần nghe xong, cảm thấy đây là một người rất hiếm có! Thế là người này đến sờ đầu ông ta, người kia lại sờ áo ông ta, rồi hỏi: 'Trên mặt ông mọc cái rau này, tôi có thể mang về ăn không?' Ông ta đáp: 'À! Được chứ.'"

Khi cuộc trò chuyện đang diễn ra sôi nổi, thì vua Ca Lợi sau khi săn bắn xong liền nhớ đến các cung tần của mình: 'Hừm! Họ đã chạy đi đâu hết rồi nhỉ?' Thế là vua bắt đầu đi tìm khắp nơi. Trong lúc tìm kiếm, vua nghe thấy tiếng các cung tần nói chuyện huyên náo ở gần một hang động trên núi, liền tìm đến đó. Khi đến nơi, vua thấy một người tóc dài, râu ria xồm xoàm, ăn mặc nhếch nhác đang ngồi ở đó. Vua Ca Lợi hỏi: 'Này! Người làm gì ở đây? Người ở đây để làm gì?'

Nhẫn Nhục Tiên Nhân đáp: 'Ta đang tu hạnh nhẫn nhục ở đây'. Vua Ca Lợi hỏi: 'Người nhẫn nhục cái gì?' Ông nói: 'Ta nhẫn nhục là ai chửi ta, ta cũng im lặng; ai đánh ta, ta cũng không đánh lại; ai giết ta, cũng không quan tâm!' 'Ồ! Vậy à! Ta không tin người làm được như vậy. Người ở đây tu hành nhẫn nhục, sao người lại trêu ghẹo cung tần, mỹ nữ của ta? Người muốn dụ dỗ họ à?' Nhẫn Nhục Tiên Nhân nói: 'Ta không hề dụ

dỗ họ, cũng không trêu ghẹo mỹ nữ của ông'. Vua Ca Lợi nói: 'Người thật sự có thể nhẫn nhục sao?' Nhẫn Nhục Tiên Nhân đáp: 'Ta thật sự có thể nhẫn nhục!' Hừ! 'Thật sự có thể nhẫn nhịn? Được rồi! Ta sẽ chặt tay người, xem người có nhẫn nhịn được không'. Rồi vua rút kiếm ra chặt một tay của ông, sau đó hỏi: 'Người có thể nhẫn nhịn được không?'

Nhẫn Nhục Tiên Nhân đáp: 'Ta có thể nhẫn'. Vua lại chặt nốt tay kia và nói: 'Người còn nhẫn được không? Rốt cuộc là người có thể nhẫn không?' Nhẫn Nhục Tiên Nhân đáp: 'Ta có thể nhẫn'. Vua Ca Lợi nói: 'Ta không tin, người chỉ biết nói lời lớn lối, trong lòng người chắc đau đớn lắm, hận ta đến tận xương tủy, nhưng vẫn dám nói có thể nhẫn nhịn. Được rồi! Nếu người nhẫn nhịn được, ta sẽ chặt luôn chân của người'. Vua lại vung kiếm chặt luôn một chân. Vua hỏi tiếp: 'Người còn nhẫn được không?' Ngài đáp: 'Ta còn nhẫn được'. Vua Ca Lợi tiếp tục dùng kiếm chặt luôn chân còn lại, cả hai tay và hai chân của ngài đều bị chặt đứt. Vua hỏi tiếp: 'Người còn nhẫn được không?' Nhẫn Nhục Tiên Nhân đáp: 'Ta vẫn còn nhẫn được'. Vua hỏi: 'Người nhẫn nhịn được thì có bằng chứng gì chứ?' Quý vị thấy đó, vua Ca Lợi thật tàn nhẫn! Người ta đã nói nhẫn nhịn, mà ông ta còn đòi chứng minh!"

Nhẫn Nhục Tiên Nhân nói: 'Ông chặt đứt tứ chi của ta, nếu ta sinh lòng oán hận, tay chân của ta sẽ không thể hồi phục như ban đầu, không thể mọc lại. Nhưng nếu ta thực sự nhẫn, không sinh lòng oán hận, tứ chi của ta sẽ hồi phục như ban đầu, mọc lại hoàn toàn'. Vừa nói xong, tay chân của ngài liền mọc lại, không bị đứt nữa, cũng không cần thầy thuốc nào đến nối lại, và nó đã lành lặn trở lại. Vua Ca Lợi thốt lên: 'Đây quả thật là một yêu quái! Tay chân đã bị chặt đứt mà lại nối liền trở lại, thật kỳ lạ không thể tin nổi!' Vua lại định dùng bảo kiếm để chém ông ta một trận loạn xạ nữa.

Lúc này, các vị Hộ pháp, Thiên Long Bát Bộ đều nổi giận. Gió lớn nổi lên, mưa to đổ xuống, rồi cả mưa đá cũng trút xuống đánh vào vua Ca Lợi. Vua thấy cảnh tượng như

vậy, liền sinh lòng đại sám hối: 'Ôi trời! Ta thật sự phạm sai lầm rồi! Sao ta có thể ức hiếp một vị tu hành như vậy? Ta đã tạo ra tội nghiệp quá lớn'. Vừa sám hối, các vị Hộ pháp, Thiên Long Bát Bộ cũng nguôi giận. Nhẫn Nhục Tiên Nhân nói: 'Thôi được rồi! Mặc dù ông đã chặt đứt tứ chi của ta, nhưng ta không hề oán hận ông. Không những không oán hận, mà khi ta thành Phật, ta sẽ độ người thành Phật trước. Nếu ông không thành Phật, ta cũng sẽ không thành Phật.'

Cho nên, Nhẫn Nhục Tiên Nhân chính là tiền thân của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Còn vua Ca Lợi chính là ngài Kiều-trần-như. Do mối nhân duyên này, sau khi thành Phật, Thích Ca Mâu Ni liền đến vườn Lộc Uyển trước tiên để thực hiện lời thệ nguyện từ thuở trước, độ cho năm anh em Tỳ-kheo. Kiều-trần-như là người đầu tiên giác ngộ, khế hợp với lời thệ nguyện xưa của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, nên ông được gọi là người đầu tiên chứng đạo.

Phiên âm

Tối hậu thuyết pháp, độ Tu-bạt-đà-la, sở ưng độ giả, giai dĩ độ cật. Ư Sa-la song thụ gian, tương nhập Niết-bàn. Thị thời trung dạ, tịch nhiên vô thanh, vị chư đệ tử, lược thuyết pháp yếu.

Dịch nghĩa

Thuyết pháp lần cuối cùng độ cho Tu-bạt-đà-la. Những người cần được độ đã đều được độ xong. Giữa hai cây Sa-la, chuẩn bị nhập Niết-bàn. Vào lúc giữa đêm, mọi thứ đều tĩnh lặng, ngài vì các đệ tử mà tóm lược yếu chỉ của giáo pháp.

Giải giải

Sau lần đầu tiên độ Kiều-trần-như cho đến lần cuối cùng thuyết pháp thì Đức Phật đã trải qua 49 năm thuyết pháp, tổ chức hơn ba trăm hội giảng kinh, rồi lần cuối cùng thuyết pháp là “*độ cho Tu-bạt-đà-la*”: ngài thuyết pháp cho Tu-bạt-đà-la. Tu-bạt-đà-la là một ông lão, một lần nọ ông muốn tự tử vì cảm thấy cuộc sống không còn ý nghĩa, không còn lối thoát nào

khác, nên ông muốn nếm thử mùi vị của cái chết. Ông đi đến sông Hằng, định nhảy xuống sông tự vẫn. Đúng lúc ông sắp nhảy xuống, Phật đến phía sau và hỏi: 'Này! Ông định làm gì vậy?' Tu-bạt-đà-la đáp: 'Tôi đã già không còn cử động nổi nữa, ăn uống chẳng có mùi vị, răng thì rụng hết, mắt cũng mờ, tai điếc, chân đi chẳng vững, sống không còn chút thú vị nào, tôi định nhảy xuống sông Hằng để chết, thử xem cái chết có gì thú vị'. Phật nói: 'Ông đừng chết, ông vẫn có thể xuất gia tu đạo mà! Như thế còn tốt hơn là chết'. Ông lão hỏi: 'Tôi xuất gia sao? Tôi đã già thế này rồi, ngài có nhận tôi không? Tôi đã hơn tám mươi tuổi rồi!' Phật đáp: 'Được! Ông hãy đi xuất gia, ta sẽ thu nhận ông.'

Thế là, ông lão này đã đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, để tìm Phật xin xuất gia. Ông đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc và nói với các vị Tỳ-kheo rằng muốn xuất gia. Lúc này, đa số các Tỳ-kheo đều đã chứng quả, những vị A-la-hán đã chứng quả có thể quan sát tám vạn đại kiếp. Và khi các A-la-hán này quan sát ông lão trong tám vạn đại kiếp, họ thấy rằng ông ta không hề gieo trồng một chút thiện căn nào. Người không có thiện căn thì không thể xuất gia, dù có muốn xuất gia cũng không thành công được. Những vị A-la-hán này rất thẳng thắn, thật thà, nên đã nói với ông lão: 'Ông không được, ông không thể xuất gia'. 'Tại sao tôi lại không thể xuất gia?' 'Ông không có thiện căn, trong tám vạn đại kiếp qua ông không hề gieo trồng thiện căn, nên ông muốn xuất gia thì không thể được. Đừng nghĩ rằng xuất gia dễ dàng, bởi vì phải do nhiều đời nhiều kiếp gieo trồng Bồ đề. Nếu không có thiện căn, muốn xuất gia cũng sẽ gặp trở ngại, không thể được đâu'.

Ông lão này, Phật gọi ông đến để xuất gia, nhưng các vị A-la-hán không giữ ông lại, khiến ông lại khóc. Khóc rồi, ông định quay đầu bỏ đi. Đúng lúc ông vừa xoay người muốn rời đi, Phật từ phía sau tới. Ông lão nói: 'Này! Ngài không phải đã bảo tôi đến xuất gia sao? Vậy mà khi tôi đến đây, những người này đều không cho tôi ở lại'. Phật nói: 'Họ không giữ ông,

nhưng ta giữ ông. Ông hãy đến đây! Hãy theo ta mà xuất gia'. Thế là ông theo Phật mà xuất gia, Đức Thích Ca Mâu Ni giảng pháp cho ông nghe, và ông đã chứng Sơ quả, trở thành một vị thánh nhân chứng Sơ quả.

Những vị A-la-hán đều sinh lòng nghi ngờ. Quý vị thấy đây, những A-la-hán này đã theo Phật mấy chục năm rồi, nhưng khi gặp chuyện lại sinh lòng nghi hoặc. Họ nghi ngờ điều gì? Họ nghĩ: 'Người này vốn không thể xuất gia, ông ta chưa từng gieo trồng thiện căn, nhưng sao bây giờ lại được xuất gia? Nếu như vậy, chẳng phải nhân quả báo ứng của Phật pháp không còn hiệu lực nữa sao?' Hoài nghi rồi, họ mới đi hỏi Phật.

"Họ thưa: 'Bạch Đức Thế Tôn, người này không thể xuất gia, ông ta trong tám vạn đại kiếp không hề gieo trồng thiện căn nào, sao Ngài lại giữ ông ta xuất gia? Hơn nữa, tại sao ông ta lại có thể chứng được Sơ quả?' Thích Ca Mâu Ni Phật nói: 'Các ông chỉ biết nhân quả trong tám vạn đại kiếp thôi, nhưng nhân quả ngoài tám vạn đại kiếp thì các ông không biết! Ông lão này, hơn tám vạn đại kiếp về trước, là một người tiểu phu đồn củi. Một ngày nọ, khi đang chặt củi trên núi, ông gặp phải một con hổ. Con hổ này muốn cắn ông, muốn ăn thịt ông. Thế là ông ta bèn trèo lên cây để trốn. Hổ thì không biết trèo cây, nhưng nó cũng có sự khôn ngoan của nó. Mặc dù không thể leo cây, nhưng nó biết gặm cây. Nó định gặm gãy cái cây này để ông rơi xuống, và nghĩ rằng: 'Như vậy, người sẽ rơi xuống, và ta sẽ ăn thịt người.'"

Con hổ gặm cây đến mức cây sắp gãy, gió thổi làm cây rung lắc dữ dội. Lúc này, ông lão đã hết cách, chẳng còn biết làm gì nữa, giống như câu nói: 'Nhàn rồi không thấp hương, đến khi nguy cấp mới ôm chân Phật'. Ông bèn thốt lên: 'Nam mô Phật!' Chỉ một câu 'Nam mô Phật' đó đã khiến con hổ hoảng sợ bỏ chạy. Nhờ câu niệm Phật mà ông thoát chết, nhưng sau khi hổ bỏ chạy, ông lại quên mất việc niệm Phật, và từ đó về sau, ông không hề nhớ đến việc niệm Phật nữa. Tuy

nhien, bây giờ chính là lúc thiện căn của ông đã chín muồi. Khi ông định tự sát, tình cảnh này giống hệt như lúc ông bị con hổ dồn ép, tưởng chừng sắp chết. Vì vậy, vào lúc này, ông mới nghĩ đến việc xuất gia. Đây là ông lão cuối cùng mà Đức Phật độ cho xuất gia.

“Những người cần được độ”: Những người đáng được độ đều đã được độ xong. *“Giữa hai cây Sa-la”*: Sa-la song thụ - có thuyết nói rằng, loại cây này có hai cây nhưng chung một rễ. Từ một rễ mọc lên rồi tách ra thành hai cây, phần dưới là một cây, phần trên là hai cây. Vì vậy, trong đời sống thế tục, người ta thường nói rằng đây là loài cây liên lý (連理樹), tượng trưng cho nam nữ yêu nhau say đắm, không thể rời xa nhau, ngay cả khi hóa thành cây cũng mọc cùng nhau, vươn lên bên nhau. Thế nên, giữa hai cây Sa-la này, Đức Phật *“sắp nhập Niết-bàn”*: sắp nhập vô dư Niết-bàn. *“Vào lúc giữa đêm”*: giữa đêm chính là lúc mười hai giờ. *“Mọi thứ đều tĩnh lặng”*: không có âm thanh nào vang lên. *“Ngài vì các đệ tử”*: Đức Phật vì tất cả các đệ tử mà *“tóm lược yếu chỉ của giáo pháp”*: giảng qua những điều quan trọng nhất trong giáo Pháp, đơn giản tóm tắt lại tâm nguyện và tư tưởng cả đời của Ngài bằng những lời ngắn gọn. Đây được xem như di chúc cuối cùng của Ngài - chính là Kinh Di Giáo.

A2. Phần Chính Tông (chia thành hai phần)

B1. Giải thích những yếu tố quan trọng chung của thế gian pháp

B2. Giải thích những yếu tố quan trọng không chung với thế gian pháp

B1 (chia thành ba phần)

C1. Pháp trọng yếu đối trị nghiệp ác

C2. Pháp trọng yếu đối trị và chấm dứt khổ đau

C3. Pháp trọng yếu đối trị và diệt trừ phiền não

C1 (chia thành bốn phần)

- D1. Giải thích căn bản về giới thanh tịnh
- D2. Giải thích phương tiện xa lìa các giới thanh tịnh
- D3. Giải thích giới có thể sinh ra các công đức
- D4. Giảng về lợi ích của việc khuyến khích tu giới

Hiện tại là phần D1

Phiên âm

Như đấng Tỳ-kheo, u ngã diệt hậu, đương tôn trọng trân kính Ba-la-đề-mộc-xoa, như ám ngộ minh, bản nhân đắc bảo. Đương tri thử tắc thị dư đấng đại sư, nhược ngã trụ thế, vô dị thử dã.

Dịch nghĩa

Các vị Tỳ-kheo! Sau khi Như Lai diệt độ, các ông nên tôn trọng và trân quý Ba-la-đề-mộc-xoa, như trong tối gặp được ánh sáng, như người nghèo được của báu. Hãy biết rằng đây chính là vị thầy của các ông, không khác gì khi ta còn trụ thế.

Giảng giải

Đây là phần đầu của phần Chính Tông, mở đầu phần Chính Tông. Thế nào gọi là Chính Tông? Chính là chỉ thẳng vào mục đích chính yếu, nói về ý nghĩa của kinh điển, nên được gọi là Chính Tông. “*Các vị Tỳ-kheo*”: ‘Các vị’ ở đây không phải chỉ nói đến Tỳ-kheo (và Tỳ-kheo-ni), mà còn bao gồm cả Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Ưu-bà-tắc là người cư sĩ nam, còn Ưu-bà-di là người cư sĩ nữ. “*Các vị Tỳ-kheo*” là lời Đức Phật nói. ‘Các vị’ ở đây nghĩa là tất cả mọi người. Mọi người là ai? Chính là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Dù trong kinh văn không viết rõ Tỳ-kheo-ni, nhưng cũng đã bao hàm cả Tỳ-kheo-ni trong đó.

“*Sau khi Như Lai diệt độ*”: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn; “*nên tôn trọng và trân quý Ba-la-đề-mộc-xoa*”: tất cả quý vị nên tôn trọng, xem giới luật như Đức Phật, như thầy, phải kính trọng giới luật như kính trọng thầy mình, mỗi ngày đều

nên đánh lễ và khấu đầu trước giới luật. Tóm lại, nếu quý vị tuân giữ giới luật thì sẽ được giải thoát; nếu không giữ giới luật thì sẽ không thể đạt được giải thoát. Nếu mỗi ngày không tuân giữ giới luật, sống lộn xộn, thiếu kỷ luật, thì quý vị sẽ trở nên buông thả, mất đi định lực; mà nếu không có định lực thì sẽ không có trí huệ. Vì vậy, trước tiên cần phải có giới luật, và khi có sức mạnh của việc giữ giới thì mới sinh ra được định lực. Quý vị phải giữ giới - giữ giới nghĩa là không làm các điều ác, siêng làm các điều thiện.

Nếu quý vị muốn làm việc ác thì không được, quý vị không thể vừa làm việc thiện, lại vừa làm việc ác, thiện ác lẫn lộn. Quý vị nghĩ rằng mình muốn giúp người khác, nhưng quý vị phải biết rõ mình đang ở vị trí nào. Khi giúp người, đừng để bản thân rơi vào tình cảnh giống như ‘Bồ tát đất sét qua biển’, đến khi vào nước thì chính mình cũng khó bảo toàn. Khi rơi xuống biển, bị nước biển làm tan chảy, không còn đứng vững được nữa, huống hồ giúp người khác. Như khi có người rơi xuống biển, quý vị nói rằng mình muốn xuống biển cứu người, nhưng khi xuống nước, chính quý vị cũng bị nước biển làm nhũn ra, biến mất không còn gì. Vì vậy, khi quý vị làm việc tốt, cũng phải nghĩ xem trong đó có xen lẫn hạt giống không sạch sẽ hay không? Có hành vi không thiện lành nào ẩn chứa trong đó không?

Quý vị hãy nhìn chữ “*tôn trọng*”, tôn trọng nghĩa là xem giới luật như Phật, như sư phụ của mình. Chữ “*Trân quý*”, nghĩa là xem giới luật như bảo vật vô thượng kim cang quang minh. ‘Vô thượng’ nghĩa là không có gì cao quý hơn; ‘kim cang’ nghĩa là nó quý giá như kim cương, như một viên đá quý vô cùng giá trị. Phải cung kính giới luật như vậy.

Ba-la-đề-mộc-xoa là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Hoa là “*kính pháp*”, có nghĩa là kính trọng sự giải thoát. Cần tu tập thiện pháp, đối trị ác pháp để đạt đến giải thoát. Quý vị tu trì giới luật, như tu tập Bảo Giới Kim Cương Quang Minh, giống như “*nư trong bóng tối gặp được ánh sáng*”: giống

như khi quý vị ở trong bóng tối, nơi không có ánh sáng, và bất ngờ gặp được ánh sáng. Quý vị có thể tưởng tượng sẽ vui mừng đến nhường nào! *“như người nghèo được của báu”*: giống như một người nghèo khổ đột nhiên tìm thấy kho báu, mỏ vàng, mỏ kim cương! Nhận được những kho báu này, người ta sẽ vui mừng khôn xiết, và từ đó không còn là người nghèo nữa. Tất cả những điều này chỉ là ví dụ. *“Hãy biết rằng đây chính là vị thầy của các ông”*: quý vị nên biết rằng giới luật chính là thầy của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, và Ưu-bà-di. Tất cả quý vị cần phải giữ giới, tuân thủ giới luật, vì đó chính là người thầy của quý vị.

“Không khác gì khi ta còn trụ thế”: Các thầy Tỳ-kheo có thể giữ giới luật, thì cũng như Đức Phật chưa nhập Niết-bàn, Ngài vẫn còn đang trụ ở thế gian. *“Không khác”*: là chẳng khác gì, là không có sự phân biệt. Vì vậy, sau khi Phật nhập Niết-bàn, tất cả những người xuất gia, tại gia đều phải lấy Giới làm thầy, luôn luôn giữ gìn giới báu kim cương sáng ngời, Giới luật này là gì? Là không tham, không nhiễm, cũng không tham tiền, không tham sắc, không tham danh, cũng không cầu lợi, buông bỏ tất cả, cũng không ham (háo) lợi, cũng không mong cầu gì. Chỉ cần bản thân làm điều tốt, không cần biết người khác có biết hay không, cũng không cần biết người ta đối tốt với ta hay không, không quan tâm điều đó, chỉ cần ta tự làm điều tốt, đây là điều mà tất cả người xuất gia đều phải thực hành, và tất cả người tại gia cũng nên không làm các điều ác, vâng làm tất cả các điều thiện.

D2. Giải thích phương tiện xa lìa các giới thanh tịnh

Phiên âm

Trì tịnh giới giả, bất đắc bán mại mậu dịch, an trí điền Trạch, súc dưỡng dân nhân nô tỳ súc sinh. Nhất thiết chủng trồng cùng chư tài bảo, giai đương viễn ly, như tị hỏa khổng. Bất đắc chặt phạt thảo mộc, khản thổ quật địa, hợp hòa thang được, chiêm tướng cát hung, ngưỡng quan tinh tú, thôi bộ doanh hư, lịch số toán kỹ, giai sở bất ưng.

Dịch nghĩa

Người giữ giới thanh tịnh không được giao dịch, mua bán ruộng vườn nhà cửa, nuôi dưỡng người hầu, nô bộc hay súc vật. Tất cả các việc trồng trọt cũng như tích lũy của cải đều phải tránh xa như tránh khỏi hỏa hỏa. Không được chặt cây, nhổ cỏ, khai khẩn đất đai, pha chế thuốc thang, bói toán tốt xấu, quan sát tinh tú, suy tính vận hành, tính toán lịch số. Tất cả những điều này đều không nên làm.

Giảng giải

Bộ Kinh này đối với người học Phật rất quan trọng, không thể xem nhẹ chút nào. Vì vậy, bây giờ nói đến "hiểu rõ phương tiện xa lìa giới thanh tịnh", giờ đây phải giải thích rõ ràng. Giải thích rõ ràng điều gì? Là giải thích rõ ràng rằng quý vị không thể vì đây là pháp phương tiện mà nói rằng tôi có thể làm một chút, không sao, phải linh hoạt uyển chuyển. Không thể được, quý vị không thể chỉ vì nói rằng điều này không có vấn đề, không sao, dễ dàng một chút, rồi quý vị muốn làm gì cũng được, điều này là không thể chấp nhận. Chữ "hiểu rõ" ở đây là quý vị phải hiểu rõ pháp phương tiện này, minh bạch pháp phương tiện chứ không phải dạy quý vị tùy tiện làm điều không đúng, không tuân theo quy tắc, muốn làm gì thì làm. "Xa lìa giới thanh tịnh": Đối với giới luật thanh tịnh này, quý vị không thể xa rời.

Vì vậy, trong kinh văn nói "*người giữ giới thanh tịnh*": người tu hành giữ giới thanh tịnh, đối với việc giữ giới phải coi trọng như bảo vệ đôi mắt của mình. Nếu quý vị không giữ giới, thì cũng giống như không có mắt, mắt đã mù lòa. Thậm chí việc giữ giới phải quan trọng như bảo vệ chính cái đầu của mình, nếu cái đầu của quý vị sắp mất đi, hoặc có người muốn trộm đầu của quý vị, chắc chắn quý vị sẽ tìm cách bảo vệ cái đầu của mình, không để cho người ta trộm mất, không để bị cắt đi. Nếu quý vị nói: "Tôi cứ chờ xem, nếu họ muốn trộm thì cứ để họ trộm! Trộm đầu tôi đi, tôi sẽ cho họ luôn!" Nếu vậy thì quý vị thật sự không biết quý trọng sinh mạng của mình. Vì

vậy, bảo vệ giới luật phải như bảo vệ cái đầu của mình. “*Người giữ giới thanh tịnh*” — là người thọ trì và giữ gìn giới thanh tịnh, điều này chỉ cả người xuất gia và tại gia, những ai giữ giới.

"Không được giao dịch, mua bán ruộng vườn nhà cửa": Hãy xem xem! Không được làm kinh doanh. ‘Không được’ có nghĩa là không được phép, quý vị không thể buôn bán thứ này, thứ kia, không thể làm kinh doanh. ‘Giao dịch’ tức là làm kinh doanh. ‘Mua bán’ có nghĩa là mua rất nhiều đất đai, nhà cửa. Nếu quý vị muốn xây chùa, thì điều này có thể chấp nhận, nhưng không được làm kinh doanh, buôn bán.

"Nuôi dưỡng người hầu": Nếu quý vị nuôi dưỡng các trẻ trai, trẻ gái không có cha mẹ, là trẻ mồ côi, điều này có thể. Nhưng nếu quý vị nuôi dưỡng họ để làm nô lệ, phục dịch cho mình, điều này là không thể chấp nhận.

"Nô bộc": Là sử dụng họ làm nô bộc, đầy tớ.

"Súc vật": Hoặc quý vị nuôi gia súc, nuôi mèo, nuôi chó. Có người yêu chó như sinh mạng của mình, yêu thương đến mức đó, thật mê muội! Có người thì thích mèo; còn như bây giờ, gấu trúc cũng được yêu thích. Hồng Kông muốn triển lãm gấu trúc, nên đã mượn một cặp từ Bắc Kinh, và lại còn phải mua bảo hiểm, thật phiền phức biết bao!

"Tất cả các việc trồng trọt": Hoặc trồng các loại cây, *"cũng như tích lũy của cải":* hoặc mua một số tài bảo rồi cất trong két sắt. Những việc này, người tu hành không được phép làm. *"Đều phải tránh xa":* Tất cả những điều này đều phải tránh xa, không nên làm những việc đó. Nếu quý vị làm những việc này, quý vị sẽ bị mê hoặc bởi rượu, sắc, tài, tình cảm. *"Như tránh khỏi hố lửa":* Quý vị nên nhìn những thứ như vàng, bạc, châu báu như nhìn thấy hố lửa, không nên gần gũi.

"Không được chặt cây, nhổ cỏ": Quý vị cũng không được chặt cây hay phá cỏ, cho nên nói "Một cành cây ngọn cỏ, không nở bẻ đôi", một cây cỏ nhỏ cũng không vô duyên vô cớ

phá hoại vô lý. "Một con trùng, một con kiến, không nỡ sát sinh", dù chỉ là một con sâu hay một con kiến, cũng không nỡ làm tổn thương chúng.

"Khai khẩn đất đai": Nghĩa là khẩn đất và đào đất. "Khẩn đất": tức là khai thác, sử dụng đất. "Đào đất": Dùng cuộc đào đất tạo thành hố, làm tổn hại nhiều con giun đất và nhiều sinh vật khác sống trong lòng đất.

"Pha chế thuốc thang": Hoặc pha chế thuốc thang, hay châm cứu cho người, những việc này đều là việc mà người xuất gia không nên làm. Người xuất gia phải khát thực để tự nuôi sống mình — đi xin ăn, ăn no là đủ, không nên có tiền. Nếu người xuất gia có tiền, thì sẽ xong đời, nhất định sẽ không giữ giới luật. Có người nói: "Ngài có Vạn Phật Thánh Thành mà?" Vạn Phật Thánh Thành không phải của tôi, tôi tay trắng, hoàn toàn thanh tịnh. Vạn Phật Thánh Thành là dành cho tất cả Phật tử. Đừng nghĩ rằng nếu không làm kinh doanh thì Vạn Phật Thánh Thành từ đâu mà có? Không có lý nào như vậy. Quý vị muốn biết Vạn Phật Thánh Thành từ đâu mà có không? Thằng thẩn nói cho các quý vị biết, đó là nhờ Kim Sơn Thánh Tự, Tổng hội Phật giáo Trung Mỹ (tiền thân của Tổng hội Pháp giới Phật giáo), Học viện Dịch Kinh Quốc tế, tâm huyết trong hơn mười năm mà thành. Không phải nhờ tìm cách kinh doanh mà có, quý vị phải rõ điều đó.

"Pha chế thuốc thang" là như nói: "Tôi điều chế cho quý vị một thang thuốc, quý vị trả tôi năm trăm đồng, bệnh gì của quý vị cũng sẽ khỏi, thuốc của tôi bảo đảm chữa lành mọi bệnh". Quý vị thấy có ghê gớm không!

"Bói toán tốt xấu": Xem tướng cũng giống như có người nói với quý vị, "Cô nên cẩn thận với chồng mình nhé! Anh ta có số đào hoa, nếu cô không cẩn thận, anh ấy sẽ rời bỏ cô, rồi cô sẽ thế này thế kia". Vốn dĩ chẳng có vấn đề gì, nhưng khi nghe lời này, người phụ nữ trở nên cảnh giác, ngày nào cũng phải để mắt đến chồng, quan sát từng cử chỉ của anh ấy. Thậm chí anh ấy chỉ cần chớp mắt, cô cũng hỏi: "Anh đang

nghĩ gì đây? Có phải anh đang nghĩ đến người tình bên ngoài không?" Ban đầu không có vấn đề gì, nhưng lại tự tạo ra vấn đề. Người vợ ngày nào cũng nghi ngờ chồng, còn người chồng thì nghĩ: "Sao lại như vậy? Có phải em đã có bạn trai rồi không? Ô! Thế thì anh cũng phải cẩn thận một chút!" Thế là người chồng cũng bắt đầu quan sát vợ, hai người cùng theo dõi lẫn nhau. Theo dõi chưa đủ, còn thuê cả thám tử tư. Thuê thám tử rồi, lại nói: "Anh theo dõi cô ấy giúp tôi, tôi sẽ trả cho anh bao nhiêu tiền." Ôi! Nhiều tiền quá, nếu không tiêu phung phí thì làm sao đây?

Quý vị thấy đây, đây chính là xem bói tốt xấu. Xem tướng, "Đề tôi coi tướng mặt cho anh, ôi! Vàng trán của anh tối đen, việc kinh doanh của anh có vấn đề rồi, chắc chắn sẽ mất tiền, anh nên cẩn thận. Tháng Giêng phải cẩn thận, tháng Hai lại càng phải chú ý, tháng Ba thì càng phải đặc biệt đề phòng". Quý vị thấy không! Không có tháng nào tốt, tháng nào cũng là tháng xấu. "Năm 1980 này không qua được đâu, năm nay thực sự là tai họa ập đến!" "Sao lại thế này?" Đây đều gọi là xem bói tốt xấu.

"*Quan sát tinh tú*": có nghĩa là ngẩng đầu lên mà nhìn tinh tú trên trời. "Anh có biết không? Hôm nay tôi thấy sao Bắc Đẩu sáng rực, thực sự là sắp có bậc Minh Quân ra đời. Sinh ra ở đâu? Sinh ở Hà Nam, Lạc Dương chỗ đó, sau này sẽ đến đó tìm hoàng đế." Quý vị thấy không! Chuyện gì anh ta cũng biết, nhưng nếu hỏi anh ta ăn bao nhiêu bát cơm, bao nhiêu hạt gạo? Hỏi thì anh ta trợn mắt, không biết gì cả, thật buồn cười. Đây gọi là "quan sát tinh tú."

"*Suy tính vận hành*": Vận hành nghĩa là tính toán lịch vận hành, suy xét hiện tượng tròn khuyết của mặt trăng mặt trời.

"*Tính toán lịch số*": Lịch số là việc làm toán số. Dùng thiên văn học, địa lý để tính toán này nọ.

"*Tất cả những điều này đều không nên làm*": Đây đều là những việc mà người xuất gia không nên làm.

Phiên âm

Tiết thân thời thực, thanh tịnh tự hoạt.

Dịch nghĩa

Tiết chế thân thể, ăn đúng giờ giấc, sống cuộc sống thanh tịnh.

Giảng giải

"Tiết chế thân thể, ăn đúng giờ giấc": "Tiết chế thân thể", có nghĩa là phải nghiêm túc với bản thân mình, hàng ngày cần vận động một chút, đừng để nó lười biếng, như kẻ lười nhác vậy. Có thể tập Thái Cực Quyền hoặc làm một số bài tập thể dục. Đừng tiếp xúc với nhiều phụ nữ, hay tiếp xúc nhiều với người khác giới! Đó được gọi là tiết chế thân thể. *"Ăn đúng giờ giấc"*: là quý vị phải ăn đúng giờ. Đừng hôm nay ăn sớm, ngày mai ăn muộn, rồi ngày kia lại không ăn. Phải có giờ giấc nhất định. Vì vậy, tại Vạn Phật Thánh Thành, chúng tôi luôn ăn vào lúc 11 giờ. Bởi vì chúng tôi chỉ ăn một bữa mỗi ngày, nếu không ăn vào lúc 11 giờ, dạ dày của tất cả người xuất gia ở đây sẽ đói đến mức gào khóc.

"Sống cuộc sống thanh tịnh": Cuộc sống phải luôn thanh tịnh, không nên bị ô nhiễm, đừng ăn uống bừa bãi. Nếu quý vị ăn uống bừa bãi, đó cũng là sự ô nhiễm. Vì vậy, hãy duy trì cuộc sống của mình sao cho thanh tịnh, không có chút ô nhiễm nào.

Học vấn không có điểm dừng, bất cứ lúc nào cũng không được buông lơi, không được lười biếng. Luôn luôn giữ một tâm thế khiêm tốn, đừng tự mãn, đừng nghĩ rằng mình đã học Phật mấy chục năm, đã đủ rồi, mình biết hết mọi thứ rồi. Phải luôn giữ tâm thế "có như không, thực như hư". Dù có đạt được chút thành tựu trong việc học, nhưng không được tự mãn, không được nghĩ rằng mình đã hiểu hơn bất kỳ ai và không cần học thêm nữa. Phải "có như không", nghĩa là có mà như không có; "thực như hư", nghĩa là thực sự mình đã có thành tựu, đã có công phu, đã có định lực, đã gần đạt được trí tuệ,

Hòa thượng Tuyên Hóa

nhưng lúc này cũng không nên tự mãn. Vì vậy, "thực như hư" chính là thực sự có đạo đức, có học vấn, có trí tuệ, có định lực, nhưng cũng không được sinh ra tâm kiêu ngạo. Luôn phải thực hành, làm những việc mà người khác không thể làm, hoặc là những việc mà người khác không muốn làm.

Việc mà người ta không muốn làm là gì? Chính là chịu thiệt thòi. Không chiếm lợi, chịu khổ, không hưởng phúc riêng, nếu có thể làm được như vậy, điều đó mang lại lợi ích rất lớn cho Phật giáo, và việc tu học Phật nhất định sẽ đạt thành tựu. Còn phải nhẫn nhịn những điều mà người khác không thể nhẫn, nhường nhịn những gì mà người khác không thể nhường. Lợi ích thì dành cho người khác, không dành cho bản thân; phải mang lại lợi ích cho người khác, không phải chỉ nghĩ cho mình. Khi quý vị thực sự có thể mang lại lợi ích cho người khác, đó chính là phát tâm Bồ Tát. Tại sao chúng ta không thể thành đạo? Là bởi từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta không muốn lợi ích cho người khác, chỉ chú trọng đến bản thân mình, nên đến bây giờ vẫn chưa tu thành công. Muốn tu thành công, cần phải chịu thiệt nhiều hơn, không chiếm lợi. Học cách đơn giản, không cần phải quá thông minh. Như thế, mỗi ngày trôi qua, trí tuệ chân chính của quý vị sẽ dần dần hiển lộ.

Phiên âm

Bất đắc tham dự thế sự, thông chí sứ mệnh, chủ thuật tiên được, kết hảo quý nhân, thân hậu tiếm mạn, giai bất ưng tác. Đương tự đoan tâm, chính niệm cầu độ, bất đắc bao tàng hà tật, hiển dị hoặc chúng. Ư tứ cung dưỡng, tri lượng tri túc, xư đắc cung sự, bất ưng túc tích.

Dịch nghĩa

Không được tham dự vào các việc thế gian, làm sứ thần ngoại giao, chủ thuật thuộc tiên, kết thân với quý nhân, gần gũi những kẻ phong lưu, tất cả đều không được làm. Nên tự giữ tâm ngay thẳng, với chính niệm cầu độ, không nên che giấu khuyết điểm hoặc bày ra điều kỳ dị để mê hoặc lòng người.

Đối với bốn sự cúng dường thì phải biết chừng mực biết đủ, việc nhận cúng dường đúng mức cần thiết, không nên tích trữ.

Giảng giải

Phật giảng kinh văn là để giúp phàm phu không gia tăng lỗi lầm. Đoạn kinh văn này chính là để ngăn cản ngoại đạo không làm tổn hại trí tuệ của họ. Trước đó nói về tăng nhân phàm phu, bây giờ là nói về ngoại đạo, tức là tất cả những tà đạo bên ngoài. Vì vậy, có câu *"Không được tham dự vào việc thế gian"*: "Không được" nghĩa là không nên. "Tham dự" nghĩa là tham gia; "tham" là tham gia, "dự" là tham dự vào một đảng phái nào đó, hoặc một phe nhóm nào đó, tham gia các hoạt động chính trị. "Việc thế gian" chính là những chuyện của thế gian, quốc gia, tất cả những việc liên quan đến chính trị. Người xuất gia không được tham gia vào các công việc quốc gia, vì người xuất gia là phải tu hành để thoát khỏi tam giới, tu pháp môn xuất thế, không thể giống như người thế tục mà đồng lõa, làm bừa bãi.

"Làm sứ thần ngoại giao": nghĩa là đảm nhận vai trò làm sứ thần của quốc gia, như làm quan hay đại diện giữa hai quốc gia để trao đổi sứ mệnh. Đây là những việc không nên làm, vì đó là những việc mà người thế gian làm, và Tỳ-kheo xuất gia không nên đảm nhận các công việc như vậy. Làm những việc này thì không phù hợp với giới luật Ba-la-đề-mộc-xoa, tức là giới luật bảo vệ sự giải thoát.

"Chú thuật thuốc tiên": nghĩa là các pháp thuật của những ngoại đạo bên ngoài, như niệm một loại thần chú, chẳng hạn như pháp thuật của núi Mao Sơn, hoặc các loại chú thuật ở Thái Lan, Myanmar, Nam Dương gọi là "giáng đầu" (thuật yểm bùa). Loại chú thuật này không phải là chú thuật trong Phật giáo. Chú thuật trong Phật giáo là chính pháp; còn những loại chú thuật này là tà pháp, là các phương pháp mà ngoại đạo bên ngoài sử dụng. Hoặc là vẽ một lá bùa, hoặc đưa cho quý vị một câu chú bí mật nào đó, hoặc nói những câu như "Ngô phụng Thái Thượng Lão Quân cấp cấp như luật lệnh" (Ta

phụng mệnh Thái Thượng Lão Quân, nhanh nhanh tuân mệnh lệnh). Tất cả những điều này đều là thuốc tiên. Thuốc tiên là loại thuốc được gia trì bằng chú thuật, nói rằng có thể chữa được mọi bệnh, nhưng đây đều là những cách mê hoặc và lừa dối người khác. Dù cho thuốc có linh nghiệm, thì đây cũng không phải là chính pháp, mà là những pháp môn của ngoại đạo. Chú thuật, thuốc tiên đều là những phương pháp tà đạo, lệch lạc.

"Kết thân với quý nhân": "Kết thân" tức là làm hài lòng, làm thân thiết; "kết" có nghĩa là kết giao, làm hài lòng những người quyền quý. "Quý nhân" là những người làm quan; nghĩa là đến nơi quan chức để tặng bốc, xu nịnh, hoặc dùng đủ mọi thủ đoạn để kết giao với những người làm quan, người giàu có.

"Gần gũi với những kẻ phong lưu": 'Phong lưu' ám chỉ những nơi như quán rượu, nơi có hát múa, uống rượu, hoặc những người làm các việc phi pháp, đàn ông hay phụ nữ lăng nhăng, những chuyện bậy bạ không cần nói ra chi tiết. "Gần gũi" có nghĩa là đối xử với họ rất tốt, kết bạn với họ, và thân thiết với những người như gái điếm, kỹ nữ, hay những người thuộc loại này, trở nên gần bó mật thiết và có cảm tình sâu đậm, đến mức thân thiết, suồng sã với những kẻ dâm dăng, kiêu mạn này. *"Tất cả đều không được làm"*: Những việc này, người thực sự tu đạo không nên làm.

Vậy phải làm gì? Nên *"tự giữ tâm ngay thẳng, với chính niệm cầu độ"*: tức là nên tự giữ cho tâm ngay thẳng, không có tà niệm, không có tà tri tà kiến, không có những suy nghĩ không chính đáng. Chính niệm, nghĩa là niệm cũng phải chính. Tâm ngay thẳng và chính niệm là để bảo quý vị không nghĩ đến những vọng tưởng khác. Cầu độ, tức là cầu được giải thoát. Được giải thoát có nghĩa là thoát khỏi sinh tử, từ bờ sinh tử này, vượt qua dòng sông phiền não, đến bờ Niết-bàn bên kia, đó chính là được giải thoát.

"Không nên che giấu khuyết điểm": Khuyết điểm, có nghĩa như là bới lông tìm vết, giống như trên thân con ngựa,

nếu quý vị không vạch lông của nó, thì nhìn nó rất đẹp và mượt mà; nhưng nếu quý vị vạch lông ngựa, quý vị sẽ thấy trên da ngựa có nhiều vết sẹo nhỏ, hoặc vết trầy xước nhỏ, vết loét nhỏ, điều này gọi là bói lông tìm vết. 'Khuyết' giống như một vết nứt trên ngọc, đó gọi là khuyết điểm, nghĩa là một lỗi nhỏ. Đây cũng chính là những thói quen tà tri tà kiến của bản thân, không nên che giấu. Mọi thứ nên được thẳng thắn bày tỏ, không nên che giấu. Đừng che giấu khuyết điểm của mình để người khác không nhìn thấy, mà chỉ thể hiện mặt tốt của bản thân.

"Bày ra điều kỳ dị để mê hoặc lòng người": 'Bày ra' nghĩa là biểu hiện ra ngoài. 'Kỳ dị' là những chuyện lạ thường. Giống như thôi miên, điều này rất phổ biến. Khi quý vị thôi miên, người đó sẽ không biết gì nữa, đây đều là những điều tà mị. Còn có những thứ như gọi hồn, bùa cầu cơ, hoặc hiện tượng ma nhập, hay dùng nhiều cách khác nhau để lừa gạt, mê hoặc người khác, khiến họ không nhận biết được, bị mê mờ. Đó đều gọi là bày ra điều kỳ dị để mê hoặc chúng sinh, biểu hiện điều lạ lùng và kỳ quái. Làm cho những người không có kiến thức bị mê hoặc, không hiểu biết, đây đều là những phương pháp lừa người.

"Đối với bốn sự cúng dường": Thế nào là bốn sự cúng dường? Là việc người tại gia, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cúng dường cho người xuất gia thức ăn, y phục, ngọa cụ (dụng cụ để nằm ngủ), và thuốc thang, những thứ này gọi là bốn sự cúng dường. Đối với bốn sự cúng dường, quý vị không nên tham lam mà không biết đủ, không nên khi đã có rồi còn đi cầu cạnh, còn muốn người khác cúng dường. Phải biết thỏa mãn với những gì mình nhận được, phải biết đủ. Vì vậy, *"Biết chừng mực"*: tức là biết số lượng mình nên dùng, ba y và một bát, phải có sự tiết chế. *"Biết đủ"*: nghĩa là dù không có cũng phải biết đủ, biết đủ thường vui, nhẫn nhịn tự an.

"Việc nhận cúng dường": Đối với việc nhận cúng dường, cần phải tuân theo đúng pháp thứ đệ khát thực, không nên sinh

tâm tham. “*Không nên tích trữ*”: nghĩa là không nên nghĩ rằng càng nhiều càng tốt, không nên tích trữ nhiều. Có người cúng dường cái gì thì cũng nhận lấy; nhận rồi mà không sử dụng hết thì tích trữ lại. Giống như có người cúng dường tiền bạc, quý vị không cần dùng nhiều đến vậy, nhưng lại đem tiền gửi vào ngân hàng, đó gọi là tích trữ. ‘Tích’ nghĩa là lưu trữ, ‘trữ’ là gom góp lại. Người tu hành ‘thân không có vật gì đáng yêu, thì tự nhiên không sinh ra phiền não’, trên người không có vật gì mình yêu thích hay khó buông bỏ, tự nhiên sẽ không có phiền não phát sinh.

D3. Giải thích giới có thể sinh ra các công đức

Phiên âm

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng. Giới thị chính thuận giải thoát chi bản. Cố danh Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhân y theo thử giới, đắc sinh chư thiên định, cùng diệt khổ trí huệ.

Dịch nghĩa

Đây là nói sơ lược tướng trì giới. Giới là nền tảng chính dẫn đến giải thoát, do đó gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nương nhờ giới mà đạt được các loại thiên định và được trí tuệ diệt các khổ đau.

Giải giải

Đây nói rằng giới có thể sinh ra mọi công đức. Người xuất gia tu đạo, muốn bồi công lập đức, thì làm thế nào đây? Chính là giữ giới. Quý vị luôn luôn tu hành theo giới luật, giữ giới mà không phạm giới, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống những chất làm say người, không làm những việc vi phạm giới luật, như vậy có thể sinh ra mọi công đức, tất cả công đức đều sẽ sinh ra. Quý vị giữ giới không tham lam, không tham lam chính là bố thí, trì giới cũng có công đức của bố thí. Quý vị trì giới chính là không phạm giới, mà không phạm giới chính là công đức trì giới; quý vị giữ giới mà có thể nhẫn nhục, đó là công đức của nhẫn nhục; quý vị giữ giới chính là tinh tấn, đó là công đức

của tinh tấn; quý vị giữ giới sẽ đạt được thiên định, đó là công đức của thiên định; quý vị giữ giới có thể sinh ra đủ loại trí tuệ, đó chính là công đức của trí tuệ. Giữ giới có thể sinh ra mọi công đức, vì vậy giới là điều quan trọng nhất, mười phương ba đời tất cả chư Phật đều thành tựu từ việc giữ giới. Chỉ có nhờ công đức của việc giữ giới mới có thể thành Phật; nhờ công đức của việc giữ giới mới có thể làm Bồ Tát; nhờ công đức của việc giữ giới mới có thể chứng đắc quả A-la-hán, vì vậy 'giới' là điều quan trọng nhất. Vì lý do này, nên người xuất gia nhất định phải thọ giới, sau khi thọ giới rồi phải giữ giới, không được phạm giới.

Giới chính là 'không làm các điều ác, vâng làm mọi điều thiện', tất cả việc thiện đều cố gắng làm; tất cả việc ác đều cố gắng không làm. Đừng làm những việc xen lẫn giữa thiện và ác. Thiện ác xen lẫn là thế nào? Quý vị làm một việc thiện, nhưng lại xen lẫn một chút ác; lời nói thì tốt nhưng trong lòng lại nghĩ điều xấu. Đây đều là không giữ giới, cũng chính là thiện ác xen lẫn. Làm một chút việc tốt nhưng lại có lòng tham, đó chính là việc ác. Giống như đến chùa lễ Phật, nhưng đến rồi lại ăn trộm hoặc lừa gạt người khác trong đạo tràng, đây đều là những việc trong thiện có ác, thiện ác xen lẫn, và quả báo sau này sẽ không sai chạy chút nào. Vì vậy, khi chúng ta đến chùa lễ Phật, nhất định phải dùng tâm trong sạch, thanh tịnh để lễ Phật. Đừng vào chùa lễ Phật, nhưng lúc người khác không nhìn thấy lại đi ăn trộm. Như vậy sau này sẽ bị mất tay, hoặc có tay mà không sử dụng được, đó đều là quả báo của việc ăn trộm.

Vì vậy, quý vị thấy những người mù không nhìn thấy gì, cũng có thể là do trước đây họ đã vào chùa để ăn trộm; hoặc người có tay nhưng không thể sử dụng, cũng là do từng ăn trộm. Đó chính là thiện ác xen lẫn. Chúng ta là người học Phật, nhất định phải hiểu rõ nhân quả, không nên sai lầm về nhân quả. Quý vị 'sai một ly, đi một dặm', nhân quả rất nghiêm trọng. Tại sao chúng ta phải 'không làm các điều ác, vâng làm

mọi điều thiện"? Chính vì có mối quan hệ nhân quả, gieo nhân lành sẽ gặt quả lành, gieo nhân ác sẽ gặt quả ác, vì vậy chúng ta không được tùy tiện làm việc xấu, phải không làm các điều ác, vâng làm các điều lành.

“Đây là nói sơ lược”: Giới có thể sinh ra mọi công đức, vì vậy ở phần trước đã nói sơ qua về *“tướng của việc giữ giới”*: đoạn kinh văn trước đó đều là các tướng trạng của việc chúng ta giữ giới. Không mua bán, không giữ tiền của, không kinh doanh, không buôn bán chất độc hại, không nuôi dưỡng nô lệ, không dạy người khác làm những việc xấu. Tất cả những điều này, và cả việc không làm bùa chú, thuốc tiên, đều là tướng trạng của việc giữ giới, là biểu hiện của việc thọ trì giới luật. *“Giới là nền tảng chính dẫn đến giải thoát”*: giữ giới luật chính là tu tập theo nền tảng của sự giải thoát, tu hành thuận theo nền tảng căn bản của giải thoát. *“Do đó gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa”*: cho nên giới còn được gọi là bảo đảm cho giải thoát - đảm bảo quý vị có thể giải thoát, đảm bảo quý vị có thể đạt được tự tại. Nếu quý vị giữ giới, quý vị sẽ có thể đạt được tự tại; nếu quý vị không thể giữ giới, quý vị sẽ không đạt được sự tự tại và giải thoát, vì vậy nó được gọi là bảo đảm giải thoát.

Cũng gọi là ‘Biệt Giải Thoát’ - nghĩa là có thể đạt được một sự giải thoát đặc biệt, cũng gọi là “biệt biệt giải thoát” - nghĩa là mỗi giới luật riêng biệt đều giúp đạt được một loại giải thoát nhất định, giữ giới nào thì giải thoát giới đó. Đây là ý nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa. *“Nương nhờ giới”*: quý vị nương theo giới luật mà tu hành. Mọi người cần đặc biệt chú ý, không phải chỉ nói như vậy là đủ, chúng ta nhất định phải chân thật làm theo giới luật, nghiêm trì giới luật. Vì nương vào giới luật này, có thể *“đạt được các loại thiện định và được trí tuệ diệt các khổ đau”*: có thể đạt được công đức sinh ra tất cả các loại thiện định, có thể đạt được trí tuệ diệt khổ, giải thoát khỏi khổ đau. Khi có được trí tuệ diệt khổ, quý vị sẽ không còn phiền não nữa. Phiền não chính là khổ; khi không còn phiền

não, khổ đau sẽ được tiêu diệt; khi khổ diệt, trí tuệ sẽ sinh ra. Người có trí tuệ thì lúc nào cũng không có phiền não, sáng suốt rõ ràng.

Tôi thường nói với quý vị: “Người thiện không trách người, oán trách người khác là kẻ ác”. Quý vị cứ mãi trách người khác, trách trời trách đất, đó là người ác. “Người giàu không tham lợi nhỏ,” người thực sự giàu, người có tiền, sẽ không luôn nghĩ đến việc chiếm lợi nhỏ từ người khác, sẽ không phải làm gì cũng chỉ mong mình được lợi. Người hay muốn chiếm lợi nhỏ là kiểu người thế nào? Đó là người nghèo. Người nghèo thì luôn ham mê lợi nhỏ, hay chiếm lợi từ người khác. Bất kể giao tiếp với ai, họ đều tính toán trước: “Mình có thể nhận được lợi gì từ người này?” Những người thích chiếm lợi nhỏ đều là người nghèo. Quý vị hãy nghĩ xem, người có tiền rồi thì tại sao lại phải tham lợi nhỏ? Họ đã có tiền rồi mà! Tại sao lại muốn chiếm lợi nữa? Đó là vì họ luôn cảm thấy mình nghèo, luôn cảm thấy không đủ, nên mới mãi ham muốn lợi nhỏ.

"Người sang không nóng giận": người tôn quý sẽ không nóng giận. Quý vị hãy nhìn một người nếu lúc nào cũng không nổi giận, đó là người tôn quý, là người cao sang. "Nóng giận là hạng hèn hạ", người thường xuyên tức giận là hạng người thấp kém, không có giá trị. "Người trí tuệ không phiền não": người có trí tuệ thì không có phiền não; còn những người có phiền não đều là kẻ ngu muội.

Quý vị xem, tôi đã nói với các quý vị bao nhiêu lần rằng, phiền não trong cuộc sống là do chính mình tự tạo ra, chính mình tự trừng phạt bản thân, mình tự đánh vào miệng mình, mình tự tát vào mặt mình. Nếu quý vị không tin, thử xem, mỗi lần tức giận, mỗi lần phiền não, cả cơ thể sẽ đau nhức, đau đến nỗi đêm không ngủ được, ăn cũng không thấy ngon miệng, đau đớn đến vậy đó. Vì thế, nếu quý vị có thể giữ giới, quý vị sẽ diệt được khổ, và cũng có thể sinh ra đại trí tuệ.

D4. Giảng về lợi ích của việc khuyến khích tu giới

Phiên âm

Thị cố Tỳ-kheo, đương trì tịnh giới, bất lệnh hủy khuyết. Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp. Nhược vô tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sinh. Thị dĩ đương trì, giới vi nhất thiết an ổn công đức trụ xứ.

Dịch nghĩa

Vì vậy, các Tỳ-kheo cần phải giữ gìn giới luật thanh tịnh, không để hủy phạm hay thiếu sót. Nếu người có thể giữ giới luật thanh tịnh thì có thể sinh ra các thiện pháp. Nếu không có giới luật thanh tịnh, thì mọi công đức lành đều không thể sinh khởi. Do đó, nên biết rằng giới là quan trọng nhất, là an ổn và là nơi trụ xứ của mọi công đức.

Giải giải

Đoạn kinh này nói về việc khuyên người tu hành giữ giới luật, chỉ khi tuân giữ giới luật mới có thể đạt được lợi ích; nếu quý vị không tu hành giữ giới luật, thì sẽ không có lợi ích gì. Cho nên nói “*Vì vậy, các Tỳ-kheo*”: bởi lý do này, tất cả các Tỳ-kheo “*cần phải giữ gìn giới luật thanh tịnh*”: cần phải giữ giới luật trong sạch. Giữ giới phải hoàn toàn thanh tịnh, không có chút pháp nhiễm ô nào. “*không để hủy phạm hay thiếu sót*”: quý vị không được để giới luật này bị phá hủy, hoặc phạm giới, điều đó là không thể chấp nhận.

“*Nếu người có thể giữ giới luật thanh tịnh*”: giả như có người có thể giữ giới luật một cách thanh tịnh, giữ thật sạch sẽ, không có chút nhiễm ô nào, “*thì có thể sinh ra các thiện pháp*”: như vậy sẽ sinh ra tất cả công đức của các pháp lành. Nếu không giữ giới luật thanh tịnh thì sao? Sẽ không có pháp lành nào sinh ra được. “*Nếu không có giới luật thanh tịnh*”: nếu quý vị không tu hành giữ giới, “*thì mọi công đức lành đều không thể sinh khởi*”: tất cả công đức lành sẽ không thể nào sinh ra. “*Do đó*”: vì lý do này, “*nên biết rằng giới là quan*

trọng nhất": giới chính là điều quan trọng hàng đầu, "là an ổn": có thể giữ giới thì có thể được bình an, có thể đạt được an lạc. "Là nơi an trú của công đức": đây chính là cảnh giới nơi tất cả công đức trú ngụ.

C2. Pháp trọng yếu đối trị và chấm dứt khổ đau (ba phần)

D1. Đối trị khổ do căn phóng dật và dục phóng dật

D2. Đối trị khổ do tham lam

D3. Đối trị khổ do lười biếng và ngủ nghỉ

D1 (hai phần)

E1. Đối trị khổ do căn phóng dật

E2. Đối trị khổ do dục phóng dật

Bây giờ, bắt đầu với E1

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, dĩ năng trụ giới, đương chế ngũ căn, bất lệnh phóng ý, nhập ư ngũ dục. Phí như mục ngưu chi nhân, chấp trượng thị chi, bất lệnh tùng ý, phạm nhân miêu giả. Nhược tùng ngũ căn, phi duy ngũ dục, tương vô nhai bạn, bất khả chế dã.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, nếu đã giữ gìn giới luật rồi thì hãy kiểm soát năm căn, đừng để chúng phóng túng rơi vào năm dục. Ví như người chăn trâu cầm gậy để trông coi, không để nó tự do phá hoại mùa màng của người khác. Nếu buông thả năm căn, thì chúng chạy theo năm dục không có giới hạn, không thể chế ngự được.

Giải thích

Phật nói, "Các thầy Tỳ-kheo": Phật bảo các vị Tỳ-kheo, "nếu đã giữ gìn giới luật rồi": nếu đã có thể sống trong giới luật thanh tịnh, "thì nên chế ngự năm căn": quý vị nên chế ngự năm căn của mình. Năm căn đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân.

Hòa thượng Tuyên Hóa

Năm căn này quý vị phải giữ gìn thật tốt, kiểm soát chúng thật chặt. “*Chớ để phóng túng*”: đừng để chúng không tuân theo quy củ, phóng dật. Mắt không nhìn những thứ không đáng thấy, tai không nghe những âm thanh dâm loạn, lưỡi không thèm khát hương vị, thân không tham đắm những cảm giác xúc chạm. “*roi vào năm dục*”: không để bản thân bị dẫn dắt bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Không bị dao động bởi tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. “*Ví như người chăn trâu*”: giống như người chăn trâu, “*tay cầm gậy để trông coi*”: cầm cây gậy hoặc roi, trông coi con trâu này, “*không để nó tự do*”: không để con trâu chạy mất, “*phá hoại hoa màu của người khác*”: chạy đi phá hoại hoa màu của người khác. “*Nếu buông thả năm căn*”: nếu quý vị buông thả, không giữ quy củ, không kiểm soát năm căn này, “*thì chúng chạy theo năm dục không có giới hạn, không thể chế ngự được*”: không chỉ là tiền tài, sắc dục, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, và cả sắc, thanh, hương, vị, xúc sẽ không có giới hạn, không thể kiểm soát. Quý vị dù muốn kiểm soát, cũng không có cách nào, vì quý vị đã để năm căn buông thả, không giữ theo quy củ.

Phiên âm

*Diệt như ác mã bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhân
đọa ư khanh hãm, như bị kiếp tặc, khổ chỉ nhất thể, ngũ căn
tặc họa, vương cập lụy thể, vi hại thâm trọng, bất khả bất thân,
thị cố trí giả chế nhi bất tùy, trì chi như tặc, bất lĩnh túng
dật, giả lĩnh túng chi, giai diệt bất cửu kiến kỳ ma diệt.*

Dịch nghĩa

Cũng giống như con ngựa dữ không chế ngự bằng dây cương, nó sẽ kéo người xuống hố sâu. Nếu như bị cướp bóc, đau khổ chỉ kéo dài trong một đời. Nhưng tai họa từ năm căn kéo dài qua nhiều đời, gây hại vô cùng nghiêm trọng, không thể không thận trọng. Do đó, người trí kiểm soát các căn mà không chạy theo nó, phòng giữ như kẻ trộm, không để cho buông thả. Nếu có lúc lỡ buông thả, thì chẳng bao lâu cũng phải lập tức trừ diệt.

Giải giảng

Đây là nói về năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân, không được để chúng phóng túng, để chúng tùy tiện không tuân theo quy củ. Nếu quý vị không giữ quy củ, thì năm dục sẽ không có giới hạn, vô biên bờ, lòng tham không biết chán, và quý vị sẽ không thể kiểm soát được chúng. Đây là nói về pháp, tiếp theo sẽ nói về một ví dụ. Ví dụ như thế nào? *"Cũng như con ngựa dữ"*: giống như con ngựa hoang không tuân theo quy củ vậy. Loại ngựa này thường gây hại cho cả bầy. *"Không chế ngự bằng dây cương"*: nếu không dùng dây cương để kiểm soát nó, *"nó sẽ kéo người xuống hố sâu"*: thì nó sẽ kéo người ta rơi vào hố, hoặc là rơi xuống biển.

"Nếu như bị cướp bóc": cũng giống như bị trộm cướp mất tài sản vậy. Nhưng khi bị kẻ cướp tấn công, *"đau khổ chỉ kéo dài một đời"*: nỗi khổ này chỉ kéo dài trong một kiếp, không lâu dài. *"Nhưng tai họa từ năm căn"*: năm căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*) mất bị dẫn dắt bởi trần sắc, tai bị lôi cuốn bởi trần âm, mũi bị mê hoặc bởi trần hương, lưỡi bị cám dỗ bởi trần vị, thân bị trần xúc chi phối, và sự tổn hại từ những kẻ cướp này *"kéo dài qua nhiều đời"*: nó sẽ ảnh hưởng đến quý vị trong hết kiếp này sang kiếp khác, không có hồi kết. Tai họa này không biết sẽ kéo dài bao lâu. *"Gây hại vô cùng nghiêm trọng"*: nếu quý vị phóng túng cảm xúc và dục vọng, bị các trần cảnh của ngũ trần chi phối, thì sự tổn hại sẽ rất lớn, và kéo dài nhiều đời, gây nguy hại vô cùng nghiêm trọng. *"Không thể không thận trọng"*: vì lý do này, chúng ta không thể để mình bị dẫn dắt bởi các cảnh giới ngũ trần. *"Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện, sáu căn chợt động bị mây che"*, phải hết sức thận trọng.

"Do đó": do điều này, nên *"người trí kiểm soát các căn mà không chạy theo nó"*: Người có trí tuệ có thể kiểm soát năm căn, năm trần và cảnh giới của năm dục nên không bị cuốn theo cảnh giới của năm căn và năm dục. *"Phòng giữ như kẻ trộm"*: Giữ gìn công phu này giống như đề phòng kẻ trộm.

"không để cho buông thả": không để cho năm căn và năm dục buông thả, buông lung, không tuân theo quy củ. "Nếu có lúc lơ buông thả": giả như tạm thời có lơ buông thả nó, "thì chẳng bao lâu": cũng không để nó buông thả quá lâu. "Cũng phải lập tức trừ diệt": làm cho những vọng tưởng này, những suy nghĩ không tuân thủ quy củ, không bao lâu sẽ phải bị tiêu diệt, "trừ diệt" nghĩa là dứt sạch đi.

E2. Đối trị khổ do dục phóng dật

Phiên âm

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ, thị cố như đằng, đương hảo chế tâm, tâm chi khả úy, thâm ư độc xà, ác thú, oán tặc, đại hỏa việt dật, vị tức dụ dã. Thí như hữu nhân, thủ chấp mật khí, động chuyển khinh tháo, dẫn quán kỳ mật, bất kiến thâm khanh, thí như cuồng tượng vô câu, viên hầu đắc thụ, đằng được xước trích, nan khả cầm chế, đương cấp tọa chi, vô linh phóng dật, tung thử tâm giả, táng nhân kỳ sự, chế chi nhất xứ, vô sự bất biện, thị cố Tỳ-kheo, đương cần tinh tấn, chiết phục như tâm.

Dịch nghĩa

Năm căn này, tâm là chủ của chúng. Vì vậy, các ông phải khéo chế ngự tâm mình. Tâm rất đáng sợ, còn đáng sợ hơn cả rắn độc, thú dữ, kẻ thù tàn ác, ngọn lửa lớn dữ dội, những thứ như thế cũng không thể sánh bằng. Ví như có người tay cầm bình mật, động tác bất cẩn, chỉ nhìn vào mật mà không thấy hổ sâu phía trước. Lại như voi điên không câu móc điều khiển, như khỉ vượn truyền cây nhảy nhót, khó mà kiềm giữ. Phải nhanh chóng kiềm chế, đừng để tâm buông thả. Nếu buông thả tâm, thì mọi việc thiện đều mất; nếu chế ngự được tâm về một chỗ, thì không việc gì là không thành. Vì thế, các Tỳ-kheo, hãy siêng năng tinh tấn, hàng phục tâm mình.

Giải thích

Đoạn kinh này nói về nỗi khổ của việc buông thả theo năm dục. Con người chúng ta sở dĩ có phiền não, có lòng

tham, lòng sân, lòng si mê, tất cả đều do dục vọng mà ra. Nếu quý vị giảm bớt dục vọng, mọi phiền não cũng sẽ ít đi. Vì vậy, có câu: "Dục phóng dật khổ đối trị", tức là phải tìm cách để đối trị nỗi khổ từ sự buông thả theo dục vọng.

"*Năm căn này*": chính là mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân - năm căn này. "*Tâm là chủ của chúng*": năm căn này không thể tự mình hành động, mà do tâm của con người làm chủ, kiểm soát và điều khiển. Vì vậy, các vị Tỳ-kheo, "*phải khéo chế ngự tâm mình*": cần phải khéo léo hàng phục tâm mình, giữ tâm được điều phục. "*Tâm rất đáng sợ*": con người tạo ra nghiệp tội, tất cả mọi việc đáng sợ xảy ra đều do trong tâm không có định lực, nên bị hoàn cảnh tác động. "*Còn đáng sợ hơn cả rắn độc*": sự đáng sợ của tâm giống như rắn độc, chỉ cần sơ ý là sẽ bị nó cắn chết; sự đáng sợ của tâm cũng như "*thú dữ*" - có thể cắn chết người bất kỳ lúc nào; sự đáng sợ của tâm lại giống như "*kẻ thù tàn ác*" - những kẻ thù có oán hận với quý vị. "*Ngọn lửa lớn dữ dội*": sự đáng sợ của tâm còn vượt qua cả ngọn lửa lớn. "*Những thứ như thế cũng không thể sánh bằng*": những điều vừa nói như rắn độc, thú dữ, kẻ thù oán hận, và lửa lớn dữ dội đều chưa đủ để hoàn toàn ví dụ được sự nguy hiểm của tâm.

"*Ví như có người*": ví dụ bây giờ có một người "*tay cầm bình mật*": tay đang cầm một cái bình đựng mật ong, "*động tác bất cẩn*": mọi cử động của anh ta đều rất khinh suất và bất cẩn, không ổn định, "*chỉ nhìn bình mật*": người này chỉ chăm chăm nhìn vào bình mật ong, "*không thấy hổ sâu phía trước*": anh ta không thấy được hổ sâu ở phía trước. "*Lại giống như voi điên*": giống như con voi say rượu, "*không có câu móc điều khiển*": không ai có thể dùng câu để chế ngự con voi điên này. "*Như khỉ vượn truyền cây nhảy nhót*": lại giống như con khỉ nhảy qua cây, "*khó mà kiềm giữ*": không dễ dàng kiểm soát, khó mà chế ngự được. "*Phải nhanh chóng kiềm chế*": cần phải nhanh chóng hàng phục nó, "*đừng để tâm buông thả*": đừng để tâm buông thả, không tuân theo kỷ luật.

“*Nếu buông thả tâm*”: nếu quý vị buông thả tâm này, “*thì mọi việc thiện đều mất*”: mất đi những việc làm thiện lành, mất đi công đức. “*Nếu chế ngự tâm về được một chỗ*”: nếu chúng ta có thể kiểm soát tâm mình, tập trung vào một chỗ, “*không việc gì là không thành*”: có thể không chế tâm ở một chỗ, thì việc gì cũng có thể thành công. “*Vì thế, các Tỳ-kheo*”: bởi lý do này, nên các vị Tỳ-kheo xuất gia, “*hãy siêng năng tinh tấn*”: nên tu tập pháp môn tinh tấn một cách siêng năng, “*hàng phục tâm mình*”: tâm cuồng loạn của chúng sinh, cần phải được hàng phục.

Khi tôi còn trẻ (khoảng hai mươi tuổi), tôi rất thích chữa bệnh cho người khác. Ai có bệnh gì, tôi nhất định sẽ giúp họ khỏi bệnh; nếu không khỏi, tôi thậm chí sẽ không mặc quần áo, không ăn cơm, không ngủ, vẫn phải chữa bệnh cho bằng được, quyết tâm đến vậy. Bất kể quý vị là yêu ma quỷ quái gì, tôi cũng phải hàng phục quý vị, phải không chế được quý vị. Những ma chướng mà tôi gặp phải nhiều vô kể. Có một gia đình, cốc trà trong nhà có thể tự bay lên, lơ lửng trong không trung, đựng đầy nước mà không hề đổ, thậm chí các đồ vật khác cũng vậy. Những chuyện như thế, tôi đều từng trải qua. Giống như quyển sách này cứ rung lắc, tự nhiên nó bốc cháy; quý vị tin hay không thì tùy, nhưng quả thật là nó đáng sợ đến thế. Sau này, vì tôi chữa bệnh cho người, đã làm đắc tội với rất nhiều yêu ma quỷ quái, tà ma ngoại đạo, nên chúng đến đòi đầu với tôi, nhưng chúng cũng không làm gì được tôi, vì từng hành động của tôi không có bất kỳ sai sót nào, nên chúng không có cách gì hại được tôi.

Khi tôi ngồi thuyền từ Thiên Tân đến Thượng Hải, tôi đảm bảo rằng quý vị sẽ không có cách nào không tin được, vì tất cả những quái vật dưới nước đều đến tìm tôi, làm cho con thuyền mà tôi ngồi cứ quay vòng vòng trên biển mà không tiến lên, suốt mười mấy ngày cứ trôi dạt trong biển. Trên thuyền không còn gì để ăn, không có gì cả, mọi người đều sắp chết đói. Khi bão lớn ập đến, thuyền bị hất lên cao năm, sáu trượng,

rồi lại bị chìm xuống năm, sáu trượng. Lúc đó, trên thuyền, tôi thực sự không có cách nào, chỉ ngồi đó chờ chết, ỏi cả mặt xanh ra ngoài. Khi ấy, tôi đã giao mạng sống của mình cho Quán Âm Bồ Tát. Tôi nói: "Quán Âm Bồ Tát! Nếu sau này Phật giáo không cần dùng đến con, thì chết cũng không sao; nhưng nếu Phật giáo cần dùng đến con, thì xin Người mau chóng hàng phục ma quỷ này". Sau khi tôi khẩn cầu như vậy, con thuyền liền trở nên bình yên, vượt qua được cơn nguy hiểm. Sau sự việc này, tôi không bao giờ chữa bệnh cho người khác nữa.

Thêm vào đó, trên con tàu từ Thượng Hải đến Hán Khẩu, đi tàu không cần trả tiền. Trên tàu có một người bị liệt, cầm gậy, cúi xuống đi trên mặt đất. Tôi nhìn và biết ngay căn bệnh của anh ta, tôi có thể chữa khỏi ngay lập tức, nhưng tôi không dám can thiệp. Tại sao tôi không dám can thiệp? Nếu tôi chữa khỏi bệnh cho anh ta, thì bệnh của hàng trăm người trên tàu sẽ không thể chữa hết. Cho đến ngày hôm đó, tôi biết rằng lúc hai giờ chiều tàu sẽ đến Hán Khẩu, vào khoảng tám giờ sáng, người bị liệt lại đi ngang qua tôi, tôi liền hỏi anh ta: 'Anh có muốn khỏi bệnh không?' Anh ta trả lời: 'Muốn khỏi bệnh chứ!' 'Thế anh bị bệnh như thế nào? Tại sao anh bị liệt?' Anh ta nói rằng anh ta vì buôn bán than, bị chính phủ bắt giam, nhốt trong nhà tù ẩm ướt, chân tay khó cử động và mắc bệnh.

Tôi hỏi anh ta: 'Anh có muốn khỏi bệnh không?' Anh ta nói: 'Muốn khỏi bệnh chứ.' 'Muốn khỏi bệnh? Vậy thì vứt cây gậy của anh xuống sông Trường Giang đi'. Anh ta nói: 'Vứt xuống Trường Giang, tôi sẽ không thể di chuyển, thì phải làm sao đây?' Tôi nói: 'Anh không thể di chuyển à? Anh đã khỏi bệnh rồi mà! Sao lại không di chuyển được?' Anh ta hỏi: 'Thật không?' Tôi nói: 'Tôi lừa anh làm gì?' Thế là anh ta vứt cây gậy xuống sông Trường Giang. Tôi bắt đầu chữa trị căn bệnh liệt của anh ta, chữa khoảng mười phút, rồi tôi bảo anh ta đứng lên, anh ta đứng lên được, chân đã có thể duỗi thẳng, trước đây chân không thể duỗi thẳng. Tôi nói: 'Anh đi đi!' Thế là anh ta

bước đi trước mặt tôi. Tôi nói: 'Anh chạy đi!' Và anh ta bắt đầu chạy trước mặt tôi. Khi anh ta chạy, nhiều người nhìn thấy, liền hỏi: 'Ồ! Sao anh khỏi bệnh rồi?' Anh ta chỉ tay về phía tôi và nói: Người tu hành này, tôi cũng không biết ông ấy làm thế nào, chỉ sờ vào là khỏi bệnh rồi'.

Thế là trên tàu có hàng trăm người, người này đau đầu, người kia đau chân, người khác đau lưng, đau bụng, đau vai, đau khắp nơi! Ai cũng có bệnh! Tôi bị vây kín không có chỗ nào thoát ra được. Lúc đó, tôi thấy không còn cách nào khác, nhìn quanh thì sắp phát cuồng, tâm trí như bị căng thẳng. Tôi nói: 'Mấy người này, bệnh của các người đều là bệnh cần đánh cho một trận, giờ tôi sẽ đánh cho mỗi người một trận, bệnh của các người sẽ khỏi thôi'. Người đau chân, tôi đá một cái, không còn đau nữa; người đau lưng, tôi đấm một phát, cũng không đau nữa; người đau đầu, tôi vỗ một cái, hết đau ngay. Tôi nói: 'Sao lại hết đau nhanh thế? Uống thuốc gì mà hết đau?' Không uống thuốc gì cả, vậy mà hết đau, năm mươi, sáu mươi người có bệnh đều được chữa khỏi. Tôi chữa bệnh không giống như mọi người, không chậm đâu, nhanh hơn cả việc hút thuốc phiện. Lúc đó có bốn, năm người nói: 'Tôi có một người họ hàng ở Hán Khẩu, bị bệnh năm, sáu năm rồi, chữa mãi không khỏi, khi đến Hán Khẩu, anh đến nhà tôi chữa giúp'. Bốn, năm người đều hẹn trước với tôi, tôi nói: 'Được, đến Hán Khẩu rồi tính'. Nhưng tôi không nói sẽ đi, cũng không nói sẽ không đi, vì tôi không muốn lo chuyện người khác, nhưng vì lúc đó không tìm được mà giúp người ta chữa bệnh. Đến hai giờ chiều, khi tàu đến Hán Khẩu, mọi người xuống tàu, tôi nhân cơ hội chạy trước, mấy người đã hẹn cũng không tìm được tôi nữa.

Vì vậy, chuyện chữa bệnh thật là kỳ lạ, rất khó tin, cũng phải có duyên. Nếu anh có duyên với người đó, không cần nói đến việc chữa bệnh, chỉ cần nói một câu là cũng có thể khỏi. Ở Hồng Kông, tôi có một đệ tử quy y, tay anh ấy bị bệnh, anh ấy hỏi tôi làm thế nào để khỏi. Tôi nói: 'Anh hãy làm việc thiện đi! Làm nhiều việc thiện, anh sẽ khỏi thôi'. Lúc đó, chùa đang

tổ chức lễ khai quang, anh ấy mua chậu, bát, rau, tất cả đều do anh ấy mua. Mua xong rồi, anh ấy hỏi tôi: 'Tay con vẫn chưa khỏi'. Tôi nói: 'Anh đưa tay lên thử xem.' Anh ấy nói: 'Không thể nhắc lên được, vẫn như vậy'. Tôi nói: 'Khỏi rồi!' Chỉ có mỗi câu đó, không làm gì khác, và ngay lập tức anh ấy nhắc tay lên được, khỏi bệnh! Không còn vấn đề gì nữa. Cho nên, đôi khi sự việc diễn ra như vậy, thật là khó tin.

D2. Đối trị khổ do tham lam

Phiền âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, thọ chư ẩm thực, đương như phục được, ư hảo ư ố, vật sanh tăng giảm, thú đắc chi thân, dĩ trừ cơ khát, như phong thái hoa, chỉ thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương, Tỳ-kheo diệt nhĩ, thọ nhân cúng dường, thú tự trừ não, vô đắc vô cầu, hoại kỳ thiện tâm, thí như trí giả, trừ lượng ngu lực, sở kham đa thiếu, bất lĩnh thối phân, dĩ kiệt kỳ lực.

Dịch nghĩa

Các vị Tỳ-kheo, khi nhận các thức ăn uống nên coi như đang uống thuốc. Dù tốt hay xấu, chớ sinh tâm phân biệt thích hay không thích, mà chỉ nhằm mục đích nuôi dưỡng thân thể, trừ cơn đói khát. Như ong hút mật, chỉ lấy hương vị mà không làm tổn hại sắc hương. Tỳ-kheo cũng vậy, khi nhận sự cúng dường, chỉ cần xua tan phiền não, không nên tham cầu quá nhiều, làm tổn hại thiện tâm. Ví như người trí biết cân nhắc sức trâu, biết nó có thể gánh vác bao nhiêu, không để quá sức mà cạn kiệt sức lực.

Giảng giải

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta phải biết cách ăn, biết cách ngủ, biết cách mặc quần áo. Ăn như thế nào mới là biết ăn? Nếu quý vị không biết ăn, sẽ sinh ra lòng tham, món ăn ngon thì ăn rất nhiều, món không ngon thì không muốn ăn, đó là không biết ăn. Khi quý vị mặc quần áo, quần áo chất liệu tốt thì mặc đến hơn trăm bộ, còn quần áo không tốt thì không mặc một bộ nào, điều đó cũng là quá tệ. Ngủ, nếu quý vị muốn ngủ,

thì ngủ mười ngày, hai mươi ngày, cả ngày lẫn đêm đều ngủ, rơi vào trạng thái 'ngủ tam muội'. Còn nếu không muốn ngủ, thì mắt mở to, cứ nhìn trần nhà, đó cũng gọi là không biết ngủ. Hoặc như người đánh mệt chược, có thể mấy đêm không ngủ, vẫn chịu được, nhưng nếu không chơi mệt chược mà bảo anh ta làm chút việc gì khác, thì lại nói: 'Tôi rất mệt rồi, cần phải đi ngủ'. Những điều đó đều không đúng đắn.

Bây giờ nói rằng, chúng ta ăn uống cũng giống như uống thuốc, có thể chữa được cơn đói, không cần quan tâm đến việc nó có ngon hay không. Bậc thánh nhân chứng được quả vị Sơ quả Tu-đà-hoàn (Sơ quả A-la-hán) thì không còn bị ảnh hưởng bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bậc thánh chứng Sơ quả khi đi không chạm đất, chân không dính bụi. Tại sao chân của họ không dính bụi? Vì họ không còn dục về sắc, không còn dục về ăn uống, đã đoạn trừ tám mươi tám phẩm kiến hoặc. Kiến hoặc là khi thấy thì bị mê hoặc, và tám mươi tám phẩm này đều đã đoạn trừ, vì thế họ đi như thể đang ở trong hư không. Khi ăn, họ không quan tâm thức ăn ngon hay không, mọi thứ đều có cùng một vị, không bị ảnh hưởng bởi cảnh giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, có thể biến mọi vị ngon hay dở thành một vị duy nhất, ăn chỉ để nuôi dưỡng sinh mạng. Đây là cảnh giới mà bậc Sơ quả A-la-hán có được. Vì vậy, người tu đạo, khi quý vị thấy họ ăn thức ăn ngon cũng chỉ ăn một lượng như vậy, còn ăn thức ăn dở cũng vẫn ăn chừng đó, họ không có chút tư tưởng tham muốn vị ngon, cũng không có hành vi như thế, tức là người này đã không bị cảnh giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xoay chuyển, đây chính là không còn bị ảnh hưởng bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đoạn kinh văn này khuyên chúng ta đối trị lòng tham ăn uống.

Vì vậy, Phật nói, “*Các vị Tỳ-kheo*”: mặc dù nói là Tỳ-kheo, nhưng cũng bao gồm cả Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Tỳ-kheo là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Hoa có ba nghĩa. Thứ nhất: Khất sĩ. Trên thì cầu pháp từ chư Phật để nuôi

dưỡng huệ mạng; dưới thì xin ăn từ chúng sinh để nuôi dưỡng thân mạng, vì vậy gọi là khát sĩ. Khát sĩ tức là người cầm bát đi khát thực, đi xin ăn theo thứ tự. Ở Xiêm La (Thái Lan), Miến Điện (Myanmar), Tích Lan (Sri Lanka), các Tỳ-kheo mỗi sáng đều ra ngoài, cầm bát đi từng nhà một để khát thực, xin cơm để ăn. Mặc dù gọi là xin cơm chay, nhưng thí chủ bố thí gì, họ đều ăn thứ đó. Bố thí thịt, thì họ ăn thịt; bố thí cá, thì họ ăn cá. Vì đó là thứ người khác bố thí cho họ, chứ không phải họ tự muốn ăn thứ đó. Nếu tự mình muốn ăn những thứ đó, thì sẽ đi đến nhà người giàu để xin thịt, xin cá, đây chính là tham lam.

Thứ hai: Bồ ma. Ma vương khi thấy Tỳ-kheo, nghe đến tên Tỳ-kheo thì liền sợ hãi. Điều này xảy ra khi Tỳ-kheo thọ giới Tỳ-kheo, lên đàn thọ giới, có ba sư- bầy người làm chứng để làm Yết Ma (nghi thức truyền giới). Lúc đó, họ sẽ hỏi: 'Ông đã phát tâm Bồ đề chưa?' tức là ông đã phát tâm hướng đến sự giác ngộ chưa? Người đó trả lời: 'Đã phát tâm Bồ đề'. Tiếp theo hỏi: 'Ông có phải là đại trượng phu không?' Người đó đáp: 'Là đại trượng phu'. Khi Yết Ma sư hỏi điều này, Dạ-xoa đi trên đất sẽ báo cáo với Dạ-xoa bay trên không. Có Dạ-xoa đi trên đất, cũng có Dạ-xoa bay trên trời. Dạ-xoa bay trên không sau đó sẽ về báo cho Thiên ma. Thiên ma khi nghe tin có người đã phát tâm Bồ đề, có người muốn làm đại trượng phu, hấn liền sợ hãi. Hấn sợ điều gì? Hấn nghĩ trong lòng: 'A! Quyền thuộc của ta lại giảm đi một người, còn quyền thuộc của Phật lại tăng thêm một người'. Vì thế hấn trở nên sợ hãi. Do đó, Tỳ-kheo còn có tên gọi là Bồ ma, làm cho Ma vương phải khiếp sợ.

Thứ ba: Phá ác. Phá ác gì? Phá ác của phiền não. Chúng ta, con người, luôn có phiền não theo sát bên mình, luôn chạy theo chúng ta. Phiền não chính là nguồn gốc của tội ác, nếu chúng ta không có phiền não, thì cũng không có tội ác. Chúng ta tạo ra nhiều loại tội lỗi, đều là do sinh ra phiền não, vì vậy nếu có thể diệt trừ phiền não, tội nghiệp cũng sẽ được tiêu trừ.

Do đó, ý nghĩa thứ ba là phá ác. Vì có ba ý nghĩa này, nên khi dịch, người ta không dịch nó ra, mà giữ nguyên âm tiếng Phạn là 'Tỳ-kheo'.

"Khi nhận các thức ăn uống": Có nghĩa là khi nhận sự cúng dường của người khác, đây là do thí chủ cúng dường, quý vị đến ăn những món chay này. *"Nên coi như đang uống thuốc"*: Nên giống như khi uống thuốc. Người xuất gia khi ăn cơm thì có ba niệm và năm quán. Là những gì:

Tam niệm bất liễu thủy nan tiêu, ngũ quán nhược minh kim dã hóa. *(Ba tâm không rõ thì nước khó tiêu, năm quán mà sáng thì vàng cũng chảy)*

Ba tâm là tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm tương lai. Những người tu đạo không nên mãi mê vọng tưởng, không vọng tưởng về quá khứ, không vọng tưởng về hiện tại, không vọng tưởng về tương lai, ba tâm này đều không thể nắm bắt được. Nếu quý vị không hiểu rõ ba tâm này, không thể chế ngự ba tâm vào một chỗ, chẳng phải trước đó đã nói 'chế ngự tâm vào một chỗ thì không có việc gì không thể thành sao'? Khi tâm được chế ngự, không còn bất kỳ ý niệm vọng tưởng nào, không còn một vọng niệm nào nữa. Khi chế ngự được một chỗ, sẽ không có việc gì không hoàn thành, tất cả đều viên mãn. Việc cần làm đã hoàn thành, không còn phải chịu hậu quả của kiếp sau, mọi việc đều đã hoàn tất và sẽ không có tái sinh nữa.

Ba tâm cũng đại diện cho ba niệm. Vậy ba niệm là gì? Niệm đầu tiên là 'nguyện đoạn tất cả ác', nguyện ý đoạn trừ tất cả mọi điều ác, tôi không thể để những ý niệm bất thiện xuất hiện trong quá trình tu đạo, do đó nguyện đoạn tất cả ác. Niệm thứ hai là 'nguyện tu tất cả thiện'. Hai câu trên cũng chính là không làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Niệm thứ ba là 'thệ độ tất cả chúng sinh', tôi phát thệ nguyện phổ độ tất cả chúng sinh, giúp tất cả chúng sinh đều hiểu rõ Phật pháp, nguyện họ tu tất cả thiện lành. Đây là ba niệm mà người xuất gia khi ăn cơm nên quán tưởng. Khi quý vị quán tưởng ba niệm này, sẽ không có vọng tưởng nào khác, mọi vọng tưởng

đều tan biến. Vì vậy có câu nói: ‘Ba tâm không rõ thì nước khó tiêu, năm quán mà sáng thì vàng cũng chảy.’

Khi người xuất gia dùng cơm, không được nói chuyện mà phải quán tưởng năm điều. Đó là:

Một - Xem phước đức bản thân nhiều hay ít, có bằng với lượng thức ăn thọ nhận và suy xét nguồn gốc của thức ăn ấy.

Hai - Suy xét đức hạnh của mình, xem đã đủ hay còn thiếu để xứng đáng nhận cúng dường.

Ba - Giữ tâm cẩn trọng, lấy việc tránh xa tham lam và lấy bình đẳng làm tông chỉ.

Bốn - Chính là thuốc tốt, để chữa bệnh khô héo của cơ thể.

Năm - Vì thành tựu đạo nghiệp, nên nhận sự cúng dường.

Phật quy định Tỳ-kheo, khi ăn phải quán năm điều trên. Tâm mà tán loạn, lời lẽ lăng xăng, thì khó tiêu hóa đồ sự cúng dường của thí chủ.

Ban đầu nói rằng ‘Phật quy định Tỳ-kheo, khi ăn phải quán năm điều’, nghĩa là Đức Phật quy định các Tỳ-kheo khi ăn cần giữ năm phép quán. Nếu khi thọ trai có người xuất gia hoặc tại gia cùng nhau thì có thể sửa thành ‘Phật quy định khi ăn’, tức là quy định của Đức Phật khi ăn uống, tức là khi ăn phải quán năm điều này. Năm điều đó là:

Một - Xem phước đức bản thân nhiều hay ít, có bằng với lượng thức ăn thọ nhận và suy xét nguồn gốc của thức ăn ấy

Đầu tiên phải tự hỏi xem mình có bao nhiêu công đức? Lương thực này đã phải dùng bao nhiêu công sức để làm ra? Mình có bao nhiêu công đức để nhận sự cúng dường của người khác? Một hạt gạo phải qua bao nhiêu công sức của người nông dân mới có được? Giống như việc trồng trọt vào mùa xuân ở Trung Quốc theo phương pháp cổ xưa, đầu tiên là gieo hạt, sau đó dùng cuốc để nhổ cỏ, nhổ xong lại dùng bùn để lấp lên, đó là một lần. Sau hơn mười, hai mươi ngày, cỏ lại mọc, lại phải dùng cuốc nhổ cỏ một lần nữa, nhổ xong lại lấp đất.

Mỗi lần trồng trọt phải nhổ cỏ ba lần, lấp đất ba lần. Quý vị thử nghĩ xem tốn bao nhiêu công sức? Vì vậy người xưa nói:

Sừ hòa nhật đương ngộ, hãn trích hòa hạ thổ

Thùy tri bàn trung san, lạp lạp giai tân khổ.

Nghĩa:

("Cày ruộng giữa trưa nắng, mồ hôi nhỏ xuống đất cày;

Ai hay trong bát cơm đầy, hạt nào cũng gian khổ).

‘Cuộc đất giữa trưa nắng’: cuộc đất nghĩa là làm đất; ‘giữa trưa nắng’: tức là lúc mặt trời đang ở đỉnh đầu, rất là nóng bức. ‘mồ hôi nhỏ xuống đất cày’ là mồ hôi chảy xuống, nhỏ từng giọt lên đất nơi cây lúa mọc. ‘Ai hay trong bát cơm đầy’: ai biết rằng bát cơm này, ‘hạt nào cũng gian khổ’ mỗi hạt cơm đều đến từ sự gian khổ mới có được. Từ đây mà nói, phải tính xem công sức đã bỏ ra bao nhiêu, phải biết nguồn gốc của từng hạt gạo.

Hai - Suy xét đức hạnh của mình, xem đã đủ hay còn thiếu để xứng đáng nhận cúng dường

‘Suy xét’ nghĩa là tự mình ngẫm lại, xét xem mình có tu dưỡng được đức hạnh gì không? Có phải cả ngày chỉ toàn suy nghĩ vẩn vơ không? Có phải mỗi ngày đều tham thiền tọa thiền không? Có phải mỗi ngày đều học Phật pháp không? Phải ‘Suy xét đức hạnh của mình’ phải tự suy nghĩ xem mình có đức hạnh gì trong việc tu hành hay không? ‘Đầy đủ hay thiếu sót để xứng đáng nhận sự cúng dường’, có thể đức hạnh của mình đã đủ, hoặc là chưa đủ. Vậy, mình có đủ đức hạnh để xứng đáng nhận sự cúng dường của thí chủ hay không? Đây gọi là ‘Suy xét đức hạnh của mình, xem đã đủ hay còn thiếu để xứng đáng nhận cúng dường’.

Ba - Giữ tâm cẩn trọng, lấy việc tránh xa tham lam và lấy bình đẳng làm tông chỉ

Thứ ba, quý vị cần phải phòng bị, cẩn thận một chút. Cẩn thận điều gì? Cẩn thận cái tâm của quý vị, đừng để sinh ra lòng

tham. ‘Cần trọng’: nghĩa là phải cẩn thận, không để tâm này, khi nhìn thấy đồ ăn ngon, sinh ra lòng tham muốn ăn nhiều hơn. Đây cũng là một lỗi, lỗi của lòng tham. Còn khi gặp món không ngon thì lại chán ghét, ăn ít đi. Cái tâm chán ghét này cũng là lỗi. Tâm tham cũng là lỗi; không muốn ăn cũng là lỗi. ‘Lấy bình đẳng làm tông chỉ’: Điều quan trọng là quý vị phải đối xử bình đẳng với cả hai loại. Thức ăn ngon cũng không nên ăn nhiều hơn, thức ăn không ngon cũng không nên ăn ít đi, ăn vừa đủ no là được, đừng ham mê vị ngon. Vị ngon một chút, ăn thêm một miếng, đó chính là lòng tham, quý vị thấy đây, nó nguy hiểm đến thế nào. Tu đạo là “sai một li đi một dặm”, trong từng hành động, từng lời nói, từng cử chỉ, sinh hoạt, ăn uống, đều phải dụng công tu hành, tìm con đường trung đạo, không được phân biệt món ăn ngon hay không ngon. Vì vậy, phải giữ tâm phòng ngừa khỏi lỗi, rời xa lỗi của lòng tham và cả lỗi không muốn ăn. Lấy sự bình đẳng trong ăn uống làm tông chỉ.

Bốn - Chính là thuốc tốt, để chữa bệnh khô héo của cơ thể

Thứ tư, khi chúng ta ăn cơm, hãy xem nó như là một loại thuốc chữa bệnh đói. Cơ thể của chúng ta giống như một cỗ máy, quý vị cho nó ăn một ít thức ăn, nó sẽ làm việc một chút. Giống như xe hơi, quý vị đổ một ít xăng vào, nó có thể chạy; nếu không có xăng, nó sẽ không chạy nữa. Hiện nay (năm 1979), xăng dầu đang khan hiếm, nên xe hơi cũng không nhiều như trước đây. Quý vị nhìn trên đường, số lượng xe hơi đã giảm đáng kể so với trước. Điều này cũng là một việc tốt, vì ít xe hơi hơn sẽ có ít tai nạn giao thông hơn, sẽ không có nhiều người chết. Bất cứ việc gì cũng có mặt tốt và xấu. Nếu nhìn theo khía cạnh tốt, sẽ thấy có lợi ích; nếu nhìn theo khía cạnh xấu, thì bây giờ số người đi nghe kinh cũng ít hơn, vì thiếu xăng. Nhưng nếu nhìn theo khía cạnh tốt, thì họ ở nhà sẽ không gặp tai nạn, họ rất bình an, vậy chẳng phải là điều tốt sao! Vì thế, việc gì cũng có hai mặt. ‘Chính là thuốc tốt, để

chữa bệnh khô héo của cơ thể', ăn uống chính là thuốc thực sự, thực sự giúp chữa căn bệnh đói của chúng ta.

Năm - Vì thành tựu đạo nghiệp, nên nhận sự cúng dường

Chúng ta ăn cơm là vì lý do gì? Là để tu hành, thành tựu đạo nghiệp của mình. Bởi vì muốn tu đạo, thành đạo, nên chúng ta cần ăn uống. Do đó, khi nhận thức ăn, chúng ta phải có năm loại quán tưởng như đã nói ở trên.

‘Đối với món ngon hay dở, đừng sinh lòng phân biệt tăng giảm’: khi gặp thức ăn có màu sắc, hương vị đều rất đẹp và ngon, nhìn vào liền sinh ra sự thèm muốn. Thấy rau xanh mướt, tươi ngon, lập tức cảm giác thèm ăn trỗi dậy, giống như có một bàn tay từ cổ họng vươn ra, muốn lấy những món ăn ngon. Đây là khi gặp món ngon, sinh ra lòng tham. ‘Thức ăn dở’: tức là không ngon, khi gặp món dở, dở nghĩa là không ngon, nhìn đã thấy xấu xí, bề ngoài rất khó coi, nhìn thấy đã buồn nôn rồi, đừng nói đến ăn, mà chỉ muốn nôn ra. Đây là ác cảm với món dở. Quý vị không nên sinh lòng phân biệt, phải bình đẳng giữa món ngon và món không ngon, không phân biệt ngon dở, cũng không phân biệt đẹp xấu. Vì thế, tu hành không dễ dàng, ngay ở điểm này đã khó rồi. Quý vị thử hỏi xem có vị hành giả nào có thể không phân biệt trong việc ăn uống? Có thể không sinh lòng tham khi ăn uống không? Nếu không sinh lòng tham, đó là tu hành đúng pháp; còn nếu sinh lòng tham, thì đó là chưa có công phu.

Vì vậy, khi ăn uống, nếu gặp món không ngon mà quý vị vẫn có thể ăn được, thì đó là quý vị đã có chút công phu rồi. Còn khi gặp món ngon mà quý vị có thể ăn ít lại, thì đó cũng là có công phu. Tuy nhiên, điều này phải đến từ trạng thái chân thật, chứ không phải giả tạo hay cố tình làm ra vẻ. Không phải là khi gặp món ngon, quý vị cố tình tỏ ra trước mặt mọi người rằng mình là người tu hành lâu năm, nên ăn rất ít, nhưng khi không có ai, lại lao vào ăn cho đến khi bụng căng ra.

Điểm cốt yếu của việc tu đạo chính là ở chỗ này, có người hay không có người đều phải như nhau. Không phải khi

đồng người thì tạo ra một cái mặt nạ giả, làm bộ làm tịch để người khác thấy: “Nhìn này, tôi là người tu hành lâu năm, tôi không muốn ăn đồ ngon, đồ ngon để lại cho mọi người ăn; còn đồ dở, tôi cố tình ăn nhiều hơn một chút để mọi người biết rằng tôi là người tu hành lâu năm”. Điều này hoàn toàn sai lầm. Nếu quý vị cố tình làm ra vẻ như vậy, gương ép bản thân để tỏ ra như thế, thì cũng là sai lầm, giống như lòng tham vậy. Vì thế, đối với món ngon hay món dở, không nên sinh lòng phân biệt, cũng không nên có ý muốn ăn nhiều hơn khi gặp món ngon, hay muốn ăn ít hơn khi gặp món không ngon. Chỉ cần ăn vừa đủ no là được. Vì vậy, đừng cố tình tạo ra bất cứ điều gì đặc biệt, đừng làm ra vẻ cho người khác thấy. Tu đạo là để tự mình tu, không phải để cho người khác thấy. Nếu quý vị chỉ làm cho người khác thấy, thì dù tu bao lâu đi nữa, quý vị cũng sẽ không đạt được thành tựu gì cả.

“*Mà chỉ nhằm mục đích nuôi dưỡng thân thể*”: nghĩa là quý vị chỉ cần đủ để duy trì cơ thể sống là được, “*trừ cơn đói khát*”: có thể giải trừ nỗi khổ của đói khát. “*Như ong hút mật*”: giống như con ong khi hút mật, nó chỉ lấy phần từ hoa. “*Chỉ lấy hương vị*”: nó chỉ lấy một chút hương vị từ phần hoa, “*mà không làm tổn hại sắc hương*”: nó không làm hỏng màu sắc hay hương thơm của bông hoa. “*Tỳ-kheo cũng vậy*”: Tỳ-kheo khi ăn uống cũng nên như vậy, không tham ăn ngon, cũng không ăn quá nhiều đến mức tiêu chảy, phải đi vệ sinh cả trăm lần một ngày, như thế rất phiền phức, phải không? “*Khi nhận sự cúng dường*”: Khi nhận sự cúng dường từ người khác, “*chỉ cần xua tan phiền não*”: chỉ cần làm cho hết phiền não vì cơn đói là đủ. “*Không nên tham cầu quá nhiều*”: không nên tham lam đồ ăn ngon, thức uống ngon. “*Làm tổn hại thiện tâm*”: nếu quý vị tham ăn quá nhiều, quý vị sẽ làm hại đến tâm thiện của mình, khởi lên tâm tham chính sai rồi.

“*Ví như người trí*”: lại lấy một ví dụ nữa, giống như một người có trí tuệ, “*biết cân nhắc sức trâu*”: xem con trâu này có sức mạnh thế nào? Nếu nó có thể chở một tấn hàng, mà quý

vị bắt nó kéo hai tấn, thì nó không kéo nổi, vì nó không có sức mạnh lớn đến vậy. Giống như bụng của quý vị chỉ có thể ăn được một bát cơm, nhưng quý vị lại ăn đến mười bát, khiến bụng bị căng và khó chịu. Vậy nên cần nhắc sức trâu, là quý vị phải biết con trâu này có thể chịu được bao nhiêu sức nặng, *“biết nó có thể gánh vác bao nhiêu”*: sức lực nó có thể gánh bao nhiêu? *“Không để quá sức”*: không để nó gánh quá sức, bởi vì nếu quá nặng, nó sẽ không chịu nổi, *“mà cạn kiệt sức lực”*: khiến trâu mệt chết, không thể kéo nổi nữa, làm sức lực của nó cạn kiệt. Vì vậy, người tu đạo cần đặc biệt không chấp trước vào vấn đề ăn uống. Không chỉ không chấp trước vào thức ăn, mà cũng không chấp trước vào quần áo, không nên ham thích quần áo sang trọng hay không sang trọng. Đối với việc ngủ cũng không nên tham lam, không nên ham muốn ngủ nhiều hơn, như một ngày có hai mươi bốn giờ mà lại muốn ngủ tới hai mươi lăm giờ, luôn muốn nhiều hơn một chút.

Gần đây, ở Trung Quốc đại lục có một đứa trẻ họ Đường, mười tuổi. Theo báo chí đưa tin, cậu bé có thể nhận biết chữ bằng tai, không cần dùng mắt. Vậy dùng bằng cách nào? Quý vị viết một chữ lên một tờ giấy, sau đó vò tờ giấy lại thành một cục. Cậu bé cầm lên, đưa vào tai nghe, liền biết ngay đó là chữ gì, đọc như thế nào. Chữ đó được viết bằng bút lông, bút chì, bút máy hay bút bi, cậu bé cũng chỉ cần nghe là phân biệt được ngay. Các quý vị thử nghĩ xem, trên thế giới có chuyện gì kỳ lạ như vậy không? Nếu quý vị nói có, thì chưa ai từng thấy, chưa ai từng nghe. Nếu quý vị nói không có, thì ngay bây giờ có một đứa trẻ như vậy, nó có thể nghe và biết ngay nguồn gốc của chữ. Thế nhưng lúc đó, những kẻ hồ đồ xung quanh lại dùng cái đầu khoa học để nghiên cứu vấn đề này. Quý vị nói xem, điều này thực sự là trời đất cách biệt; trời và đất vốn không thể đặt ngang nhau để so sánh, nhưng những kẻ hồ đồ này lại không hiểu được điều đó, nên dùng khoa học để nghiên cứu cậu bé, thử nghiệm cậu, thậm chí làm bài kiểm tra. Nhưng sau tất cả, họ làm cho cậu bé trở nên rối

trí. Bởi vì chuyện này không thuộc về phạm trù mà khoa học có thể hiểu được, nên dùng đầu óc khoa học, phương pháp khoa học, kiến thức khoa học để nghiên cứu là hoàn toàn vô ích, hoàn toàn sai lầm.

Vậy đây là chuyện gì vậy? Tôi sẽ nói cho các quý vị nghe! Bất kể là đứa trẻ nào, dù là bé trai hay bé gái, trước 13 tuổi đều có "ngũ nhãn lục thông". Giống như đứa trẻ vừa được nhắc đến, nói rằng nó nhìn thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đó chính là một dạng của thiên nhãn, nhưng nó vẫn chưa biết cách sử dụng nó như thế nào, chỉ có thể nhìn thấy mà không biết chuyện gì đang xảy ra, vì nó chưa khai mở được trí tuệ thực sự. Còn cậu bé ở Tứ Xuyên này cũng vậy, mặc dù chưa bị ô nhiễm, nhưng cậu cũng không biết cách sử dụng khả năng đó.

Vậy làm sao mà ban đầu phát hiện ra tình huống này? Ban đầu có một đứa trẻ, đứa trẻ này trong túi mang theo một gói thuốc lá. Đường Vũ hỏi đứa trẻ: "Em định làm gì thế?" Đứa trẻ nói: "Em đi mua một gói thuốc lá". Đường Vũ hỏi: "Em có thể cho anh một điều thuốc được không?" Đứa trẻ liền đáp: "Được thôi, chỉ cần anh đoán được gói thuốc lá trong túi em là nhãn hiệu gì, em sẽ cho anh." Đường Vũ không biết làm cách nào, bất giác dùng tai chạm vào đáy túi của đứa trẻ, chạm vào cái túi, trong đầu nó ấy bỗng có sự thay đổi; thay đổi một cái là biết ngay trong túi có thuốc lá hiệu Phi Yến. Đường Vũ nói: "Thuốc lá này là nhãn hiệu Phi Yến". Đứa trẻ rất ngạc nhiên, hỏi: "Sao anh biết gói thuốc lá của em là của hãng Phi Yến?" Chuyện này cứ thế trôi qua hơn hai tháng, không ai biết chuyện gì đã xảy ra.

Lại có một lần, Đường Vũ gặp một nhóm thợ đá đang đục đá. Sau khi đục xong, họ nghỉ ngơi, trong lúc nghỉ ngơi, nhóm thợ đá chơi trò đoán viên đá. Đoán thế nào? Họ cầm một viên đá nhỏ trong tay, rồi yêu cầu đoán xem viên đá nằm trong tay nào. Đứa trẻ đoán một lần là đúng ngay, liền nói: "Các bác chơi thế này chưa đủ vui, chúng ta chơi trò đoán chữ đi ạ. Làm

sao đoán chữ? Các bác viết một chữ lên giấy, cháu sẽ đoán đó là chữ gì". Những người thợ đá vốn không tin lắm, nhưng cũng thử viết một chữ để đưa trẻ đoán.

Đứa trẻ đó chỉ cần đặt tai lên nghe, nghe xong liền nói chữ đó là chữ gì. Những người thợ đá đều rất ngạc nhiên, sau đó người này gọi cậu bé đoán, người kia cũng nhờ cậu đoán. Bất kể đoán cái gì, chỉ cần cậu nghe bằng tai, cậu liền biết đó là chữ gì, có thể là một chữ, hai ba chữ, hoặc thậm chí là một câu nói. Chỉ cần viết ra rồi bảo cậu nghe, cậu bé sẽ biết ngay đó là chữ gì, cũng biết được chữ đó được viết bằng bút gì, và chữ có viết sai hay không, cậu cũng biết. Cứ như vậy, chuyện này gây chấn động khắp cả nước, làm rung động các viện khoa học. Các nhà khoa học dùng tri thức khoa học để nghiên cứu về đứa trẻ này, nhưng nghiên cứu càng nhiều thì họ làm cậu bé trở nên rối trí. Khi đã rối trí, sau này cậu bé không còn đoán chính xác nữa.

Trung Quốc dùng khoa học để nghiên cứu điều này là không đúng. Thật sự là không đúng, thực sự là sai, vì đứa trẻ trước khi tròn mười ba tuổi đều có "ngũ nhãn", tức là cậu bé đã mở được ngũ nhãn, nên có thể nhìn thấy chữ, chứ không phải nghe thấy. Mặc dù cậu bé dùng tai để nghe, nhưng tai của cậu cũng có thể giống như mắt, có khả năng nhìn thấy mọi thứ. Sáu căn hồ dụng - tôi đã từng nói với các quý vị, các quý vị tin không? Mắt có thể ăn đồ, tai có thể ăn đồ, cũng có thể nói chuyện. Đừng nói là sáu căn hồ dụng, ngay cả mắt của quý vị bình thường chỉ cần liếc qua cũng có thể nói một câu, rồi liếc một lần nữa lại có thể nói một câu khác. Nhiều người biết cách dùng mắt để nói chuyện. Mũi cũng có thể nghe, cũng có thể nhìn, miệng cũng có thể nhìn, cũng có thể nghe, vì sáu căn hồ dụng mà! Mỗi căn đều có khả năng thực hiện sáu loại chức năng.

Điều này là vì đứa trẻ này trong tiền kiếp đã có thiện căn, có thể là một người xuất gia, một người tu hành lâu năm, hoặc là một người niệm Phật, tụng kinh. Tuy nhiên, trong kiếp

trước, cậu vẫn chưa khai mở được ngũ nhãn. Sau đó, cậu đầu thai trở lại thế gian này, nhưng thiện căn từ kiếp trước của cậu vẫn chưa hoàn toàn mất đi, vì vậy trong kiếp này, dù là đồng nam hay đồng nữ, cậu vẫn có ngũ nhãn. Dù cậu bé chưa khai mở, không biết cách sử dụng và chưa nhìn thấy được mọi thứ, nhưng cậu vẫn có ngũ nhãn. Đây chính là sự phát hiện của thiện căn từ kiếp trước.

Vì vậy, tôi mới nói rằng lúc đó không có ai hiểu rõ, không có ai biết đó là tác dụng của ngũ nhãn, không có ai nhận ra đó là biểu hiện của thiện căn. Với mười tỷ dân Trung Quốc, không một ai hiểu được đạo lý này, quý vị nói xem, điều đó thật đáng thương biết bao? Không chỉ ở Trung Quốc không ai hiểu, mà trên toàn thế giới, người hiểu được đạo lý này cũng rất ít. Vì thế, hiện nay, con người thật sự không có trí tuệ nữa, chỉ chạy theo bề ngoài mà bỏ qua gốc rễ, theo đuổi trí tuệ thế gian. Điều này thật sự là điều khiến mỗi người chúng ta đau lòng. Quý vị thấy đấy! Cả thế giới đều không nhận thức được đạo lý về ngũ nhãn, lục thông, mà lại dùng khoa học để nghiên cứu. Càng nghiên cứu thì càng xa rời ngũ nhãn, lục thông, vì vậy điều này thật đáng thương. Các quý vị ơi! Tôi giảng cho các quý vị đạo lý này, các quý vị đừng nghe qua loa, không được để lọt tai này rồi trôi ra tai kia. Đây là một tri thức rất quan trọng trong Phật giáo, những người học Phật như chúng ta đều cần phải hiểu rõ đặc biệt về đạo lý này.

Đ3. Đối trị khổ do lười biếng và ngủ nghỉ

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ hậu dạ, diệc vật hậu phế, trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thù miên nhân duyên, linh nhất sanh không quá, vô sở đắc dã.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, ban ngày nên chuyên tâm tu tập các thiện pháp, chớ để phí thời gian. Đầu đêm và cuối đêm cũng

không nên bỏ bê, giữa đêm thì tụng kinh, hãy tự điều chỉnh, đừng vì duyên có ngủ nghỉ mà để một đời trôi qua vô ích, không đạt được gì.

Giải giải

Thứ ba là sự lười biếng, lười biếng cũng chính là một cách gọi khác của sự giải đãi. ‘Khổ do ngủ nghỉ’: khi lười biếng thì con người sẽ muốn ngủ, ham thích sự thoải mái và dễ chịu. Tại sao lại thích ngủ? Chính vì ăn uống không điều độ. Hoặc là ăn quá nhiều, dẫn đến cảm giác buồn ngủ do no, ăn xong liền muốn ngủ. Nếu quý vị điều chỉnh chế độ ăn uống hợp lý, ăn không quá nhiều cũng không quá ít, tức là không quá no mà cũng không đói, đó là trung đạo, thì giấc ngủ sẽ ít đi một chút.

Người xưa nói: "Tiết chế ăn uống, xua đuổi ma quỷ". Trong cơ thể con người có ba Thi Thần², cho nên khi ăn quá nhiều, sức mạnh của ba thần này sẽ tăng lên, khiến quý vị buồn ngủ và không thể mở mắt ra. "Tiết chế ăn uống", "tiết" ở đây có nghĩa là tiết kiệm, ăn ít đi một chút, thì lúc này con ma ngủ sẽ bỏ chạy, thì quý vị không còn buồn ngủ nhiều nữa. Vì vậy mà nói "tiết chế ăn uống, xua đuổi ma quỷ", tức là đuổi con ma ngủ.

Lười biếng, ngủ nghỉ là một loại khổ, tại sao lại nói như vậy? Bởi vì khi đó quý vị chẳng thể làm được việc gì. Cứ ngủ mãi, thời gian trôi qua một cách vô ích, không mang lại lợi ích gì cho thế gian, cũng chẳng có ích cho bản thân. Vì vậy, nếu quý vị muốn đối trị với sự lười biếng và buồn ngủ, thì phải siêng năng, phải dũng mãnh tinh tấn, không ngừng nghỉ để tu hành.

² Tam Thi Thần còn gọi là Tam Bành, hay Tam Trùng, được hình thành từ học thuyết âm dương ngũ hành và thâm nhập đến lĩnh vực y học, và rất ảnh hưởng đến việc hình thành học thuyết Tạng Tuệ. Đạo Giáo cho rằng trong con người có ba con trùng, đó là Thượng Thi, Trung Thi và Hạ Thi phân thành ba đàn điền thượng, trung và hạ. Mỗi đàn điền đều có ba thần ở đó, thường gọi là Tam Thi. Thượng Thi gọi là Cự, Trung Thi là chí, Hạ Thi là khiêu.

Vì thế, Đức Phật mới nói: *“Các thầy Tỳ-kheo”*: Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. *“Ban ngày nên chuyên tâm”*: ban ngày là lúc có mặt trời; chuyên tâm tức là làm cho tâm không lười biếng. *“Tu tập các thiện pháp”*: phải tu tập các pháp lành. *“Chớ để phí thời gian”*: quý vị đừng để thời gian trôi qua một cách vô ích, khi cần tinh tấn tu tập thì lại để nó trôi qua. *“Đầu đêm và cuối đêm”*: đầu đêm là khi đêm vừa bắt đầu, cuối đêm là khi trời sắp sáng. *“Cũng không nên bỏ bê”*: không chỉ ban ngày phải dùng mãnh tinh tấn tu tập thiện pháp, tu tất cả các pháp lành, đừng để thời gian trôi qua vô ích. Mà ngay cả đầu đêm và cuối đêm, cũng không nên để thời gian trôi qua. *“Giữa đêm tụng kinh”*: thậm chí trong giữa đêm, cũng nên tụng kinh.

“Hãy tự điều chỉnh”: lúc này, nếu quý vị tu hành hoặc đã quá mệt mỏi, thì có thể nghỉ ngơi đôi chút. *“Đừng vì duyên có ngủ nghỉ”*: đừng để vì lý do buồn ngủ hay hoàn cảnh dẫn đến việc ngủ nghỉ, *“khiến một đời trôi qua vô ích, không đạt được gì”*: làm cho cả cuộc đời từ lúc sinh ra đến lúc chết trôi qua một cách vô ích, không làm được việc gì có lợi cho thế gian, thậm chí không làm được gì lợi ích cho bản thân, để thời gian trôi qua một cách lãng phí. Vì vậy, cần phải luôn luôn tự cảnh giác, đừng buông thả mà chìm vào giấc ngủ.

Phiên âm

Thường niệm vô thường chi hỏa, thiêu chur thế gian, tạo cầu tự độ, vật thù miên dã. Chư phiên não tặc, thường tứ sát nhân, thâm vu oan gia, an khả thù miên, bất tự cảnh ngụ.

Dịch nghĩa

Thường nhớ nghĩ ngọn lửa vô thường luôn thiêu đốt thế gian. Hãy sớm tự cứu lấy mình, chớ ham mê ngủ. Các tên giặc phiền não luôn rình rập hại người, còn dữ hơn cả kẻ oán thù. Vậy sao có thể cho rằng ngủ nghỉ là tốt mà không tự cảnh tỉnh?

Giải giải

"Thường nhớ nghĩ ngọn lửa vô thường": sanh tử là việc lớn, khi con người chết, có một con quỷ vô thường đến mời quý vị xuống âm phủ. Khi quỷ vô thường đến, không có chút tình cảm nào, nhất định sẽ dẫn quý vị đến gặp Diêm Vương. Ngọn lửa vô thường chính là như vậy, nó giống như lửa. *"Luôn thiêu đốt thế gian"*: Nó thiêu đốt tất cả những công đức của thế gian. *"Hãy sớm tự cứu lấy mình"*: vì thế, những người tu đạo, những người tin Phật nên sớm tìm cách để tự mình thoát khỏi khổ đau và hưởng niềm vui, thoát khỏi vòng sinh tử. Đây gọi là sớm tìm cách tự cứu. *"Chớ ham mê ngủ"*: đừng mãi tham ngủ, vì không thể thoát khỏi sinh tử, vô thường sẽ đến. Lúc đó quý vị muốn tu hành cũng không còn thời gian. Vì vậy, đừng chìm trong giấc ngủ, hãy tự cứu lấy mình.

"Các tên giặc phiền não": tất cả các loại phiền não đều giống như những tên giặc. Ví dụ như khi quý vị nổi giận, cơn giận giống như có giặc đến để cướp đi của quý vị điều gì đó. *"Luôn rình rập hại người"*: những tên giặc phiền não này lúc nào cũng rình rập, muốn hại quý vị. *"Còn hơn cả kẻ oán thù"*: Chúng còn nguy hiểm hơn bất kỳ kẻ thù, chủ nợ hay đối thủ nào. *"Vậy sao có thể cho rằng ngủ nghỉ là tốt"*: làm sao quý vị có thể cho rằng ngủ là một điều tốt và lại tham lam ngủ nghỉ? *"Mà không tự cảnh tỉnh"*: quý vị không tự cảnh giác với bản thân! Tại sao không sớm tỉnh ngộ, mà cứ tiếp tục đắm chìm trong giấc mộng mê lầm?

Phiên âm

Phiền não độc xà thù tại nhữ tâm, thí như hắc ngoan tại nhữ thất thù, đương dĩ trì giới chi câu, tảo bính trừ chi, thù xà ký xuất, nãi khả an miên, bất xuất nhi miên, thị vô tà tâm nhân, tà tâm si chi phục, vu chư trang nghiêm, tối vi đệ nhất, tà như thiết câu, năng chế nhân phi pháp. Thị cố, thường đương tà si, vô đắc tạm thế, nhược lý tà si, tắc thất chư công đức, hữu quý chi nhân, tắc hưu thiện pháp, nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú vô tướng dị dã.

Dịch nghĩa

Rắn độc phiền não ngủ trong tâm, giống như rắn đen đang ngủ trong nhà. Phải dùng móc của giới luật sớm loại bỏ nó. Rắn ngủ được trừ rồi lúc đó mới có thể an tâm ngủ. Nếu chưa đuổi ra ngoài mà lại ngủ thì đó là người không biết hổ thẹn. Y phục hổ thẹn là thứ trang nghiêm nhất trong mọi trang sức. Sự hổ thẹn giống như móc sắt, có thể ngăn chặn người làm điều phi pháp. Vì vậy, phải luôn sinh tâm hổ thẹn, không được tạm thời ngưng, nếu rời xa hổ thẹn sẽ mất hết các công đức. Người có hổ thẹn thì có pháp lành, nếu không có hổ thẹn thì không khác gì các loài chim thú.

Giảng giải

Ngủ giống như rắn độc vậy. Nếu quý vị muốn tu hành, thì đừng ngủ quá nhiều; hãy lay Phật nhiều hơn, tụng kinh, trì chú nhiều hơn, đó mới là tu hành. Ngủ càng nhiều thì càng trở nên ngu muội, càng ngu muội thì càng muốn ngủ, luôn cảm thấy ngủ không đủ. Đây là một chướng ngại lớn trong tu hành, gọi là nghiệp chướng, việc luôn muốn ngủ chính là nghiệp chướng.

"Rắn độc phiền não": phiền não giống như rắn độc, tựa như loài rắn độc. *"Ngủ trong tâm"*: con rắn độc này luôn ngủ ở trong tâm quý vị, quý vị không muốn rời xa nó, vì thế nó cứ ở lại trong tâm của quý vị. *"Giống như rắn đen"*: nó giống như một con rắn đen, rắn đen cũng là một loại rắn độc, *"đang ngủ trong nhà"*: nó ngủ trong nhà của quý vị. *"Phải dùng móc của giới luật"*: vậy nếu trong nhà quý vị có một con rắn độc như vậy, thì phải làm sao? Bây giờ có một cách cho quý vị, đó là quý vị phải giữ giới luật. Giữ giới giống như một cái móc. *"Sớm loại bỏ nó"*: hãy nhanh chóng đuổi con rắn ra ngoài, đừng để nó ngủ trong nhà quý vị.

"Rắn ngủ được trừ rồi": khi con rắn độc này đã ra ngoài, *"lúc đó mới có thể an tâm ngủ"*: Lúc này, nếu quý vị muốn ngủ một giấc thật ngon thì cũng không có vấn đề gì. Vậy con rắn độc này là gì? Chính là nghiệp chướng. Nghiệp chướng làm

cho quý vị muốn ngủ, khi nghiệp chướng đã hết, quý vị mới có thể ngủ ngon lành. *"Nếu chưa đuổi ra ngoài mà lại ngủ"*: nếu chưa đuổi con rắn đó ra ngoài, tức là nếu nghiệp chướng chưa tiêu trừ mà quý vị cứ muốn ngủ mãi, *"thì đó là người không biết hổ thẹn"*: là người không có lòng biết xấu hổ, không biết ăn năn và sửa đổi.

"Y phục hổ thẹn": hổ thẹn là tự mình cảm thấy xấu hổ. Y phục hổ thẹn giống như mặc một bộ y phục vậy, *"là thứ trang nghiêm nhất trong mọi trang sức"*: khi quý vị đã tiêu trừ nghiệp chướng, không còn phiền não, đó chính là pháp tướng trang nghiêm. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là do y phục hổ thẹn mà trang nghiêm, điều này là tối thượng. *"Sự hổ thẹn giống như móc sắt, có thể ngăn chặn người làm điều phi pháp"*: hổ thẹn giống như móc sắt, nó có thể kiểm soát con người, khiến họ không làm những điều bất hợp pháp. Nó không phải là kiểm soát người để bảo họ làm việc bất hợp pháp, mà là ngăn cấm họ không làm những điều sai trái.

"Vì vậy, phải luôn sinh tâm hổ thẹn": vì lý do này, lúc nào cũng nên sinh tâm đại hổ thẹn, tâm đại xấu hổ. *"Không được tạm thời ngưng"*: dù chỉ trong giây lát cũng không thể bỏ được, không thể thiếu tâm hổ thẹn. *"Nếu rời xa hổ thẹn"*: nếu quý vị rời xa hổ thẹn, không có hổ thẹn thì *"sẽ mất hết các công đức"*: quý vị sẽ mất hết mọi công đức. Một ngọn lửa nhỏ có thể thiêu cháy cả khu rừng công đức. *"Người có hổ thẹn"*: người có lòng hổ thẹn *"thì có pháp lành"*: sẽ có thể tu tập các pháp lành. *"Nếu không có hổ thẹn"*: nếu quý vị không có lòng hổ thẹn, vậy những người này, *"thì không khác gì các loài chim thú"*: sẽ chẳng khác gì các loài súc vật, chim bay, thú chạy, vì các loài này không biết hổ thẹn. Chúng ta là con người nên khác với chim thú ở chỗ biết hổ thẹn, biết phân biệt điều gì đúng, điều gì sai, việc đúng thì làm, việc sai thì sửa. Đây là phương pháp ban đầu để đối trị sự lười biếng và muốn ngủ, cũng là cách để đối trị phiền não từ việc ngủ nhiều.

C3. Pháp trọng yếu đối trị và diệt trừ phiền não (ba phần)

D1. Đối trị chương ngại phiền não do sân hận

D2. Đối trị chương ngại phiền não do ngạo mạn

D3. Đối trị chương ngại phiền não do siểm khúc

Bây giờ bắt đầu với D1

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược hữu nhân lai, tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm, vô linh sân hận, diệt đương hộ khẩu, vật xuất ác ngôn. Nhược tưng khuể tâm, tắc tự phương đạo, thất công đức lợi, nhữ chi công đức, trì giới khổ hạnh, sở bất năng cập, năng hành nhữ giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân.

Dịch nghĩa

Các vị Tỳ-kheo, nếu có người đến chặt đứt từng phần thân thể của các vị, các vị hãy tự nhiếp tâm mình, đừng để sinh tâm sân hận. Cũng phải giữ gìn lời nói, không thốt ra lời ác độc. Nếu buông thả tâm sân hận, thì chính các vị tự cản trở con đường tu tập và đánh mất lợi ích của công đức. So công đức với nhữ nhục thì trì giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Người có thể thực hành nhữ nhục mới xứng đáng gọi là bậc đại lực sĩ.

Giải thích

“Sân”: là sự hận thù. “Hận”: là sự tức giận, nổi nóng. Đây đều là những nhân duyên gây ra phiền não và chương ngại trên con đường tu tập, nên cần phải có phương pháp đối trị. Vậy phương pháp đối trị sân hận là gì? Đó chính là dùng 'nhữ nhục'. Lấy nhữ nhục để độ sân hận, nếu quý vị không thể nhữ nhục, thì sẽ sinh sân hận; nếu quý vị có thể nhữ nhục, sân hận sẽ biến mất. Đây là cách đối trị phiền não chương của sân hận, dùng nhữ nhục để đối trị nó.

Phật nói: “*Các vị Tỳ-kheo*”: Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. “*Nếu có người đến*”: giả sử có người

đến, đến để làm gì? “*chặt đứt từng phần thân thể của các vị*”: người đó muốn chặt đứt tứ chi của các vị, khiến các vị bị phân thành từng mảnh. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn ở nhân địa, là Nhẫn Nhục Tiên Nhân, đã bị vua Ca Lợi cắt thân thể, tức là bị chặt đứt tay chân từng đoạn, nhưng Nhẫn Nhục Tiên Nhân vẫn không sinh tâm sân hận. Tuy nhiên, vua Ca Lợi không tin điều này. Nhẫn Nhục Tiên Nhân nói: ‘Nếu tôi không có tâm sân hận, tay chân của tôi sẽ mọc lại như cũ’. Sau khi nói xong, quả thật tay chân của Ngài không cần phải mời bác sĩ nối xương, cũng không cần bác sĩ hiện nay khâu lại bằng chỉ, chẳng cần làm gì cả, tay chân đã hoàn toàn bình phục, mọc lại như ban đầu. Vì vậy, vua Ca Lợi đã tâm phục khẩu phục, kính trọng và khâm phục Nhẫn Nhục Tiên Nhân thực sự là người hành trì nhẫn nhục.

Do duyên cớ này, Nhẫn Nhục Tiên Nhân lại phát nguyện rằng: “Người dù có cắt đứt tứ chi của ta, đối xử với ta không tốt như vậy, nhưng khi ta thành Phật, ta sẽ độ người trước, giúp người khai ngộ và đạt đạo trước tiên”. Vì vậy, sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Ngài đã đến vườn Lộc Uyển để độ năm anh em Tỳ-kheo đầu tiên. Người đầu tiên trong nhóm năm vị Tỳ-kheo đó chính là Tôn giả Kiều-trần-như, và Tôn giả Kiều-trần-như trong quá khứ chính là vua Ca Lợi, người đã từng cắt đứt thân thể của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành ở nhân địa, tại sao Ngài có thể nhẫn nhục mà không sinh tâm sân hận? Đó là vì Ngài đã không còn chấp ngã. Do không còn sự chấp trước vào “cái tôi”, nên khi bị cắt đứt thân thể, đối với Ngài chẳng khác gì cắt vào hư không. Ngài với pháp giới hư không cùng một thể, vì vậy dù bị cắt nhưng thực ra không phải bị cắt, người khác cắt thân thể của Ngài như cắt vào hư không, do đó Ngài không sinh tâm sân hận. Khi không sinh tâm sân hận, chính là “*phải tự nhiếp tâm mình*”: lúc ấy, Ngài có thể nhiếp phục tâm mình, không khởi niệm, đạt được định lực kiên cố,

không lay động, và trí tuệ sáng suốt rõ ràng thường hằng. Đó chính là tự nhiên tâm. “*đừng để sinh tâm sân hận*”: Ngài không để cho tâm mình sinh ra sự sân hận. “*Cũng phải giữ gìn lời nói*”: không chỉ thu nhiếp tâm, mà còn phải giữ gìn lời nói, bảo hộ khẩu nghiệp, không phạm vào tội nói lời hoa mỹ, nói dối, nói ác, nói hai lưỡi. “*Không thốt ra lời ác độc*”: vì Ngài giữ gìn khẩu nghiệp, nên không thốt ra lời ác, không dùng lời lẽ cay nghiệt để mắng nhiếc người đã cắt đứt thân thể của mình.

“*Nếu buông thả tâm sân hận*”: giả sử quý vị không tự nhiếp phục tâm mình, buông thả tâm sân hận này, “*thì chính các vị tự cản trở con đường tu tập*”: Điều này sẽ gây trở ngại cho việc tu hành của quý vị. Sẽ “*đánh mất lợi ích của công đức*”: Những công đức quý vị đã tích lũy sẽ bị tiêu mất, như câu nói ‘nghìn ngày nhặt củi, một đốm lửa thiêu rụi’. Quý vị làm công đức trong một nghìn ngày, nhưng chỉ cần nổi giận một lần, sẽ thiêu rụi tất cả công đức ấy. Như câu nói ‘một đốm lửa nhỏ có thể thiêu cháy cả rừng công đức’, vì thế không thể nổi giận. “*So công đức với nhẫn nhục thì tri giới và khổ hạnh*”: việc có đức hạnh nhẫn nhục, công đức này so với công đức giữ giới và tu khổ hạnh “*không thể sánh bằng*”. “*Người có thể thực hành nhẫn nhục*”: nếu quý vị có thể tu tập nhẫn nhục, nhẫn được những điều mà người khác không thể nhẫn, nhường được những gì người khác không thể nhường, chịu đựng được những gì người khác không thể chịu, làm được những gì người khác không thể làm, thì quý vị mới thực sự là một người tu hành chân chính. “*Mới xứng đáng được gọi là bậc đại lực sĩ*”: chỉ khi đó quý vị mới được gọi là một đại anh hùng, một đại trượng phu, một vị thánh nhân vĩ đại, một người hiền tài, một đáng đại trượng phu chân chính.

Phiên âm

Nhược kỳ bất năng hoan hỉ thọ, ác mạ chi thọ, như ẩm cam lộ giả, bất danh nhập đạo trí huệ nhân dã, sở dĩ giả hà, sân khuể chi hại, tắc phá chư thiện ác, hoại hảo danh văn, kim

thể hậu thể, nhân bất hỉ kiến, đương tri sân tâm. Thâm vu mãnh hỏa, thường đương phòng hộ, vô linh đắc nhập, kiếp công đức tặc, vô quá sân khuể. Bạch y thọ dục thọ hành đạo nhân, vô pháp tự chế, sân do khả thứ. Xuất gia hành đạo vô dục chi nhân, nhi hoài sân khuể, thậm bất khả dã. Thí như thanh lãnh vân trung, phi sở ưng dã.

Dịch nghĩa

Nếu không thể vui vẻ chịu đựng những lời ác độc mắng chửi như đang uống cam lộ, thì không thể gọi là người có trí tuệ nhập đạo. Vì sao lại như vậy? Vì tai hại của sân hận sẽ phá hủy mọi thiện pháp và làm tổn hại danh tiếng tốt đẹp. Dù là đời này đời sau, người đều không thích gặp. Phải biết tâm sân hận còn dữ dội hơn ngọn lửa dữ, phải luôn đề phòng đừng cho nó xâm nhập. Giặc cướp công đức, không gì hơn sân hận. Người tại gia còn thọ hưởng dục lạc, không phải người tu hành, không có cách tự chế ngự, nên sân hận có thể được tha thứ. Nhưng đối với người xuất gia tu đạo, lìa xa dục vọng mà còn ôm giữ sân hận thì thật không thể chấp nhận. Như giữ trời xanh trong mát mà lại có sấm sét, thật không phù hợp.

Giải giải

"Nếu không thể vui vẻ chịu đựng": giả sử người tu hành không thể vui vẻ chịu đựng *"những lời ác độc mắng chửi"*: người khác chửi mắng quý vị, hoặc đánh quý vị, những lời ác độc như vậy. *"Như đang uống cam lộ"*: khi người ta chửi quý vị, quý vị nên coi đó như nghe hát; khi người ta đánh quý vị, quý vị nên nghĩ rằng mình vừa va vào khung cửa. Họ chửi mắng, đánh quý vị, mà quý vị cảm thấy ngọt ngào như đang uống nước mật ong. *"Thì không thể gọi là người có trí tuệ nhập đạo"*: nếu quý vị không thể làm được điều này, thì không thể bước vào đạo và thực sự không có con đường tắt nào khác để vào đạo.

Bởi thế

Xem lời ác là công đức, đó chính là bậc thiện tri thức của ta.

Không vì lời phỉ báng mà khởi oán thân, há chẳng không sinh sức từ bi và nhân nhục sao?

Vì vậy, nếu có người chửi mắng, đánh đập quý vị mà quý vị có thể nhẫn nhịn được, thì đó chính là quý vị đã bước vào đạo, và đó cũng là biểu hiện của trí tuệ chân chính, khác biệt với người thường.

“Vì sao lại như vậy?”: tại sao phải hành động ngu ngốc như thế? *“Vì tai hại của sân hận”*: nếu quý vị biết được sự tai hại của sân hận đối với con người, *“sẽ phá hủy mọi thiện pháp”*: khi quý vị có sân hận, mọi điều lành sẽ bị cản trở, và việc tu hành sẽ không đem lại lợi ích, càng tu càng lùi bước. Tại sao quý vị càng tu lại càng lùi bước? Chính vì quý vị có tâm sân hận, *“và làm tổn hại danh tiếng tốt đẹp”*: khi có sân hận và tính khí nóng nảy, ví dụ như quý vị là một pháp sư, nếu có tính khí nóng nảy, người ta sẽ nói: ‘Thôi đi! Vị pháp sư đó chẳng có tài năng gì khác ngoài việc nóng giận, đó là tài năng của ông ta’. Nếu người ta nói vậy, quý vị có thấy rằng điều đó thật mất uy tín không? Vì vậy, mỗi người trong các quý vị đừng đi khắp nơi tuyên truyền rằng: ‘Sự phụ của tôi tính khí thật nóng, và chúng tôi cũng vậy’. Đừng tuyên truyền như vậy, bởi khi quý vị nói thế, chính là làm mất uy tín của sự phụ. Khi người khác nghe thấy, họ sẽ nghĩ rằng sự phụ của quý vị không phải là một người thiện tri thức, mà là một ác tri thức. Quý vị thấy đó *“làm tổn hại danh tiếng tốt đẹp”*, mất hết danh dự.

“Dù là đời này đời sau, người đều không thích gặp”: người bình thường, không chỉ đời này không muốn gặp một người xuất gia nóng tính, mà đến đời sau, người ta cũng không muốn gặp. Họ sẽ nói: ‘Thôi được rồi! Đời sau chúng ta cũng không nên gặp nhau nữa, không nên bái lạy một vị sư phụ nóng tính như vậy, thật là ác tri thức’. Đừng làm như thế. Người khác không thích gặp quý vị, quý vị thấy đấy, người ta không vui khi gặp quý vị. *“Phải biết tâm sân hận”*: quý vị nên biết rằng tâm sân hận *“còn dữ dội hơn ngọn lửa dữ”*: nó còn

manh hơn cả lửa dữ. “*Phải luôn đề phòng*”: quý vị nên luôn đề phòng tâm sân hận này. “*Đừng để nó xâm nhập*”: đừng để tâm sân hận thường xuyên ở trong lòng mình. “*Giặc cướp công đức*”: kẻ cướp công đức chính là sân hận, “*không có gì hơn sân hận*”: không có kẻ cướp nào đáng sợ hơn sân hận cả.

“*Người tại gia còn thọ hưởng dục lạc*”: Hán văn dùng từ “*Bạch y*” là chỉ người tại gia, “*không phải là người tu hành*”: họ không phải là người tu hành, “*không có cách tự chế ngự*”: không có phương pháp để tự kiểm soát sự sân hận của mình. “*Sân hận của họ còn có thể tha thứ*”: người tại gia nếu có tính khí nóng một chút, không kiểm soát được bản thân, thì sự sân hận này còn có thể tha thứ, vẫn có thể bỏ qua được. Nhưng “*người xuất gia tu đạo*”: người xuất gia tu hành, nên là “*lìa xa dục vọng*”: phải là người ít ham muốn và biết đủ, “*mà còn ôm giữ sân hận*”; nếu người xuất gia còn giữ sự sân hận, không thể buông bỏ, không thể nhẫn nhục, “*thì thật là không thể chấp nhận*”: điều này thật sự là không đúng. Ví dụ như thế nào? “*Như giữa trời xanh trong mát mà lại có sấm sét*”: điều này giống như việc giữa trời xanh, trong mát không một gợn mây mà tự nhiên có một tia sét đánh xuống, làm lóe lên ánh sáng tia lửa. “*Thật không phù hợp*”: trong cơn mưa lớn, gió bão, việc sấm sét là bình thường; nhưng trong những đám mây trong lành mà có sét đánh thì là điều không hợp lý. Vậy nên, nếu không tu hành, việc có tính khí không sao cả; nhưng nếu quý vị là người tu đạo, tại sao vẫn còn giữ tính khí nóng như vậy? Vẫn không thể buông bỏ được? Đó là điều không đúng.

D2. Đối trị chứng ngại phiền não do ngạo mạn

Phiền âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khát tự hoạt, tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tạt diệt chi, tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thể tục bạch y sở nghi, hà huống xuất gia nhập đạo chi nhân, vị giải thoát cố, tự giáng kỳ thân, nhi hành khát thực.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, hãy tự xoa đầu, nhớ rằng đã từ bỏ các trang sức tốt đẹp, mặc y phục hoại sắc, cầm giữ bình bát đúng lượng dùng khất thực để sống. Tự thấy như vậy, nếu khởi tâm kiêu mạn, phải mau chóng diệt trừ nó. Kiêu mạn càng gia tăng thì ngay cả người thế tục, người cư sĩ tại gia cũng không nên có, huống chi là người đã xuất gia tu đạo. Đã vì cầu giải thoát mà hạ mình đi khất thực để sống.

Giảng giải

Điều thứ nhất ở trước, là nói về phương pháp đối trị phiền não chướng do sân hận, những người có tâm sân hận, tính khí nóng thì nên tu hành nhẫn nhục. Nhẫn nhục chính là một phương pháp để đối trị phiền não chướng do sân hận gây ra. Thứ hai là phương pháp đối trị phiền não chướng do cống cao. Con người chúng ta rất dễ phạm phải lỗi lầm này, đó là sự tự cao tự đại, luôn cảm thấy mình có trí tuệ, kiến thức, đạo đức, và học vấn hơn người khác, từ đó sinh ra nhiều chướng ngại do sự cống cao ngã mạn. Để đối trị loại chướng ngại này, ta cần tu hành khiêm nhường, không nên có tâm kiêu ngạo đối với bất kỳ ai, tức là phải có tấm lòng khiêm tốn và hòa nhã.

Vì vậy, Đức Phật dạy rằng: “*Các thầy Tỳ-kheo*”: các thầy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni xuất gia, bao gồm cả các cư sĩ nam (Ưu-bà-tắc) và cư sĩ nữ (Ưu-bà-di), “*hãy tự xoa đầu*”: mỗi ngày quý vị nên xoa đầu ba lần, để nhớ rằng mình là người xuất gia đã cạo hết tóc, cũng không còn được đội những chiếc mũ đẹp nữa, phải ý thức được rằng mình đã là người xuất gia, khác với người tại gia. Người tại gia cũng nên xoa đầu mình và tự nhắc nhở rằng, dù chưa xuất gia và vẫn còn tóc, nhưng cũng không nên có tư tưởng cống cao ngã mạn. Cũng cần học sự khiêm nhường, cung kính, biết hạ mình, không để tư tưởng kiêu ngạo xuất hiện. Vì vậy, hãy thường xuyên tự xoa đầu để nhắc nhở bản thân.

“*Đã từ bỏ các trang sức tốt đẹp*”: đã từ bỏ những vật trang sức trên người, hoặc những vật như kiếm. Người xưa thường đeo một thanh bảo kiếm bên mình, và thanh kiếm này cũng là một loại trang sức, biểu thị rằng họ là một chiến binh hùng dũng, hoặc là người giỏi võ nghệ. Nhưng người xuất gia không mang theo những trang sức như vậy, những vật trang sức lộng lẫy đều không còn nữa. “*Mặc y phục hoại sắc*”: những bộ y phục mà người xuất gia mặc không phải là những màu sắc đẹp đẽ, chỉ có thể là màu xám, màu vàng, hoặc màu đen — gọi là y phục hoại sắc. Vì người tại gia không thích mặc loại y phục có màu sắc như vậy, nên chúng được gọi là “y phục hoại sắc”. Người xuất gia mặc y phục hoại sắc, như ba y — ngũ y, thất y và tổ y, tất cả đều có màu sắc không đẹp. Lại thêm “*cầm giữ bình bát đúng lượng*”: cầm giữ bát đựng thức ăn vừa đúng lượng. Bình bát này được gọi là “bát-đa-la”, đây là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là “bình đựng đúng lượng”. Thế nào là bình đựng đúng lượng? Đó là quý vị ăn bao nhiêu thì khi đi khát thực chỉ xin vừa đủ bấy nhiêu, xin vừa đủ ăn, không xin quá nhiều, cũng không xin quá ít, nên gọi là bình đựng đúng với lượng thức ăn mà quý vị cần. Quý vị ăn được bao nhiêu thì xin bấy nhiêu, sử dụng chiếc bát to đúng với sức ăn của mình. “*Dùng khát thực để sống*”: dùng việc khát thực để nuôi sống thân xác, để sinh sống.

“*Tự thấy như vậy*”: tự nhìn thấy mình trong tình cảnh như thế — không có mũ đẹp để đội, trên người cũng không đeo trang sức, mặc y phục màu hư xấu, tay cầm bình bát đúng lượng, đi khát thực từng nhà, từng bước một dọc theo các con đường. Khi tự nhìn thấy mình trong hoàn cảnh này, “*nếu khởi tâm kiêu mạn*”: nếu lại sinh ra tâm kiêu ngạo, tự cao, “*phải mau chóng diệt trừ nó*”: nên nhanh chóng loại bỏ ngay suy nghĩ kiêu mạn đó. Tại sao phải như vậy? Bởi vì quý vị đã không còn tóc, đầu không đội mũ đẹp, trên người cũng không trang điểm bằng những món trang sức lộng lẫy, mặc trên mình bộ y phục màu hư xấu, tay cầm bình bát đúng lượng đi

khất thực. Tất cả những điều này đều nhằm dạy con người phải diệt trừ tâm cống cao ngã mạn, không có tư tưởng kiêu căng. Nếu vẫn còn có suy nghĩ đó và chưa kiểm soát được tâm kiêu ngạo của mình, “*phải mau chóng diệt trừ nó*”, quý vị cần phải nhanh chóng loại bỏ ngay suy nghĩ và tâm kiêu mạn đó.

“*Kiêu mạn càng gia tăng*”: nếu sự kiêu mạn tăng lên. “*thì ngay cả người thế tục, người cư sĩ tại gia cũng không nên có*”: tức là người không xuất gia, cũng không nên có tâm kiêu mạn, không nên có tư tưởng tự cao tự đại, coi thường người khác. “*Huống chi là người đã xuất gia tu đạo*”: huống chi quý vị đã xuất gia để tu đạo? Muốn tu hành đạt đạo, nếu quý vị vẫn còn tư tưởng tự cao tự đại này, thì làm sao có thể được? “*đã vì cầu giải thoát*”: quý vị muốn đạt được sự giải thoát, không bị ràng buộc bởi ngã chấp và pháp chấp, “*mà hạ mình*”: bản thân nên hạ thấp địa vị của mình, phải rất khiêm tốn và hòa nhã. “*Đi khất thực để sống*”: đã đi khắp nơi xin ăn, nhưng nếu vẫn còn tư tưởng kiêu mạn, tự cao tự đại này, thì chắc chắn không có công đức gì, và mãi mãi sẽ không đạt được sự thành tựu đạo nghiệp mà quý vị mong muốn.

D3. Đối trị chướng ngại phiền não do siểm khúc

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, siểm khúc chi tâm, dữ đọa tương vi, thị cố nghi chất trực kỳ tâm, đương tri siểm khúc, đản thị khi cuống, nhập đạo chi nhân, tắc vô thị xứ, thị cố nhữ đẳng, nghi đương đoan tâm, dĩ chất trực vi bốn.

Dịch nghĩa

Các ông, các Tỳ-kheo! Tâm nịnh hót quanh co trái ngược với đạo, bởi thế phải giữ tâm chân thật, ngay thẳng. Nên biết tâm nịnh hót quanh co chỉ là để lừa dối, người tu đạo không như vậy. Vì lý do này, các ông phải sửa tâm mình lấy sự ngay thẳng làm gốc.

Giảng giải

Siểm khúc là gì? Đó là ‘nịnh hót quanh co’. Đoạn kinh này dạy chúng ta không nên có phiền não chướng do tâm nịnh hót, dua nịnh. Để đối trị tâm nịnh hót, phải dùng tâm ngay thẳng, phải dùng tâm chân thật, không có sự cong vạy, để đối trị phiền não chướng ngại của sự ‘siểm khúc’. ‘Siểm’ là siểm mị hay gọi là ‘nịnh’. “Nịnh” là gì? Nịnh chính là sự nịnh bợ. Sao gọi là nịnh bợ? Chính là lời nói ‘lưu hu’. ‘Lưu hu’ là một câu tiếng địa phương ở phương Bắc, đọc đầy đủ là “Lưu hu bổng thanh (*chạy theo và tăng bốc*)”. Tức là khi thấy người không có tiền, thì không thèm để ý; nhưng khi thấy người giàu có, thì liền cúi đầu chào hỏi. Đây gọi là “chạy theo và tăng bốc”, hay còn gọi là “nịnh hót”, và đó chính là “nịnh”. Tức là khi gặp người giàu sang thì nịnh bợ, ca tụng, còn khi gặp người nghèo khó thì kiêu ngạo, coi thường họ. Vậy còn ‘khúc’ thì sao? ‘Khúc’ là lời “quanh co”, có nghĩa là lời nói vòng vo, lòng dạ không ngay thẳng, dùng những lời lẽ quanh co, khéo léo để lấy lòng người khác, điều này gần giống với ‘nịnh hót’. Tuy nhiên, ‘nịnh hót’ thì thường dùng cho người giàu có, còn ‘quanh co’ thì dùng cho người bình thường, không đối xử với người khác bằng tâm ngay thẳng mà luôn vòng vo để lừa dối, không nói thật, không có một lời nào là chân thành. Những lời nói ra đều vòng vo, cong queo, không ngay thẳng.

Vậy làm thế nào để đối trị thói quen xấu này? Phật dạy: “*Các ông, các Tỳ-kheo*”: tất cả các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các ông phải biết rằng, “*Tâm nịnh hót, quanh co*”: cái tâm nịnh bợ người khác, nói lời không thật. “*Trái ngược với đạo*”: Nếu các ông muốn tu hành, nhất định không được có hành vi này. Tại sao vậy? Bởi vì điều này trái ngược với việc tu đạo, không phải là ngay thẳng. Làm bất cứ việc gì cũng phải thẳng thắn, nếu không thẳng thắn thì sẽ không phù hợp với Phật pháp. Nói năng và hành động đều không nên vòng vo, giả dối. Nịnh hót chính là khi thấy người có tiền, chỉ nói những lời dễ nghe, những điều họ muốn nghe,

đó gọi là lời nịnh bợ. Quanh co là lòng dạ không chân thật, tâm không ngay thẳng. Điều này trái ngược với đạo, không phù hợp với việc tu hành.

“Bởi thế phải giữ tâm chân thật, ngay thẳng”: bởi vậy, tâm của quý vị cần phải chân thật, phải ngay thẳng, vì tâm ngay thẳng chính là đạo tràng. Nếu quý vị cứ làm mọi người vui lòng, rồi nói rằng mình đang học hạnh Bồ Tát, áp dụng Tứ nhiếp pháp. Tứ nhiếp pháp là gì? Đó chính là bố thí, ái ngữ, lợi hành, và đồng sự. Bố thí là đem lợi ích đến cho người khác, như mang tài sản của mình để bố thí cho người khác. Ái ngữ là nói lời tốt lành với người, nhưng Bồ Tát nói lời tốt lành là không có ý đồ hay mong cầu điều gì, chỉ để làm cho người nghe vui vẻ mà không phải vì muốn nhận lại lợi ích cho bản thân. Nếu quý vị nói lời tốt chỉ vì lợi ích cá nhân, thì đó là sự nịnh hót, không phải là tâm ngay thẳng. Tâm ngay thẳng là đạo tràng, phải dùng tâm ngay thẳng để đối đãi với người khác, trong lời nói, hành động, tất cả mọi thứ đều phải từ tâm ngay thẳng mà ra.

“Nên biết rằng tâm nịnh hót quanh co”: tất cả mọi người đều nên biết rằng, nịnh hót và quanh co *“chỉ là để lừa dối”*: quý vị dùng loại tâm nịnh bợ và không thẳng thắn này để nói chuyện, thì đó là đang lừa dối người đời, nói dối. *“Người tu đạo”*: người tu đạo, tức là chúng ta muốn tu hành, *“không như vậy”*: tuyệt đối không được nói dối, tuyệt đối không được nịnh bợ người khác, mà phải dùng tâm ngay thẳng để đối đãi với mọi người. *“Vì lý do này, các ông”*: vì lý do đó, nên các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả các đệ tử của Phật, *“phải sửa tâm mình”*: quý vị phải chỉnh đốn lại tâm của mình. Chỉnh đốn tâm tức là làm cho tâm ngay thẳng, mà tâm ngay thẳng tức là không có tâm nịnh hót. Tâm nịnh bợ phải không còn, và tâm uốn éo, không thật thà cũng phải không còn. *“Lấy sự ngay thẳng làm gốc”*: lấy sự chân thật, ngay thẳng, không nịnh hót làm nền tảng. Tuyệt đối không được nịnh bợ người khác, tuyệt đối không được có ý đồ

hay tính toán với bất kỳ ai. Như cái gọi là ‘muru mô, đầu đá’, dùng các thủ đoạn để đem lại lợi ích cho bản thân, đó là điều mà những người tin Phật không nên có.

B2. Giải thích những yếu tố quan trọng không chung với thế gian pháp (tám phần)

- C1. Công đức không cầu
- C2. Công đức biết đủ
- C3. Công đức xa lìa
- C4. Công đức không mệt mỏi
- C5. Công đức không mất chính niệm
- C6. Công đức thiện định
- C7. Công đức trí tuệ
- C8. Công đức cứu cánh

Bây giờ, bắt đầu với C1

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, đương tri đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa, thiếu dục chi nhân, vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn, trực nhĩ thiếu dục, thượng nghi tu tập, hà hướng thiếu dục năng sanh chư công đức, hành thiếu dục giả, tắc vô siểm khúc dĩ cầu nhân ý, diệc phục bất vi chư căn sở khiên, hành thiếu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô cầu ưu úy, xúc sự hữu dư, thường vô bất túc, hữu thiếu dục giả, tắc hữu Niết-bàn, thị danh thiếu dục.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, các ông nên biết rằng người nhiều ham muốn, vì ham muốn nhiều lợi lộc nên đau khổ cũng nhiều. Người ít ham muốn, không cầu, không dục thì không có những phiền não này. Ngay cả việc ít ham muốn cũng đã đáng để tu tập, hướng chỉ là ít ham muốn có thể sinh ra nhiều công đức. Người ít ham muốn thì không có sự đua nịnh để lấy lòng người khác, cũng không bị các căn chi phối. Người thực hành

ít ham muốn thì lòng luôn thản nhiên, không lo sợ điều gì, đối mặt mọi việc đều đủ đầy, không thấy thiếu thốn. Người ít ham muốn thì đó chính là Niết-bàn. Đây gọi là ít ham muốn.

Giảng giải

Công đức chính là đạt được sự viên mãn nhất về Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, đó chính là có công đức. Vì vậy, trong Nho giáo có nói:

‘Nhân Lễ Nghĩa Trí căn ư tâm, kỳ sanh sắc dã, thản nhiên kiến ư diện, áng vu bối, thư ư tứ chi, tứ thể bất ngôn nhi dụ’

(*Nghĩa*: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí đều bắt nguồn từ tâm. Khi những đức tính ấy được nuôi dưỡng sẽ phát sinh một vẻ sáng ngời trên khuôn mặt, toát ra ở lưng, thực hành qua bốn chi, toàn thân tự nhiên biểu lộ mà không cần lời nói).

‘Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí bắt nguồn từ tâm’ gốc rễ của nó nằm trong tâm. ‘Khi những đức tính ấy được nuôi dưỡng sẽ phát sinh’: nó có một loại ánh sáng tỏa ra. ‘một vẻ sáng ngời trên khuôn mặt’ nếu quý vị đầy đủ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, thì trên khuôn mặt quý vị sẽ hiện ra tướng đức hạnh, có một loại công đức ở bên trong. Nếu quý vị không có Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí thì sẽ không có sự toát ra của công đức đó. Không chỉ hiện trên khuôn mặt, mà còn ‘toát ra ở lưng’, ‘thực hành qua tứ chi, toàn thân tự nhiên biểu lộ mà không cần lời nói’: Vì vậy, người có công đức, ai gặp cũng đều yêu mến. Tại sao người ta lại yêu mến? Vì người đó có công đức. Người ấy không tranh với ai, cũng không cầu mong điều gì, nên công đức đệ nhất chính là công đức của sự không cầu.

Chúng ta, con người ở thế gian này đều có lòng ham muốn, có sự tham cầu. Quý vị thử suy nghĩ xem, có ai mà không có lòng tham cầu? Người tin Phật cũng có lòng tham cầu; người không tin Phật thì càng có lòng tham cầu. Tham cầu gì? Từ khi đứa trẻ vừa sinh ra, nó đã có sự tham cầu rồi. Tham cầu gì vậy? Vừa mới sinh ra, nó đã tham cầu sữa mẹ. Nếu không được cho ăn, nó sẽ khóc: “Khổ quá!” Khóc lóc, than khổ

suốt ngày. Tại sao lại khóc (kêu khô)? Vì nó muốn được bú sữa. Khi có sữa, nó sẽ thỏa mãn vì đạt được điều mong muốn. Còn nếu không được, nếu nó không có sữa uống, thì nó sẽ chịu nỗi khổ “cầu không được,” vì vậy nó rất thẳng thắn mà kêu lên: “Khô quá! Khô quá! Khô quá!” Khóc toáng lên. Tiếng khóc khiến mẹ phải chuyển máu của mình thành sữa, bố thí cho đứa trẻ, để thỏa mãn mong muốn và nhu cầu ăn uống của nó.

Vừa mới sinh ra đã có lòng tham. Khi biết ăn những thứ khác, đứa trẻ bắt đầu tham ăn các món khác. Nếu quý vị đưa cho nó một thứ gì đó, dạy nó cách chơi, hoặc cho nó món gì ngon để ăn, nó đều vui vẻ làm theo. Vì vậy, có câu “Ăn uống và dục vọng là bản tính tự nhiên”, việc thích ăn ngon là một bản năng bẩm sinh. Nó rất thích ăn những món ngon. Khi biết chơi, nếu quý vị mua cho nó một món đồ chơi, nó sẽ vui mừng khôn xiết; nếu quý vị không mua, nó sẽ trở nên nghịch ngợm, gây rối. Đây là lòng tham bẩm sinh của trẻ nhỏ, và lòng tham này ngày càng lớn dần theo thời gian.

Khi lớn lên, mọi thứ đều hiểu, đến lúc phải đi học. Tại sao phải học? Học nhiều một chút, sau này kiếm tiền dễ, đó chẳng phải là tham lam sao! Khi còn đang đi học, đã bắt đầu nghiên cứu xem sau này nên học gì. Nghĩ thử xem: Bây giờ là thời đại không gian, khoa học phát triển, mình sẽ học khoa học! Nhưng lại nghĩ: khoa học có thể lên trời, nhưng không thể xuống đất, dưới lòng đất thì không biết có gì?Ồ! Vậy nghiên cứu địa chất học. Rồi nghiên cứu khí hậu, đưa vệ tinh lên trời để xem năm sau lượng mưa bao nhiêu. Năm nay đã muốn biết lượng mưa của năm sau rồi, tất cả đều là do lòng tham chi phối. Còn có những học sinh nghĩ rằng nghiên cứu thiên văn địa lý, tất cả đều quá xa vời, mình sẽ nghiên cứu con người! Nghiên cứu nhân văn học. Người ta nói nghiên cứu này cũng không kiếm được nhiều tiền, vậy thì làm bác sĩ, học y học, học hóa học, học sinh học để nghiên cứu. Mổ một con ếch ra xem bên trong có những gì? Giết một con chuột để xem trong đó có những gì?

Nghiên cứu tới nghiên cứu lui, lòng tham vô tận cứ thế mà lộ ra. Dù quý vị làm gì cũng đều có lòng tham này. Người xuất gia thì tham có thêm một chút hộ pháp: ‘Người giàu có kia, nếu ông quy y với tôi, thì thật hay biết bao. Quy y với tôi, ông có thể dâng rất nhiều tiền để cúng dường tôi, giúp tôi xây chùa, giúp tôi làm mọi việc cho Phật giáo, giúp tôi in Kinh, ông xem điều này tốt biết bao?’ Đó là lòng tham. Vậy những người không tham tiền thì sao? Họ lại tham muốn tu đạo. À! Khi nào tôi mới có thể khai ngộ đây? Tôi phải dụng công thế nào? Tôi phải làm sao để có thể nhanh chóng khai ngộ, nhanh chóng thành Phật đây? Lòng tham này cứ thế mà bộc lộ. Quý vị dù có tu đạo, cũng có lòng tham; không tu đạo, lòng tham lại càng lớn hơn.

Vì vậy, phải không cầu mới là công đức, có cầu thì không có công đức. Người xưa nói: ‘Không cầu thì sẽ không có phiền não’, Quý vị ‘biết ít chuyện thì ít phiền não’, biết càng ít chuyện, thì đúng sai cũng biết ít, phiền não cũng sẽ ít đi. ‘Giao thiệp nhiều thì thị phi nhiều’, quý vị quen biết nhiều người, rắc rối cũng theo đó mà đến. Người này nói quý vị không phải với họ, người kia nói tôi không phải với quý vị, người khác lại nói quý vị không phải với anh ta; trong mối quan hệ giữa quý vị, tôi, và họ sẽ có rất nhiều chuyện xảy ra, nhiều phiền toái xuất hiện. Tại sao? Tất cả đều vì lòng tham và tâm mong cầu. Cầu người! Cầu tài!

Quý vị xem ông Triệu, người giỏi bói toán, suốt ngày cứ bói cho người ta. Những người đến xin bói thì cầu may mắn, cầu phát tài, lại còn cầu đủ thứ này nọ, tất cả đều là có lòng cầu mong. Quý vị thấy đấy, người hồ đồ thì cầu hồ đồ, vì không hiểu, bản thân vì không biết nên phải đi xin bói để hỏi: ‘Anh xem vận mệnh của tôi thế nào?’. ‘Vận mệnh của anh là tốt nhất, tương lai có thể làm hoàng đế’. Nhưng đây chỉ là một giấc mơ, đừng nói quý vị không thể làm được, ngay cả khi làm được hoàng đế cũng chỉ là một giấc mơ, làm Tổng thống cũng là một giấc mơ, ngày ngày sống trong mộng tưởng. Giấc mơ,

không ai nhìn thấu, cũng không ai buông bỏ được, vì vậy đến chỗ không cầu thì sẽ vô ưu, nếu quý vị không có gì để cầu mong, thì sẽ không còn lo lắng nữa.

Cầu không được thì khổ, tại sao có khổ do cầu không được? Chính vì lòng tham cầu của quý vị quá lớn, nên mới cảm thấy khổ, đêm cũng không ngủ được, ban ngày cũng ăn không ngon, tất cả đều vì lòng tham cầu quá mức. Mọi người ở đây đều thông minh hơn tôi, nên cần nghiên cứu sâu sắc về công đức của việc không cầu. Tôi không phải đang kể chuyện cười với các quý vị đâu. Quý vị xem những học sinh đang đi học kia, học rồi lại sinh ra một lòng tham khác. Nam sinh thì muốn tìm một cô bạn gái tốt, sau này kết hôn sinh con cái ngoan, tạo dựng một gia đình hạnh phúc. Còn các nữ sinh cũng có điều cầu mong, muốn tìm một người bạn đời tốt, rồi nghĩ đến tương lai sẽ thế nào, thế nào... không thể nói hết được. Và khi có cầu mà không đạt được, thì sẽ có khổ do cầu không được. Còn khi đã đạt được rồi, lại lo sợ mất đi, lo sợ đánh mất, bao gồm cả tài sản, vật chất, và mọi thứ khác. Khi chưa đạt được thì lo lắng về việc có được, khi đã có rồi thì lại lo sợ mất đi, lại sợ đánh mất. Nói ra thì đúng là không có điểm dừng, không bao giờ kết thúc, vì luôn có điều để cầu mong. Vậy còn không cầu thì sao? Nếu quý vị có thể không cầu mong gì, đó chính là công đức. Cho nên, "biết đủ thì thường vui, có thể nhàn nhện thì tự yên" và sẽ không còn khổ nữa.

“Các thầy Tỳ-kheo, các ông nên biết rằng người nhiều ham muốn”: ở đây nói đến tất cả chúng sinh, không chỉ riêng các Tỳ-kheo, mà là tất cả chúng sinh! Nên biết rằng những người nhiều dục vọng thì không bao giờ thỏa mãn, tham lam không biết đủ, tham cầu không ngừng. Có một trăm đồng thì nghĩ rằng nếu có hai trăm đồng thì thật tốt; có hai trăm rồi lại muốn có hai nghìn; đến khi có hai nghìn thì lại muốn có hai vạn; khi có hai vạn rồi, lại muốn có hai trăm vạn, đó là lòng tham vô tận, như một cái hồ sâu không đáy, không bao giờ dừng lại. *“Vì ham muốn nhiều lợi lộc”*: Tại sao họ tham lam?

Chính vì họ muốn đạt được lợi ích, muốn có nhiều điều tốt đẹp, có lợi cho bản thân. *"nên khổ não cũng nhiều"*: vì tham lam quá nhiều, khổ não cũng đi kèm, cầu mà không được thì sinh ra khổ não, cho nên khổ não cũng nhiều.

"Người ít ham muốn": nếu là người không có lòng tham muốn, *"không cầu, không dục"*: cũng không có gì để tham cầu, không có điều gì muốn có, lòng tham dục hoàn toàn không còn, *"thì không có những phiền não này"*: vậy thì sẽ không có những khổ não này. Mọi người hãy suy ngẫm, hễ tham là có khổ. Tôi nói điều này, quý vị có thể không tin, nhưng mỗi người hãy tự nghĩ xem, những thứ quý vị cầu mà không đạt được, quý vị khóc, quý vị than, không ngủ được, ăn không ngon, rồi lại nghĩ đến tự tử, rồi lại muốn sống, muốn chết, làm đủ thứ điên đảo, tất cả đều xuất hiện. Đó là bởi vì quý vị có lòng tham cầu. Không có tham dục, không có gì để cầu, thì không có vấn đề gì cả, mọi vấn đề đều được giải quyết.

"Ngay cả việc ít ham muốn": nếu chỉ có ít, rất ít, một chút lòng ham muốn thôi, *"cũng đã đáng để tu tập"*: nếu hoàn toàn không có ham muốn, thì người đó sẽ muốn tu hành, vì họ không còn gì để tham cầu, chỉ muốn tu đạo mà thôi. *"Huống chi là ít ham muốn"*: huống chi là lòng ham muốn, quý vị phải thường xuyên giảm bớt, không phải chỉ là một lúc nào đó, mà là phải luôn giảm bớt ham muốn. *"Có thể sinh ra nhiều công đức"*: nếu giảm bớt lòng ham muốn, quý vị có thể sinh ra nhiều công đức. Nếu lúc nào quý vị cũng có thể ít ham muốn, thì mọi công đức sẽ tự nhiên sinh ra. *"Người ít ham muốn"*: người biết giảm bớt lòng dục vọng, *"thì không có sự dua nịnh"*: sẽ không có sự dối trá hay quanh co. Không cần nịnh nọt người khác, không phải nói lời tốt đẹp hay vòng vo, sợ đắc tội với người khác, sợ làm người ta không vui. Tại sao phải dua nịnh như vậy? *"Để lấy lòng người khác"*: làm vậy để lấy lòng người khác, khiến họ nghe xong cảm thấy vui. Vì người khác vui, thì bản thân có thể đạt được lợi ích. *"Cũng không bị các căn chi phối"*: nếu quý vị không còn ham muốn nữa, thì

mắt sẽ không bị sắc trần làm lay chuyển, tai không bị âm thanh chi phối, mũi không bị mùi hương ảnh hưởng, lưỡi không bị vị giác lay động, thân không bị xúc giác chi phối, ý không bị pháp trần kéo theo, không bị lay chuyển nữa.

“Người thực hành ít ham muốn”: nếu quý vị có thể tu hành pháp môn ít ham muốn, người như vậy *“thì lòng luôn thản nhiên”*: trong lòng luôn cảm thấy thản nhiên, rất bình yên và vui vẻ. Như câu nói: ‘Quân tử thì thản nhiên, tiểu nhân thì luôn lo lắng’, người quân tử trong lòng lúc nào cũng rất sáng sủa, vẻ ngoài cũng rạng ngời - như câu:

Nhân Nghĩa Lễ Trí sung thực chi vị mỹ, sung thực nhi hữu quang huy vị đại, đại nhi hóa chi chi vị thánh, thánh nhi bất khả tri chi vị thần.

Nghĩa: (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí,

Đầy đủ gọi là Đẹp, đầy đủ mà rực rỡ gọi là Đại,

Đại mà biến hóa gọi là Thánh, Thánh mà không thể hiểu thấu gọi là Thần.)

‘Đầy đủ gọi là Đẹp’, đầy đủ tức là viên mãn, còn ‘Đẹp’ ở đây có nghĩa là rất tốt. ‘Đầy đủ mà tỏa ra ánh sáng rực rỡ gọi là Đại’, một người đẹp nếu vừa có thể đầy đủ đức hạnh và ánh sáng, thì đó chính là một người Đại nhân. ‘Đại mà biến hóa gọi là Thánh’, Đại nhân rồi lại có khả năng biến hóa, thì đó chính là Thánh nhân. ‘Thánh mà không thể biết gọi là Thần’, đến mức ngay cả Thánh nhân cũng không biết người này ra sao, tức là đã đạt đến cảnh giới vi diệu, không thể dùng lời nói hay suy nghĩ để hiểu thấu. Cảnh giới này gọi là thần diệu. ‘Không lo lắng và sợ hãi’: Bởi vì người này không còn tham lam điều gì, nên không còn sợ hãi. Sợ cái gì đây? Ngay cả khi quý vị chặt đầu tôi, tôi cũng không lo lắng. Tại sao vậy? Bởi vì không có điều gì để cầu, không còn tham lam, sống hay chết cũng không có gì khác biệt, thực sự có thể nhìn thấu, buông bỏ, thì sẽ đạt được tự do. Không lo lắng, không sợ hãi, đó chính là tự tại.

“*Không lo sợ điều gì*”: bất kể gặp phải việc gì, đều rất lạc quan. “*Đối mặt mọi việc đều đủ đầy, không thấy thiếu thốn*”: khi đã rất lạc quan rồi, thì sẽ cảm thấy mọi thứ đều viên mãn, không thiếu, không thừa, và cũng không thấy có điều gì là không đủ cả. Nhân vì điều này, tôi nhớ lại mấy câu mà tôi đã nói với các quý vị, các quý vị nên nhớ. Tôi đã nói gì nhỉ? Tôi nói...

“Phú nhân bất chiếm tiện nghi, chiếm tiện nghi thị bản cùng. Thiện nhân bất oán nhân, oán nhân thị ác nhân. Hiền nhân bất sanh khí, sanh khí đích thị ngu nhân.”

Nghĩa: “Người giàu không tranh chiếm lợi ích nhỏ, tranh chiếm lợi ích nhỏ là người nghèo hèn. Người thiện không oán trách người khác, oán trách người khác là người ác. Người có đức không nổi nóng, người nổi nóng là kẻ ngu muội.”

Người giàu thì không tranh chiếm lợi ích, còn người hay tranh chiếm lợi ích thì sao? Chính là người nghèo. Dù họ có nhiều tiền, nhưng nếu họ vẫn muốn tranh chiếm lợi ích thì đó vẫn là người nghèo. Bởi vì họ cảm thấy không hài lòng, không hài lòng nên còn tham lam. Nếu quý vị thực sự giàu có, quý vị sẽ không cần tìm kiếm gì thêm, nên ‘người giàu không tranh chiếm lợi ích nhỏ, tranh chiếm lợi ích nhỏ là người nghèo hèn’. ‘Người thiện không oán trách người khác, người oán trách là kẻ ác’, người thiện thì không oán trách ai, nếu thực sự là người thiện, họ sẽ không oán trách ai cả. Dù có chịu thiệt thòi bao nhiêu, họ cũng không oán trách người khác. Còn nếu quý vị luôn oán trách người khác, thì quý vị thuộc loại kẻ ác. Gặp người này thì nói người kia sai, gặp người kia thì nói người này sai, còn bản thân mình thì cho là đúng, nhưng khi nhìn lại, mình chẳng đúng điều gì cả. Vì vậy, người thiện không oán trách người khác, còn kẻ oán trách là kẻ ác.

Người hiền là gì? Người hiền thì không nóng giận, người có trí tuệ thì không nóng giận, còn người hay nóng giận chính là kẻ ngu. Dễ nổi giận, đó là do thiếu trí tuệ thật sự. Người quý

phái, bậc cao quý thì không chửi mắng người khác, dù trong hoàn cảnh nào cũng không chửi mắng. Người cao quý lòng từ bi, họ không chửi mắng. Còn chửi mắng người khác chính là kẻ hèn. Những người thích chửi mắng là kẻ hèn hạ. Vì vậy, quý vị cần lưu ý điều này, đừng tham lam tìm cầu vật chất hay tài sản. Vì thế, “*Người có ít ham muốn*”: nếu ai tu tập theo pháp môn ít ham muốn, người ấy sẽ đầy đủ công đức của pháp thân, trí tuệ và giải thoát. Khi đã đầy đủ ba đức này, “*thì đó chính là Niết-bàn*”: trạng thái không sinh không diệt, không như không sạch, không tăng không giảm, là cảnh giới của sự an lạc, thanh tịnh tuyệt đối. “*Đây gọi là ít ham muốn*”: khi không còn tìm cầu gì, không còn tham lam gì nữa, đó mới thực sự là ít ham muốn.

Thế giới này hình thành như thế nào? Là do bốn đại kiếp thành, trụ, hoại, không mà thành tựu. Thành có hai mươi tiểu kiếp, trụ có hai mươi tiểu kiếp, hoại có hai mươi tiểu kiếp và không có hai mươi tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp bằng một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Nhưng chúng ta phải suy nghĩ tại sao lại có thành? Sao lại có trụ? Sao có hoại? Sao có không? Tại sao có thành trụ hoại không? Thành trụ hoại không này cũng chính là sanh lão bệnh tử và sanh trụ di diệt. Vậy sanh lão bệnh tử và sanh trụ di diệt sao lại có?

Chúng ta cần biết rằng tất cả đều do vọng tưởng của chúng ta tạo ra. Vì thế mới nói: ‘Niệm động bách sự hữu, niệm chỉ vạn sự vô’ (niệm khởi thì trăm sự có, niệm dừng thì vạn sự không). Khi một niệm khởi lên, liền có núi sông, đại địa, nhà cửa. Nếu quý vị không sinh một niệm nào, thì mọi thứ đều không có. Vì vậy, thế giới này có thành, trụ, hoại, không, và con người có sinh, lão, bệnh, tử, sinh, trụ, di, diệt đều là do vọng tưởng mà thành. Nói rộng ra thì tạo nên cả một thế giới, nói hẹp hơn thì tạo nên một quốc gia, cũng đều do vọng tưởng tạo thành. Nhỏ hơn nữa thì ngay cả một gia đình cũng do vọng tưởng mà thành. Và thu nhỏ lại hơn nữa, thân tâm của chúng ta cũng đều do vọng tưởng tạo ra.

Vọng tưởng của chúng ta bay tán loạn, có vô số vọng tưởng, nhiều vô tận như cát bụi. Trong không gian, quý vị thấy những hạt bụi và cát nhiều không đếm xuể, vọng tưởng của chúng ta cũng như vậy, không biết bao nhiêu mà kể. Chúng ta có một vọng tưởng thiện, đó là bổ sung cho sự thiếu hụt chính khí trong trời đất; còn nếu có vọng tưởng ác, thì nó sẽ giúp ác nghiệp của thế giới này ngày một gia tăng. Nếu quý vị có vọng tưởng thiện, thì nghiệp thiện sẽ tăng lên. Nếu vọng tưởng của quý vị bình thường, không thiện không ác, thì quý vị tạo ra một thế giới bình thường. Ngay cả khi quý vị nhìn vào hôm nay, chúng ta tụ họp trong Phật đường này, người thì nói chuyện này, người thì nói chuyện kia, quý vị giảng đạo lý của quý vị, tôi giảng đạo lý của tôi, tất cả đều là do vọng tưởng hiện mà ra.

Hôm nay chúng ta tụ họp về đây cũng là do những vọng tưởng mà chúng ta đã tạo ra từ trước. Giống như mỗi người trong số các quý vị, ai cũng có vọng tưởng riêng của mình. Tôi nói với quý vị rằng, quý vị đến đây là vì trước kia tôi đã có một vọng tưởng rằng, trong tương lai tôi sẽ xuất gia tu hành, lập nên một Phật đường. Trong Phật đường đó sẽ có Trương Tam, có Lý Tứ. Trương Tam thì cao năm thước ba tấc rưỡi, còn Lý Tứ có thể cao năm thước bốn tấc. Sẽ có bao nhiêu cô gái học Phật pháp ở đó, bao nhiêu chàng trai nghiên cứu Phật pháp, bao nhiêu người xuất gia, bao nhiêu người tại gia, bao nhiêu cư sĩ, người già bao nhiêu, người trẻ bao nhiêu... Tất cả đều do vọng tưởng mà thành. Quý vị đã từng có những vọng tưởng này, và giờ đây hiện ra một cảnh giới như vậy, để chúng ta cùng nhau nghiên cứu Phật pháp ở đây.

Nói đến việc nghiên cứu Phật pháp, con người là một loài động vật rất kỳ lạ, một sinh vật rất kỳ quặc. Quý vị dạy họ học điều tốt, họ luôn không tin, bán tín bán nghi; nhưng nếu quý vị dạy họ học điều xấu, họ rất nhanh sẽ học được. Quý vị thấy đây, không cần nói đâu xa, chỉ ngay tại nơi này thôi, mỗi ngày đều có xe buýt đi đến Las Vegas. Không ai dạy họ cách đánh bạc, nhưng khi đến đó, họ tự nhiên biết cách, không cần thầy

dạy. Họ kéo một cái, đặt một đồng tiền, rồi kéo thêm một cái nữa, kết quả là mặt sạch, không còn gì cả. Điều này không cần ai dạy, họ cũng biết cách làm. Đây chính là thế giới được tạo ra bởi những vọng tưởng.

Bất kể là ai, đều đã từng có vọng tưởng trong quá khứ, vì vậy mà kiếp này hiện ra với một diện mạo như thế nào, hình dạng ra sao, tất cả đều là kết quả của những vọng tưởng ấy. Nếu quý vị sinh ra với vẻ ngoài xấu xí, đó là vì trong quá khứ quý vị đã luôn suy nghĩ những điều xấu xa. Nếu quý vị sinh ra xinh đẹp, giống như cô gái kia rất đẹp, tựa như tiên nữ, đó cũng là vì trước kia quý vị đã luôn nghĩ về điều tốt đẹp. Ví dụ như quý vị nghĩ rằng nếu tôi được làm người, tôi sẽ xuất hiện với vẻ đẹp nhất, tôi có thể tham gia cuộc thi Hoa hậu Thế giới, Hoa hậu Hoàn vũ. Một khi được chọn làm Hoa hậu Hoàn vũ, quý vị sẽ cảm thấy hoàn toàn mất tự do, đi lại không tự do, ngồi cũng không tự do, nằm cũng không tự do, luôn có những sự gò bó, không được tự do.

Trong thế giới này, con người lừa dối lẫn nhau, Hoa hậu Hoàn vũ muốn tìm một chàng trai đẹp, nhưng tìm mãi không được, nên cảm thấy khổ sở vô cùng. Còn chàng trai tuấn tú lại muốn tìm một cô gái xinh đẹp, nhưng dù tốn bao nhiêu sức lực, thời gian, cũng không tìm được, cũng vô cùng khổ não. Vì vậy, thế giới này đều do những vọng tưởng mà ra, nên mới có nhiều khổ đau như thế. Mỗi người đều có nỗi khổ của mình. Con gái khi đã qua tuổi 18, 19, sau 20 tuổi, thì sự phiền muộn bắt đầu đến, suốt ngày không khóc thì cũng kêu than, rắc rối ngày càng nhiều. Vấn đề này đến, vấn đề kia cũng xuất hiện, cho nên thế giới này là như vậy.

Quan trọng nhất, mọi người đều biết có một vị vua của Iran, ông ấy là người giàu có nhất thế giới. Ở mỗi quốc gia lớn nhỏ, ông đều mua một ngôi nhà hoặc biệt thự đẹp nhất. Tiền bạc là nhiều nhất, làm hoàng đế, nhưng bây giờ chính quyền của ông ấy đã bị lật đổ. Bị lật đổ không phải là chuyện gì lớn, dù có nhiều tiền như vậy, nhưng đi đến đâu cũng không ai

hoan nghênh. Có nhà ở đó cũng không thể ở, có tiền trong ngân hàng cũng không thể rút ra. Quý vị xem, điều đó có khổ hay không? Lưu lạc khắp nơi, sống một cuộc đời lưu vong, bao nhiêu tiền cũng trở nên vô dụng, không có giá trị gì nữa. Dù đi đến đâu, mọi người đều muốn ám sát ông ấy, Iran còn treo thưởng hàng trăm ngàn đồng để mua cái đầu của ông. Các quý vị thử nghĩ xem, có nhiều tiền như vậy thì có ích gì? Có tiền, có thế, có nhiều quyền lực, nhưng một khi sụp đổ, thì chẳng còn quyền lực gì nữa, tiền cũng vô dụng, dù có gửi ở ngân hàng nào đi nữa, người ta cũng không trả lại cho ông ấy. Quý vị nghĩ xem, có đáng thương không? Đã như vậy, quý vị cần nhiều tiền để làm gì? Vì vậy, nếu cứ mơ mộng không rõ ràng, thì sẽ trở thành một kẻ mê muội, sống trong ảo mộng, đó thật sự là điều đáng thương.

C2. Công đức biết đủ

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc, tri túc chi pháp, tri túc thị phú lạc an ổn chi xứ, tri túc chi nhân, tuy ngọa địa thượng, do vi an lạc, bất tri túc giả, tuy xứ thiên đường diệc bất ổn ý, bất tri túc giả, tuy phú nhi bản, tri túc chi nhân, tuy bản nhi phú, bất tri túc giả, thượng vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mãn thị danh tri túc.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, nếu muốn thoát khỏi các khổ não, thì thường quán biết đủ. Pháp biết đủ chính là nơi giàu sang an ổn. Người biết đủ, dù nằm trên đất cũng thấy an vui; người không biết đủ, dù ở thiên đường cũng không vừa ý. Người không biết đủ, tuy giàu mà nghèo; người biết đủ, tuy nghèo mà giàu. Người không biết đủ thường bị năm dục lôi kéo, được người biết đủ thương xót. Đó gọi là biết đủ.

Giảng giải

Thứ hai, công đức của sự biết đủ. Có biết đủ thì có công đức, không biết đủ thì không có công đức. Nếu quý vị biết đủ,

Hòa thượng Tuyên Hóa

quý vị sẽ luôn vui vẻ; còn nếu không biết đủ, quý vị sẽ luôn khổ sở, luôn lo âu. Người biết đủ thì giống như Nhan Hồi vậy.

Một ống cơm, một bầu nước, sống trong ngõ hẹp, người khác không chịu nổi nỗi khổ ấy, nhưng Nhan Hồi vẫn không thay đổi niềm vui của mình.

Đây chính là biết đủ. Câu này nói về đại đệ tử của Không Tử - Nhan Hồi, ông là một người biết đủ, cũng là một người lạc quan. Ông ăn không có bát cơm, uống nước cũng không có chén trà. Vậy ông ăn bằng gì? Ông dùng một ống tre. Tre có các đốt, ông cắt một đoạn, để lại một đốt, phần trên cắt bỏ đi, rồi dùng ống tre đó để đựng cơm ăn. Tại sao vậy? Vì ông không có tiền mua bát, mua đồ gốm, nên dùng một đoạn tre để làm bát ăn cơm, đó gọi là "một ống cơm". "Ông" ở đây chính là ống tre.

‘Một bầu nước’, Nhan Hồi uống nước cũng không có chén trà. Vậy ông dùng gì để uống nước? Ông dùng một cái bầu, tức là một nửa quả bầu khô. Ông lấy bầu ra suối hoặc nơi có nước, múc một bầu nước để uống. Về việc đun nước thì khỏi phải nói, ông không có ấm đun nước, cũng chẳng có ấm pha trà. Tại sao lại như vậy? Bởi vì ông quá nghèo! Do đó, mới gọi là ‘một bầu nước’.

‘Ở trong ngõ hẹp’, ông ấy sống trong một con ngõ rất đơn sơ, nhà cửa không đẹp, không có cửa, thậm chí còn không bằng một túp lều cỏ. Ông sống trong ngõ hẹp, ‘người khác không chịu nổi nỗi khổ ấy’, ai nhìn thấy ông đều cảm thấy lo lắng thay cho ông, ai gặp ông cũng nói rằng Nhan Tử nghèo đến mức này, thực sự quá đáng thương, ai cũng lo lắng thay cho ông. Nhưng Nhan Hồi thì sao? Ông vẫn không thay đổi niềm vui của mình. Dù ông nghèo, nhưng ông sống nghèo mà vui vẻ, ông biết đủ. Vì vậy mới nói "biết đủ thường vui", chịu đựng được thì tự nhiên sẽ an lòng. Ông cũng không tham lam, cũng không cầu gì, dù nghèo nhưng ông không có lòng tham, không có gì mong cầu. Ông không có ý định tìm cách kiếm ít tiền để mua một cái bát ăn, một cái chén trà, hay một đôi đũa.

Không có, ông không có những vọng tưởng như vậy, vì vậy mới nói ‘Nhan Hôi cũng không thay đổi niềm vui ấy’, ông ấy rất vui vẻ. Qua đó có thể thấy rằng Nhan Hôi là một người thông đạt, biết mệnh. Người quân tử an vui trong cảnh nghèo, người thông đạt thì biết mệnh. Ông biết vận mệnh của mình là như vậy, nên không chút nào cầu cạnh từ bên ngoài.

Vậy thì "biết đủ" ở những phương diện khác thì sao? Dù là việc gì, chỉ cần quý vị có thể nghĩ thoáng hơn một chút, quý vị sẽ thấy hài lòng ngay! Nghĩ thoáng hơn một chút, đừng sinh lòng tham lam không bao giờ thỏa mãn. Nếu quý vị biết đủ, quý vị sẽ có công đức; nếu không biết đủ, quý vị sẽ phạm phải đủ loại sai lầm. Người học Phật cũng cần phải học pháp môn "biết đủ" này. Ví dụ như chúng ta ăn uống, dù không phải là những món ngon, nhưng vẫn có thể ăn no. Quý vị nên nghĩ đến những người tị nạn từ Việt Nam, họ lênh đênh trên biển, sống trong cảnh "sáng không biết chiều có còn sống không", đừng nói đến việc ăn no, mà ngay cả mạng sống cũng không được bảo đảm. Mạng sống không được bảo đảm, chẳng phải là khổ quá sao? Nếu chúng ta nghĩ như vậy, dù ăn uống không ngon, nhưng không có những nguy hiểm như vậy thì đã quá đủ rồi! Khi so sánh với những người tị nạn, chúng ta sẽ thấy mình thật may mắn và biết đủ. Người tị nạn ở trong tình cảnh nguy hiểm nhất. So với những quốc gia nghèo khó, cũng có rất nhiều người không có cơm ăn, thậm chí còn chết đói, còn chúng ta thì chưa đến mức chết đói, vậy là đã nên biết đủ rồi.

Ví dụ như trên thế giới có rất nhiều người không có quần áo để mặc, còn chúng ta bây giờ vẫn có quần áo để mặc, như vậy đã là biết đủ rồi, mà biết đủ thì sẽ luôn vui vẻ. Còn có rất nhiều người trên thế giới không có nhà để ở, nhưng chúng ta bây giờ vẫn có nhà để ở, có cơm ăn, có quần áo mặc, thì cũng nên biết đủ rồi. Nếu còn tìm được một công việc, thì càng không lo chết đói, vậy tất cả đều là biểu hiện của sự biết đủ. Nếu quý vị biết đủ trong mọi việc, quý vị sẽ luôn vui vẻ; nếu

không biết đủ thì sẽ luôn khổ sở. Do đó, khi biết đủ, quý vị sẽ không có lòng tham; không có lòng tham thì đó chính là công đức. Vậy làm sao để lập công, lập đức? Chỉ cần quý vị biết đủ, không có lòng tham, thì đó chính là công đức rồi.

“*Các thầy Tỳ-kheo*”: tất cả các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... “*Nếu muốn thoát khỏi các khổ não*”: các vị nếu muốn thoát khỏi mọi khổ đau, muốn lìa khổ để được vui, thì nên “*thường quán biết đủ*”: Nên thường xuyên quán sát, nghiên cứu phương pháp biết đủ, đừng không biết đủ. Nếu muốn biết đủ, thì phải không có lòng tham. “*Pháp biết đủ*”: thế nào gọi là pháp biết đủ? “*Chính là nơi giàu sang an ổn*”: biết đủ thường vui, do đó giống như người giàu, họ không tham lam, không lo lắng, đó chính là nơi an ổn, nơi an ổn chính là biết đủ. Đừng sinh tâm tham lam không biết thỏa mãn, mà hãy luôn luôn phản tỉnh, ít ham muốn và biết đủ. Trước đó đã nói về “ít ham muốn”, tức là không có quá nhiều lòng tham, bây giờ cần phải biết đủ. Biết đủ thì không nên tìm cầu bên ngoài nữa.

“*Người biết đủ*”: người biết đủ, “*dù nằm trên đất*”: dù anh ta không có nhà để ở, cũng không có giường để ngủ, anh ta chỉ có thể nằm ngủ trên đất, hay thậm chí ngủ ngoài đường phố. Dù nằm trên đất, mặc dù anh ta ngủ trên đất, “*vẫn cảm thấy an vui*”: anh ta vẫn cảm thấy an vui, vẫn thấy như vậy là tốt rồi. “*Người không biết đủ*”: còn người không biết đủ, “*dù ở thiên đường*”: dù anh ta sống trên thiên đường. Thiên đường ở đây có thể ví như nhà của người giàu có, có giường lớn, rộng rãi, mọi thứ đều vô cùng thoải mái. Nhưng dù có ngủ trên giường chăn ấm, nệm êm, anh ta vẫn cảm thấy không trọn vẹn, lại còn nghĩ cách làm sao để ngủ thoải mái hơn nữa. “*Cũng không vừa ý*”: dù có ngủ ở nơi tốt nhất, anh ta vẫn không thấy hài lòng. Vừa ý có nghĩa là hài lòng. Tại sao không hài lòng? Vì anh ta không biết đủ! Không biết đủ, thì đối với bất kỳ hoàn cảnh nào cũng cảm thấy không hài lòng, không vừa ý. “*Người không biết đủ*”: người không biết đủ, “*dù giàu mà nghèo*”: dù

anh ta có giàu có đến đâu, thì cũng như một người nghèo. Bởi vì anh ta luôn có lòng tham, tham lam không biết chán, và đó chính là nghèo vậy!

“Người biết đủ, tuy nghèo mà giàu”: người biết đủ, dù họ nghèo, nhưng vẫn hạnh phúc hơn cả những người giàu có. Người biết đủ, dù nghèo vẫn vui, dù nghèo khổ, họ vẫn vui vẻ. Còn người không biết đủ thì sao? Giàu mà vẫn lo. Dù giàu có đến mấy, anh ta vẫn ưu phiền. Do đó, người tu hành thường tự xưng là bần đạo, bần đạo! Bần tăng! Bần tăng! Không ai nói mình là “phú đạo”! Phú đạo! Phú tăng! Phú tăng! Câu nói:

Nghèo là đệ tử của Thích Ca, miệng xưng nghèo, thực chất là thân nghèo, nhưng đạo không nghèo.

Thân nghèo nên thường mặc áo rách, nhưng đạo thì trong tâm cất giữ châu báu vô giá.

‘Nghèo là đệ tử của Thích Ca, miệng xưng nghèo’, người xuất gia tự xưng là bần tăng, đây là ‘miệng xưng nghèo’. Nhưng ‘thực chất là thân nghèo, nhưng đạo không nghèo’, dù thân thể của họ nghèo khó, nhưng họ có đạo, và đạo này chính là con đường của sự biết đủ. ‘Thân nghèo nên thường mặc áo rách’, họ mặc những bộ quần áo cũ rách, là những thứ mà người khác không muốn mặc, nhưng họ mặc. ‘nhưng đạo thì trong tâm cất giữ châu báu vô giá’, nhưng vì họ có đạo, nên trong tâm họ cất giữ những bảo vật vô giá, mà cũng chính là đạo lý biết đủ, một thứ tài sản không bao giờ cạn kiệt. Do đó, họ tuy nghèo mà giàu có. Chính vì biết đủ mà dù nghèo, họ cũng như sống trong phú quý vậy.

“Người không biết đủ”: người không biết đủ, *“thường bị năm dục lôi kéo”*: họ thường bị chi phối bởi năm dục là tài (tiền bạc), sắc (sắc đẹp), danh (danh vọng), thực (ăn uống), và thù (ngủ nghỉ); hoặc bị lôi cuốn bởi năm trần là sắc (hình ảnh), thanh (âm thanh), hương (mùi), vị (vị giác), xúc (cảm giác). *“Được người biết đủ thương xót”*: người biết đủ thường thương xót cho những người như vậy. *“Đó gọi là biết đủ”*: bởi

vì họ có thể cảm thông và thương xót nỗi khổ của người khác, nên chính bản thân họ luôn biết đủ và an vui.

Chúng ta cần phải thường xuyên học theo Phật, luôn tu học theo Phật bằng cách niệm Phật tinh tấn, lễ Phật tinh tấn, tụng kinh tinh tấn, và sám hối tinh tấn. Cái gọi là tinh tấn này có nghĩa là phải hết sức thành tâm tùy hỷ trong mọi Phật sự, không được lười biếng. Vào những ngày lễ Phật đản, ngày vía của Bồ Tát, hoặc vào những ngày định kỳ, ví dụ như hôm nay là ngày rằm, mọi người cùng nhau tụ họp lại để sám hối và tu hành. Về điểm này, mọi người nên chịu khó một chút. Hãy đến chùa sớm hơn để tùy hỷ tham gia lễ sám hối, niệm Phật, và tinh tấn tu tập. Không nên đợi đến khi mọi người sám hối xong rồi mới đến, như vậy sẽ không thể hiện được sự thành tâm của mình. Giống như khi có người tổ chức sinh nhật, ai cũng nên đến sớm để tham dự buổi lễ chúc mừng. Nếu đợi đến khi người ta chúc mừng xong rồi mới đến thì sẽ cảm thấy không tiện. Vì vậy, người học Phật, vào những dịp vía chư Phật hay Bồ Tát, phải đến sớm hơn để tham gia lễ bái Phật, như thế mới đúng.

Còn nữa, khi đến chùa dù có hoặc không có buổi lễ Phật sự hay giảng kinh, cũng không nên cười đùa vô tư hoặc để trẻ con chạy nhảy, cãi nhau, đánh nhau, điều này là không nên. Đặc biệt, những người lớn tuổi càng không nên dẫn theo thanh niên rồi cười đùa ồn ào, việc này làm cho đạo trường không trang nghiêm và cũng thiếu sự tôn kính. Hơn nữa, trong đạo trường, lại càng không nên hút thuốc lá hoặc lấy đồ ăn ra để ăn uống, những hành động này không hợp với tinh thần Phật pháp. Tôi đã thấy tình trạng này từ lâu nhưng chưa nói ra. Hy vọng sau khi nói rồi, cả người lớn và trẻ em sẽ không còn buông thả như vậy nữa. Việc cười đùa vô tư, chạy nhảy lung tung là vi phạm quy tắc, thiếu lễ độ và không tôn trọng Phật.

Khi ở trong chùa, nên nói những chuyện liên quan đến Phật pháp, đừng mãi nói chuyện nhà của người này, người kia, những chuyện thị phi, hoặc những điều vô nghĩa như ‘ba con ếch sáu con mắt’, đừng chỉ nói những thứ đó. Nói mãi những

chuyện như vậy sẽ khiến quý vị càng ngày càng sa sút, càng sa sút thì càng khó học Phật pháp. Tại sao quý vị tụng chú mà mãi không nhớ được? Đó là vì tâm trí quý vị quá tán loạn. Tâm trí tán loạn vô tổ chức sẽ che lấp trí tuệ của quý vị, làm suy giảm khả năng ghi nhớ, vì vậy quý vị không thể tụng kinh hay niệm chú thuộc lòng. Trong Phật đường, quý vị chỉ làm theo người khác, họ lạy Phật thì quý vị cũng lạy, họ niệm Phật thì quý vị cũng niệm, nhưng khi hỏi đến thì quý vị không biết gì cả. Nếu cứ như vậy, quý vị sẽ trải qua cả đời mà không đạt được điều gì. Vì lý do đó, mong mọi người chú ý đến điều này.

C3. Công đức xa lìa

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, dục cầu tịch tĩnh vô vi an lạc, đương li hội náo, độc xứ nhàn cư, tịch xứ chi nhân, để thích Chư thiên, sở cộng kính trọng, thị cố đương xả kỷ chúng tha chúng, không nhàn độc xứ, tư diệt khổ bản. Nhược nhạo chúng giả, tắc thọ chúng khổ, thí như đại thọ chúng điều tập chi, tắc hữu khô chiết chi họa, thế gian phược trước, một u chúng khổ, thí như lão tượng nịch nê, bất năng tự xuất, thị danh viễn ly.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo muốn cầu sự tịch tĩnh, vô vi, an lạc. Thì nên rời xa chốn náo nhiệt, ở một mình, sống nơi an tĩnh. Người ở nơi an tĩnh được Để Thích và Chư thiên cùng kính trọng. Vì vậy, hãy từ bỏ hội chúng của mình và của người khác, sống một mình nơi vắng vẻ, suy nghĩ về diệt trừ gốc rễ của khổ đau. Nếu ưa thích sống cùng đám đông, sẽ phải chịu nhiều phiền não. Ví như cây lớn có nhiều chim tụ tập sẽ nguy cơ bị khô héo và gãy đổ. Sự trói buộc của thế gian làm chìm đắm trong khổ đau, giống như voi già sa lầy không thể tự thoát ra. Đây gọi là sự xa lìa.

Giải thích

Điều thứ ba là công đức của việc xa lìa. Xa rời chốn đô thị ồn ào là xa lìa; xa rời tiền tài, sắc dục cũng là xa lìa; xa rời

danh vọng, thức ăn và giấc ngủ cũng đều gọi là xa lìa. Nếu quý vị có thể xa lìa, thì có công đức; nếu quý vị không thể xa lìa, thì có tội lỗi. Vì vậy, người tu đạo phải tu hành xa lìa, tránh xa mọi điều ác, gần gũi tất cả các điều thiện. Xa lìa điều ác, trước hết là rời xa ác tri thức; gần gũi điều thiện, tức là gần gũi thiện tri thức.

Vì vậy, Đức Phật nói: “*Các thầy Tỳ-kheo*”: Ngài nói với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rằng, “*muốn cầu sự tịch tĩnh*”: nếu muốn cầu sự thanh tịnh vô vi, đạo lý chân thường tịch diệt. “*Vô vi, an lạc*”: là sự bình an và niềm vui trong cảnh vô vi mà không gì có thể có được. “*Nên rời xa chốn náo nhiệt*”: nghĩa là nên rời xa pháp thế gian, tu tất cả pháp xuất thế. Náo nhiệt, tức là ở trong thành phố, mỗi ngày không biết mình làm gì, suốt ngày bận rộn mà không đạt được điều gì. “*Ở một mình, sống nơi an tĩnh*”: rời xa sự xáo trộn, nên sống trong núi sâu, nơi cùng cốc. Ở một mình là sống cô độc; sống nơi an tĩnh là chuyên tâm tu đạo. “*Người ở nơi an tĩnh*”: người tu hành ở nơi tĩnh lặng. “*Được Đế Thích và Chư thiên cùng kính trọng*”: tất cả Đế Thích và chư thiên đều sẽ cùng kính trọng quý vị ở nơi ấy. Quý thần thấy quý vị cũng sẽ lễ bái và tôn trọng quý vị.

“*Vì vậy, hãy từ bỏ hội chúng của mình và của người khác*”: vì lý do này, cần phải từ bỏ tất cả các nghiệp, sự việc và duyên của chính mình, và cũng phải từ bỏ những thứ thuộc về người khác. “*Sống một mình nơi vắng vẻ*”: sống ở nơi hoang dã, không gian rộng rãi, thật thanh tịnh và một mình sống ở đó. “*Suy nghĩ về diệt trừ gốc rễ của khổ đau*”: suy nghĩ về cách làm thế nào để diệt trừ tận gốc khổ đau. “*Nếu ưa thích sống cùng đám đông*”: nếu vui thích với mọi sự việc và mọi nghiệp duyên, “*thì sẽ chịu nhiều phiền não*”: sẽ bị nhiều phiền não bủa vây, giày vò bản thân. “*Ví như cây lớn*”: giống như một cây lớn, “*có nhiều chim tụ tập*”: nhiều loài chim đậu trên cây đó, “*sẽ có nguy cơ bị khô héo và gãy đổ*”: chim tuy là loài

nhỏ, nhưng nếu quá nhiều, cũng sẽ làm cây bị đè nặng mà gãy, làm cho cây có nguy cơ bị khô héo và gãy đổ.

“*Sự trói buộc của thế gian*”: tất cả những mê muội và chấp trước trong thế gian này, “*làm chìm đắm trong khổ đau*”: đều giống như bị sa vào bể khổ. “*Giống con voi già*”: giống như một con voi già, “*bị sa lầy*”: nó bị sa lầy trong bùn sâu. “*Không thể tự thoát ra*”: nó muốn thoát ra, nhưng mãi không thể bước ra khỏi bùn lầy. “*Đây gọi là sự xa lìa*”: nếu quý vị hiểu được điều này, không tiếp cận những cảnh giới và phiền não của chốn đô thị ồn ào, không dính líu đến bất cứ thứ gì, thì đó được gọi là tu hành hạnh xa lìa.

Chúng ta nghe kinh, bất kể nghe bao nhiêu, chỉ cần nghe một câu mà có thể thực hành trong đời sống thì không uổng phí. Nếu quý vị lúc nào cũng nghe, nhưng nghe xong lại giống như gió thoảng bên tai, thổi qua rồi không lưu lại gì, thì điều đó chẳng mang lại lợi ích gì cho quý vị. Tôi nhớ khi còn nhỏ, sau khi nghe một đoạn kinh, lúc về tai tôi vẫn như nghe thấy pháp sư giảng kinh, và tôi vẫn suy ngẫm về đạo lý trong kinh. Nghe một lần, thậm chí vài ngày sau, cảnh giới ấy vẫn không thay đổi, lúc nào tôi cũng nghe thấy pháp sư đang giảng kinh, thuyết pháp. Dù không có pháp sư giảng kinh, chỉ cần ngồi tĩnh tọa, tôi thường nghe thấy trong không gian, có nhiều pháp sư đang thuyết pháp. Không chỉ nghe được cùng lúc hàng trăm pháp sư giảng, mà tôi còn nhớ rất rõ từng điều. Đó là vào khoảng thời gian tĩnh lặng, tôi đã có trải nghiệm này. Tại sao có thể như vậy? Đó là vì tôi đã chuyên tâm hết mức, luôn luôn giữ trong lòng mong muốn nghe giảng kinh thuyết pháp. Vì vậy, khi đó, chỉ cần nghe kinh, tôi có thể không ăn mà không thấy đói, không ngủ mà không thấy mệt, lúc nào cũng đắm chìm trong kinh điển. Đây là tôi kể cho các quý vị nghe về cảnh giới mà tôi đã trải qua khi còn nhỏ.

Khi còn nhỏ, tôi cũng rất thích đọc tiểu thuyết, đặc biệt là tiểu thuyết võ hiệp. Tôi thích đọc Tam Quốc, Liệt Quốc và các truyện như Thất Kiếm Thập Tam Hiệp, Thất Hiệp Ngũ

Nghĩa... Tất cả những cuốn tiểu thuyết này tôi đều đã đọc. Chỉ cần đọc qua một lần, là tôi có thể hình dung các nhân vật đang chiến đấu ngay trước mắt mình! Người này cầm đao, người kia cầm kiếm, giống như Yến Bạch Cốt Mi ở Sơn Tây, còn Hứa Lương thì cầm cây đao lớn chém đứt những thanh đao khác. Đao của anh ta có thể cắt vàng, chém ngọc. Đọc xong cuốn tiểu thuyết, mọi cảnh như phim hiện ra trước mắt, từng cảnh một rõ ràng. Tại sao lại có thể như vậy? Đó là vì tôi đã tập trung hoàn toàn.

Lúc tôi đọc tiểu thuyết, không có đèn — không có đèn điện, cũng không có đèn dầu. Vậy làm thế nào? Thật sự là giống như chuyện đom đóm trong túi, ánh sáng phản chiếu từ tuyết. Tôi cầm cuốn tiểu thuyết ra ngoài, soi nhờ ánh sáng của tuyết mà đọc từng dòng. Ở phương Bắc có tuyết, và tôi cứ soi từng dòng một mà đọc. Hoặc tôi thắp một que hương, dùng ánh lửa nhỏ từ đầu que hương để chiếu xem đó là chữ gì, rồi cứ thế đọc từng dòng. Chính vì vậy, sau khi đọc xong, tôi có thể nhớ hết, và ngay lập tức kể lại cho người khác nghe một cách rành rọt.

Nghe kinh cũng phải như vậy, không phải chỉ khi nghe thì lắng nghe, rồi vừa rời đi liền quên hết. Phải có khả năng giữ trong tâm, thường xuyên suy nghĩ về những đạo lý trong kinh. Mình có thể thực hành được không? Mình có thể làm theo những gì kinh dạy không? Luôn phải áp dụng những điều đó vào thân tâm, xem có thể thực hiện được không, chứ không phải nghe xong rồi quên hết. Đừng như người Mông Cổ xem kịch mà không hiểu gì, lãng phí công sức. Người Mông Cổ đến Trung Quốc xem kịch Trung Quốc, nói: “Ồ! Không biết từ đâu xuất hiện những người tí hon, ôi! Đứa bé kia đến rồi, nhưng người đó không lớn lắm, giọng thì không nhỏ chút nào”. Người rất nhỏ nhưng giọng thì to, âm thanh rất lớn. Xem mà chẳng hiểu gì, chỉ thấy cảnh tượng nhưng không biết nội dung. Đó gọi là người Mông Cổ xem kịch — lãng phí công

sức vô ích. Các quý vị nghe kinh cũng như vậy, nghe xong mà không hiểu được điều gì, chỉ thấy sư phụ ngồi đó, giọng nói rất lớn, khiến quý vị muốn ngủ cũng không được, nhưng rốt cuộc nói gì thì lại không biết.

Đối với việc thỉnh pháp, nhiều người không hiểu rõ, vì vậy khi tôi đến Singapore để giảng pháp cho họ, cũng có người thỉnh pháp, nhưng rất nhiều người không biết đây là việc gì. Vì thế, khi Tiêu Quả Chiếu viết bài, ông ấy nói rằng đây là phương pháp cổ xưa, một nghi lễ cổ truyền. Thực ra, đây không phải là một nghi lễ cổ xưa, mà là khi Đức Phật thuyết pháp, phải có người thỉnh pháp, rồi Phật mới bắt đầu thuyết pháp. Nếu không có chúng đương cơ, không có ai thỉnh pháp, Phật sẽ không thuyết pháp. Tuy nhiên, ở Trung Quốc, người ta chưa bao giờ chú ý đến điều này. Các pháp sư giảng kinh thuyết pháp cũng không cần ai thỉnh pháp, nên mọi người đều không biết đến nghi lễ này. Do đó, Tiêu Quả Chiếu mới nói rằng đây là một nghi lễ cổ xưa. Nhưng thực ra, điều này không phải là cổ xưa, cũng không phải là điều mới mẻ, mà là một quy trình cần thiết khi giảng kinh thuyết pháp trong Phật giáo. Vốn dĩ, tôi cũng không biết thuyết pháp, nhưng tôi sẵn sàng học để có thể nói được chút ít, vì vậy khi hoằng dương Phật pháp ở đất nước phương Tây này, dĩ nhiên tôi cũng phải theo hệ thống của Phật để thực hành Phật pháp. Tôi tin rằng nhiều người trong các quý vị đã nhìn thấy nghi lễ này nhiều lần, nhưng vẫn không biết đây là chuyện gì, vì vậy hôm nay tôi nói đôi lời để các quý vị hiểu rõ hơn.

C4. Công đức không mệt mỏi

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược cần tin tấn, tắc sự vô nan giả, thị cố nhữ đẳng đương cần tinh tấn, thí như tiểu thủy trường lưu, tắc năng xuyên thạch, nhược hành giả chi tâm, số số giải phế, thí như toàn hỏa, vị nhiệt nhi tức, tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc, thị danh tinh tấn.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, nếu siêng năng tinh tấn thì việc gì cũng không khó. Vì vậy, các thầy nên siêng năng tinh tấn. Ví như dòng nước nhỏ chảy lâu có thể làm mòn đá. Nếu tâm người tu hành nhiều lần, thường xuyên lười nhác, thì giống như dùi lửa nhưng chưa nóng đã dừng. Dù muốn có lửa nhưng khó mà có được. Đây gọi là tinh tấn.

Giải giải

Đây là đoạn văn trong phần Chính Tông của Kinh Phật Di Giáo, mục thứ tư nói về công đức không mệt mỏi. Chữ "mệt" này có nghĩa là cảm thấy rất mệt nhọc. Còn "mỏi" thì sao? Tức là lười biếng. Vì rất mệt mỏi nên mới sinh ra lười biếng; vì lười biếng nên không tinh tấn. Tinh tấn là dũng mãnh tiến về phía trước, còn mệt mỏi là 'giữa đường tự vẽ, bỏ dở nửa chừng', đi được nửa đường rồi tự nhủ: 'Mình đã đủ rồi'. Thế là muốn nghỉ ngơi, muốn dừng lại. Nếu quý vị tinh tấn thì sẽ không như vậy, không nghỉ ngơi, không dừng lại. Quý vị không mệt mỏi thì mới có công đức; nếu quý vị mệt mỏi thì sẽ không có công đức.

Cái gọi là công đức chính là sự thành tựu trong tu hành. Khi quý vị có thành tựu, nghĩa là quý vị đã viên mãn tâm nguyện của mình, đạt được mục đích hay điều mà quý vị kỳ vọng, đó chính là công đức. Người xưa tu hành, thường ngày đêm sáu thời luôn tinh tấn, không nghỉ ngơi, nên mới có thể đạt được thành tựu, công đức viên mãn. Còn những người tu hành ngày nay, phần lớn đều là 'một ngày phơi nắng, mười ngày để lạnh', giống như việc phơi đồ, một ngày phơi dưới nắng, sau đó mười ngày lại bỏ vào tủ lạnh để đông lạnh. Đây gọi là 'một ngày phơi nắng, mười ngày để lạnh', 'phơi' có nghĩa là phơi dưới nắng. Như vậy, một ngày là quá mức, một ngày là không đủ. Nếu quý vị tu hành một ngày rồi lười biếng mười ngày, thì đó chính là mệt mỏi. Nếu không mệt mỏi, nghĩa là không lười biếng, không ngừng nghỉ mà tiếp tục tu hành. Ví dụ hôm nay quý vị lạy một nghìn lạy, nhưng

ngày mai thì sao? Không lay một lay nào. Rồi ngày kia thì sao? Càng không lay. Cứ như vậy, mười ngày liền không lay Phật. Một ngày quý vị lay một nghìn lay, mười ngày sau không lay một lay nào, đó chính là ‘một ngày phơi nắng, mười ngày để lạnh’.

Tu hành cũng cần phải luôn ghi nhớ và thực hành không ngừng, dù có việc bận hay không, đều phải dừng mãnh tinh tấn trong việc tu hành. Đạo là do thực hành mà thành, nếu quý vị không thực hành thì sẽ không có đạo; Đức là do làm mà có, nếu quý vị không làm thì sẽ không có Đức; Công Đức là do tu mà thành, nếu quý vị không tu, thì cũng không có Công Đức. Vì vậy, những người học Phật pháp, nếu biết được điều gì thì hãy thực hành điều đó. Nếu quý vị biết mà không thực hành, thì chẳng khác gì không biết. Biết là phải hành, không bao giờ dừng lại.

Vì vậy, Đức Phật nói, “*Các thầy Tỳ-kheo*”: các thầy, hoặc là Tỳ-kheo, hoặc là Tỳ-kheo-ni, hoặc là Sa-di, hoặc là Sa-di-ni, hoặc là Ưu-bà-tắc, hoặc là Ưu-bà-di, hoặc là Thức-xoa-ma-na, bất kể các vị thuộc loại tu hành nào. “*Nếu siêng năng tinh tấn*”: giả sử quý vị không lười biếng, dừng mãnh tiến về phía trước, thân tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, “*thì việc gì cũng không khó*”: nếu quý vị có thể tinh tấn, thì không có việc gì là khó cả. Câu nói ‘mài sắt thành kim’ nghĩa là mài một cây sắt thành một cây kim thép. ‘Công phu đủ thì tự nhiên thành’, khi công phu của quý vị đủ, tự nhiên sẽ thành công. Vì vậy mới nói rằng không có việc gì là không thể làm được. Lại còn câu nói ‘chỉ thành cảm thông, vàng đá cũng mở’, tinh tấn cũng chính là nhờ vào lòng thành, nếu quý vị có lòng thành, thì dù là đá vàng cũng sẽ thay đổi, sẽ mở ra. Do đó, không có việc gì là khó khăn cả.

“*Vì vậy*”: bởi lý do này. Cho nên, “*các thầy phải siêng năng tinh tấn*”: các vị nên nỗ lực không được lơ là, dừng mãnh tiến về phía trước. Trong bài kệ cảnh tỉnh chúng sinh của Bồ Tát Phổ Hiền có nói:

Ngày nay đã qua, mạng cũng theo giảm,

Như cá cạn nước, có vui gì đâu.

Đại chúng, phải tinh tấn, như cứu đầu cháy,

Chỉ nghĩ đến vô thường, chớ nên buông thả.

Câu kệ này nhắc nhở chúng ta rằng thời gian trôi qua, mạng sống cũng dần cạn kiệt, giống như cá trong vũng nước ít dần, không thể vui được. Vì vậy, chúng ta phải siêng năng tinh tấn, giống như cứu đầu đang bị cháy, luôn nhớ đến vô thường, đừng để tâm buông lơi, phóng dật.

‘Ngày nay đã qua, mạng cũng theo giảm’ nghĩa là một ngày trôi qua, thì mạng sống của chúng ta cũng giảm đi một phần. ‘Như cá cạn nước’ ví như cá trong nước, cá cần nước để sống, nếu không có nước hoặc nước cạn dần theo từng ngày, ‘có vui gì đâu’, quý vị thử nghĩ xem, làm sao có thể vui vẻ được? Đời sống của con người cũng giống như cá trong nước cạn, thử hỏi có gì là vui? Vì lý do này nên mới nói ‘đại chúng’, tức là các vị đây. Mọi người ‘nên siêng năng tinh tấn’, cần phải dũng mãnh tiến về phía trước mà tu hành.

Tại sao cần phải gấp rút như vậy? ‘Như cứu đầu cháy’ tức là giống như khi đầu của quý vị sắp bị chặt đứt, người ta sắp dùng dao để cắt đầu của quý vị. Lúc này, quý vị phải tìm mọi cách để bảo vệ lấy cái đầu của mình. Quý vị sẽ không thể nói: “Tôi không quan tâm! Cứ để họ cắt đầu tôi đi, tôi có thể kết thúc cuộc sống của mình!” Điều đó là không thể. Bằng mọi cách, quý vị sẽ không đành lòng để mất mạng, quý vị sẽ cố gắng bảo vệ cái đầu của mình. Trừ phi quý vị đã chứng quả, thực sự giác ngộ, thì mới không còn bảo vệ cái đầu nữa.

Giống như nhị tổ Thần Quang, chính quyền bắt ngài vì có người tố cáo rằng ngài là một yêu quái và nên bị giết. Họ hỏi ngài: “Ngươi là gì? Ngươi có phải là yêu quái không? Ngươi ta đều nói ngươi là yêu quái, vậy rốt cuộc ngươi có phải là yêu quái không?” Nhị tổ Thần Quang trả lời: “Ta là yêu quái!” Họ liền nói: “Nếu ngươi đã là yêu quái, chúng ta sẽ giết ngươi”.

Ngài đáp: “Muốn giết thì cứ giết, không sao cả!” Thế là họ chuẩn bị giết ngài. Chính quyền muốn thử xem ngài có thực sự không sợ chết hay không, hay chỉ giả vờ không sợ chết. Họ muốn biết liệu ngài có thật sự không sợ chết. Cuối cùng, họ đã thực sự chặt đầu của ngài.

Sau khi bị giết, chuyện gì đã xảy ra? Trên cổ của ngài không chảy máu, không có máu tuôn ra. Vậy thì cái gì chảy ra? Thứ chảy ra giống như sữa, một loại dịch trắng như sữa. Tại sao ngài lại có thể như vậy? Ngài chảy ra dịch trắng là vì toàn thân ngài đã trở thành thuần dương, không còn chút âm khí nào, không còn chút nóng giận, không còn chút "tạp chất" nào nữa, hoàn toàn thanh sạch. Máu cơ thể ngài biến đổi thành dịch trắng, và lúc đó chính quyền mới nhận ra họ đã giết nhầm người. Chỉ những bậc Thánh Nhân đã chứng quả mới có thể như vậy, nên ngài không sợ chết. Còn chúng ta, nếu chưa chứng quả Thánh, thì nhất định phải tìm cách bảo vệ cái đầu của mình. Đây là một cách để giải thích câu “như cứu đầu cháy”.

Còn có một cách giải thích khác, ví như đầu của quý vị đang bốc cháy vậy, chữ "nhiên" có thể hiểu là giống như lửa đang cháy. Nếu đầu quý vị bốc cháy, quý vị có nghĩ rằng cần tìm cách để cứu nó không? Vì vậy, khi người ta thọ giới, người ta dùng hương cháy để đốt trên đầu, để nhắc nhở rằng quý vị cần nhanh chóng nghĩ cách bảo vệ cái đầu của mình. Đây cũng là một cách giải thích. ‘Như cứu đầu nhiên’, có nghĩa là giống như đầu đang bốc cháy, quý vị phải nhanh chóng tìm cách dập tắt nó.

‘Chỉ nghĩ đến vô thường’, tức là luôn nhớ rằng con quý vô thường có thể đến bất cứ lúc nào, không ai biết trước khi nào nó sẽ xuất hiện. Con Quý Vô Thường này đội một chiếc mũ cao, tay cầm bảng câu hồn. Khi nó đến, bất kể quý vị giải thích hay nài nỉ thế nào, nó vẫn bắt quý vị đi theo. Nó nói rằng Diêm La Vương mời quý vị đến ăn tiệc, quý vị phải lập tức đi ngay. Nếu quý vị không chịu đi, nó sẽ không khách sáo với quý vị.

Tại sao khi đến nó lại đội mũ cao? Bởi vì nó biết con người ai cũng thích đội mũ cao. Nó hiểu rằng ai cũng muốn được khen ngợi vài câu như: ‘Anh thật giỏi quá! Anh là người số một thế giới!’ ‘Hoặc anh là một người tu hành lão luyện, người có công phu nhất!’ hay ‘Anh là người học thức nhất, đã có mười bằng tiến sĩ, tám bằng cử nhân!’ Hoặc thêm vào những danh hiệu học giả này kia, thì họ sẽ rất vui. Những chiếc ‘mũ cao’ này, những lời khen ngợi tâng bốc đó khiến người ta cảm thấy mình là nhân vật nổi tiếng, vĩ đại nhất thế giới.

Bởi vì ai cũng thích được khen ngợi, nên khi quý Vô Thường gặp người khác, nó sẽ đội một chiếc mũ cao. Khi đội mũ cao, nó biết quý vị sẽ không sợ nó nữa, vì thế nó có thể dễ dàng dẫn quý vị đi gặp Diêm La Vương. Do đó, ‘chỉ nghĩ đến vô thường, thận trọng chớ buông thả’. Nếu quý vị biết rằng mọi thứ trên đời này đều là vô thường, thì đừng lười biếng nữa! Đừng mệt mỏi nữa! Khi quý vị cảm thấy mệt mỏi, điều đó không quan trọng, nhưng Diêm La Vương có thể mời quý vị đi uống rượu, ăn thịt bất cứ lúc nào. Đến nơi đó để ăn loại thịt ấy, chắc chắn sẽ không thoải mái, và uống loại rượu ấy cũng chẳng ngon lành gì. Đến lúc đó, quý vị mới hối hận, nhưng đã quá muộn. Diêm La Vương đã gửi thiệp mời cho quý vị, và dù quý vị có muốn từ chối thì cũng không được. Vì vậy, điều quan trọng cần ghi nhớ là đừng lười biếng, đừng buông thả, và hãy ‘nỗ lực tinh tấn’.

“*Ví như dòng nước nhỏ*”: Quý vị cần phải tinh tấn, nhưng tinh tấn như thế nào? Dù quý vị không quá dũng mãnh tinh tấn, nhưng nếu mỗi ngày đều tu hành, mỗi ngày đều nỗ lực, cuối cùng cũng sẽ đạt được thành tựu. Giống như dòng nước nhỏ, “*chảy lâu thì có thể làm mòn đá*”: Nếu nó chảy liên tục, thì dần dần có thể mài mòn cả tảng đá, làm cho nó trở nên mỏng hơn, nhỏ hơn. “*Mòn đá*” ở đây không phải là xuyên qua một lỗ ở giữa tảng đá, mà là dòng nước nhỏ chảy thường xuyên làm mòn dần các cạnh đá, khiến đá nhỏ đi, không còn to lớn như trước nữa, đó mới là “mòn đá.” Điều này có nghĩa là, dù quý vị không

phải là người rất dũng mãnh tinh tấn, nhưng nếu quý vị có thể kiên trì liên tục, sáng cũng như chiều, ngày cũng như đêm, không ngừng tu hành cả sáu thời, thì cuối cùng quý vị cũng sẽ đạt được thành tựu, giống như nước có thể mài mòn đá.

Tảng đá này chính là nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng của quý vị có thể tiêu trừ, thì căn lành của quý vị sẽ phát triển. Trong tu hành, điều đáng sợ nhất là dừng lại (ngừng tiến bộ). Nếu quý vị có thể tu hành mỗi ngày, thì chắc chắn sẽ có thành tựu. Nhưng nếu quý vị ngừng tu hành một ngày, thì quý vị sẽ bị tụt lại rất xa. Vì thế có câu nói: “Dừng lại một chút là mất hai dặm rưỡi”. Dù quý vị lái xe không nhanh, nhưng nếu quý vị không dừng lại, quý vị vẫn có thể đi rất xa. Nhưng nếu quý vị dừng lại, chiếc xe khác sẽ vượt qua quý vị, và nó sẽ đi được thêm hai dặm rưỡi. Việc tu đạo cũng như vậy. Nếu quý vị tu hành mỗi ngày, không ngừng nghỉ, thì theo thời gian quý vị sẽ đạt được thành công. Nhưng nếu quý vị tu hành kiểu bặc phát—một lúc thì tu hành chăm chỉ, rồi sau đó lại ngừng—thì quý vị sẽ không thể đạt được thành tựu.

Có câu:

Học như thuyền ngược nước, không tiến ắt lùi;

Tâm như ngựa chạy trên đồng bằng, dễ buông khó thu phục.

(Tăng Quảng Hiền Văn)

Chúng ta học Phật pháp giống như đi ngược dòng nước, chứ không phải thuận dòng. Khi chèo thuyền ngược nước, nếu quý vị không tiến về phía trước thì sẽ lùi lại, vì nước chảy ngược sẽ đẩy quý vị lùi về sau. ‘Tâm như ngựa chạy trên đồng bằng’, tâm trí của chúng ta giống như một con ngựa hoang chạy trong vùng đồng bằng rộng lớn, không có dây cương hay yên ngựa. ‘Dễ buông khó thu phục’, khi quý vị thả nó ra thì rất dễ, nhưng nếu muốn giữ lại hay thu hồi nó thì rất khó. Vì vậy, những người tu đạo nhất định không được lười biếng, không được mệt mỏi. Quý vị phải luôn tinh tấn, không ngừng nỗ lực trên con đường tu hành.

“*Nếu tâm người tu hành nhiều lần, thường xuyên lười nhác*” trong phiên âm Hán văn câu này là “Nhược hành giả chi tâm, số số giải phế”.

“*Nếu tâm của người tu hành*”: nghĩa là tâm của người tu hành, “số số giải phế” (数数懈怠): từ ‘số số’ (数数) ở đây được đọc là ‘shuò’ (尸乂丂) trong tiếng Hán. “Số số” có nghĩa là nhiều lần, rất nhiều lần. Cụm từ này xuất phát từ Luận Ngữ (论语), trong đó có câu: ‘Sự quân số, tư nhục hỹ; bằng hữu số, tư sơ hỹ’, nghĩa là ‘Phụng sự vua mà nhiều lần nói năng không đúng mực, ắt bị nhục; Kết giao bạn bè mà lảm lòi, ắt bị xa lánh’.

Câu ‘Sự quân số - Phụng sự vua mà nhiều lần nói năng không đúng mực’ (事君数), nghĩa là nếu quý vị đối với vua mà luôn tỏ thái độ dài dòng, lúc nào cũng cứ nói mãi trước mặt vua, hay tỏ ra lảm lòi không dứt, thì vị vua ấy chắc chắn sẽ không vui và có thể trừng phạt quý vị. Đây là sự xúc phạm, sỉ nhục. ‘Sự quân số’ — ‘số’ (数) ở đây có nghĩa là nhiều lần, hay nói quá nhiều. ‘Tư nhục hỹ - ắt bị nhục’ (斯辱矣) có nghĩa là chắc chắn sẽ bị nhục mạ, hoặc bị vua quở trách, thậm chí có thể bị giết, vì vậy quý vị sẽ chịu sự sỉ nhục.

‘Bằng hữu số - kết giao bạn bè mà lảm lòi’, kết bạn, nếu bạn cứ lảm lòi như vậy, luôn nói đi nói lại trước mặt người ta, điều này giống như xay đậu hũ. Kiểu như vậy, chắc chắn họ sẽ xa lánh quý vị. Vì vậy, trong kinh điển, hai chữ này đi cùng nhau được đọc là ‘số số’ (âm đọc của hai chữ là "shuò shuò").

“*Lười nhác*”, “lười” là lười biếng, “nhác” là uể oải. Quý vị nghe rõ không? Không được lười biếng! Bạn “số số giải phế”, tức là lúc nào cũng thích lười biếng, thích không làm gì cả.

“*Giống như dùi lửa*”: Ở đây có một ví dụ, ví dụ về điều gì? Giống như thời cổ đại, người Tày đã dùi gỗ để lấy lửa. Họ dùi một lỗ trên gỗ, khi khoan gỗ nóng lên, tự nhiên gỗ sẽ phát ra lửa. Trước thời Tày, loài người không biết ăn thức ăn nấu

chín, mà chỉ ăn sống, uống máu. Bắt được động vật hoang dã, họ xé bỏ da rồi uống máu của chúng, điều này được gọi là ‘ăn sống nuốt tươi’. Con người khi ấy sống trong hang động và cư trú ngoài đồng hoang, leo lên cao để nhìn xa. Họ không biết nên ăn thức ăn nấu chín. Sau khi có người Tùỵ, mọi người mới bắt đầu biết ăn thức ăn chín, nấu chín thực phẩm và đun sôi nước trước khi uống, vì trước đó chưa có lửa. Sau khi người Tùỵ dùng gỗ lấy lửa, con người mới biết ăn thức ăn nấu chín.

Đó là ví dụ như việc dùng lửa, giống như việc dùng lửa trong gỗ. “*Chưa nóng đã dùng*”: Khi dùng lửa, phải đợi đến khi nó nóng lên thì lửa mới phát ra. Nếu quý vị chưa đợi nó nóng mà đã dùng lại, thì làm sao có được lửa? Vì vậy, đó gọi là “*chưa nóng đã dùng*”. “*Dù muốn có lửa*”: nếu quý vị không đợi đến khi nó nóng mà đã ngừng, điều này giống như tu hành mà chưa đạt được thành tựu, chưa chứng được quả vị, mà quý vị đã ngừng tu hành. Vậy làm sao có thể chứng được quả vị? Làm sao có thể có trí tuệ? Vì thế “*khó mà có được*”: nếu quý vị dùng lửa được một nửa, chưa kịp đợi nó nóng lên mà quý vị đã dùng lại, thì chắc chắn không thể có lửa. “*Đây gọi là tinh tấn*”: Điều này là ý nghĩa của tinh tấn. Tinh tấn giống như việc dùng lửa, phải dùng cho đến khi lửa phát ra, lúc đó quý vị mới có thể dùng. Tu đạo cũng vậy, quý vị phải chứng được quả, rồi quý vị mới có thể đạt đến trạng thái không còn phải tu nữa.

‘Thiên hạ vốn vô sự, người ngu tự chuốc ưu phiền’, vốn dĩ chẳng có vấn đề gì, nhưng con người lại tạo ra nhiều rắc rối. Giống như bài văn này (*Hòa thượng dơ ra trước đại chúng*), trước đây tôi hoàn toàn không nhớ, đã quên mất nó rồi. Nhưng bây giờ, họ lại vì vấn đề này mà viết ra hơn mười bài văn. Vì tôi thấy nó có vẻ rất buồn cười, nên lần này đến Los Angeles, vốn dĩ không cần mang theo để đọc cho quý vị nghe, nhưng giờ lại mang đến để đọc cho quý vị nghe, để quý vị cũng biết. Vốn không có chuyện gì, vậy mà bây giờ lại viết bài, lại đọc cho mọi người nghe, tạo ra bao nhiêu việc, nên mới gọi là Thiên hạ vốn vô sự, người ngu tự chuốc ưu phiền.

Ở đây, quý vị cần biết rằng, người học Phật ‘nhân địa không chân thật, quả báo sẽ quanh co’. Khi gieo nhân mà không trong sạch, đến khi gặt quả cũng sẽ không thanh tịnh. Vì vậy, trong tu hành, chúng ta phải luôn cẩn thận từng giờ từng phút, đừng làm sai chuyện nhân quả. Nhân quả không thể sai, tu hành không thể dừng. Việc tu hành là phải mỗi ngày tiến bộ hơn, nhưng đối với nhân quả thì không được phạm lỗi. Hôm nay có một vị đệ tử nói rất có lý rằng: ‘Chúng ta, Phật tử, không nên thường xuyên phỉ báng lẫn nhau, vạch trần lỗi lầm của nhau, hoặc tuyên truyền khuyết điểm của người khác’. Điều này là đúng, nhưng trong cộng đồng Phật tử, chúng ta cũng không nên không biết những sai lầm trong hành vi của mỗi người. Chúng ta có thể nghiên cứu những chỗ sai và sau đó cải thiện chúng, vì vậy điều này cũng là điều nên biết.

Giống như những người tị nạn Việt Nam, hiện đang trôi dạt trên biển, bất cứ lúc nào cũng đối mặt với nguy cơ tử vong. Tại sao lại như vậy? Đó là vì trong những kiếp trước, họ đã gây ra việc chấm dứt sinh mạng của người khác, họ từng khiến người khác phải chịu đựng nỗi đau đớn, làm than, lang thang. Vì vậy, trong kiếp này, họ cũng phải chịu đựng khổ đau như vậy. Chúng ta tuy không phải chịu những nỗi khổ này, nhưng mỗi người trong chúng ta đều nên có lòng từ bi, nghĩ cách cứu giúp những người này, giúp họ thoát khỏi hiểm nguy, gặp dữ hóa lành, vượt qua hoạn nạn mà gặp may mắn. Chúng ta nên làm điều này. Nếu có thể giải thoát cho họ khỏi nỗi khổ đau này, thì tương lai chúng ta cũng sẽ không gặp phải những nỗi khổ như vậy. Vì vậy, khi gieo nhân, chúng ta phải cẩn thận.

Bây giờ tôi sẽ đưa ra một ví dụ, các quý vị hãy nhìn xem vị vua của Iran. Trước đây, ông ta là một trong những vị vua giàu có nhất trên thế giới, ông ta mua nhà và đất ở khắp mọi quốc gia. Những ngôi nhà ông mua là những ngôi nhà đẹp nhất, đất ông mua cũng là những mảnh đất có giá trị nhất. Nhưng bây giờ, chính quyền của ông đã bị lật đổ, bản thân ông không có nơi nào để ở, không có quốc gia nào chào đón ông.

Ông phải lang thang khắp nơi, thậm chí bất cứ lúc nào cũng có người muốn ám sát ông. Chắc chắn ông luôn sống trong sợ hãi, luôn chìm đắm trong những giấc mộng đảo điên. Trong cuộc sống như vậy, quý vị nói xem, ông ta có nhiều tiền như thế thì có ích gì? Ngay cả một nơi an toàn để ở cũng không có. Đây là một ví dụ.

Tại sao ông ta lại như vậy? Chính là vì khi còn ở nhân địa (tức là trong quá trình gieo nhân), ông ta chuyên lừa người, chuyên lấy tiền của người khác bằng cách hóa duyên, sau đó đưa tất cả vào tay mình. Sau khi lấy tiền về, ông ta cũng không làm việc công ích, chẳng hạn như quý vị có thể dùng tiền hóa duyên để xây chùa, tu sửa một ngôi chùa lớn, hoặc xây bảo tháp, nhưng ông ta chẳng làm gì cả, chỉ xây dựng vương triều của riêng mình và mở rộng thế lực. Sau khi trở thành vua, ông ta dùng những khoản tiền không rõ nguồn gốc làm của riêng, và cuối cùng cũng mất hết, chẳng còn gì. Đó là nhân quả. Vì ở nhân địa, ông ta đã gieo nhân sai, nên khi đến quả địa (tức là khi gặt quả), ông ta vẫn không thể tránh khỏi nỗi khổ lang thang, lưu lạc khắp nơi.

Tại sao tôi lại nói điều này? Chính là vì tôi muốn chúng ta, những Phật tử, tự mình hiểu rõ đạo lý nhân quả tuần hoàn này, đừng phạm sai lầm về nhân quả, đừng để sau này lâm vào đường cùng không có lối thoát. Vì vậy, mọi người phải chú ý, hãy ghi nhớ, ghi nhớ thật kỹ: khi tu đạo, đừng làm sai nhân quả, đừng tùy tiện gây phiền não, làm hại người khác. Điều đó là không thể chấp nhận được.

C5. Công đức không mất chính niệm

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bất vọng niệm. Nếu hữu bất vọng niệm giả, chư phiền não tắc bất năng nhập, thị cố nhữ đẳng, thường đương nhiếp niệm tại tâm, nhược thất niệm giả tắc thất chư công đức, nhược niệm lực liên cường, tuy nhập ngũ dục tắc trung, bất vị

Hòa thượng Tuyên Hóa

sở hại, thí như trước khả nhập trận, tắc vô sở úy, thị danh bất vọng niệm.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, nếu tìm cầu thiện tri thức, tìm cầu sự hộ trì tốt lành, không gì bằng việc không đánh mất chính niệm. Nếu có người không đánh mất chính niệm, thì các tên giặc phiền não sẽ không thể xâm nhập. Do đó, các thầy trong tâm thường phải thu nhiếp niệm. Nếu đánh mất chính niệm thì mất hết mọi công đức. Như sức niệm lực được mạnh mẽ, vững chắc thì dù vào giữa bọn cướp của năm dục cũng không bị hại. Như mặc áo giáp vào trận thì không sợ hãi. Đây gọi là không đánh mất chính niệm.

Giải giải

Phần thứ năm là công đức của việc không vọng niệm. "Không vọng niệm" cũng chính là "không mất niệm". Mất niệm gì? Không mất chính niệm — không mất niệm Phật, không mất niệm Pháp, không mất niệm Tăng, không mất niệm về thiện tri thức, không mất niệm về những người thầy tốt và bạn tốt. Không mất chính niệm thì sẽ không có tà niệm. Không mất chính niệm thì tâm luôn thanh tịnh; không có tà niệm thì tâm không bị ô nhiễm. Tâm luôn thanh tịnh chính là tâm Bồ đề; tâm không ô nhiễm tức là không có tâm phiền não. Vì vậy, nếu không mất chính niệm, sẽ có vô lượng công đức; còn nếu mất chính niệm, sẽ tạo ra vô biên tội nghiệp.

Vì vậy, Phật nói: “*Các thầy Tỳ-kheo*”, từ “*Tỳ-kheo*” này, giống như trước, bao gồm cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sa-di, Sa-di-ni, và Thức-xoa-ma-na. Tất cả bảy chúng đệ tử đều được bao gồm. “*Nếu tìm cầu thiện tri thức*”, nghĩa là các vị đi khắp nơi để tìm kiếm thiện tri thức. Thế nào là thiện tri thức? Thiện tri thức là người có chính tri, chính kiến, giúp quý vị phát khởi tâm Bồ đề, không để quý vị thối thất tâm Bồ đề, mà còn có thể khai mở và dẫn dắt quý vị phát tâm Bồ đề. Không những thế, lại cần phải “*tìm cầu sự hộ trì tốt lành*”: tìm

kiểm vị thiện tri thức để bảo hộ cho bản thân mình trong việc tu hành, phát khởi tâm Bồ đề. Nếu quý vị muốn làm như vậy, “*không gì bằng không đánh mất chính niệm*”: nếu quý vị muốn phát tâm Bồ đề, quý vị cần phải luôn ghi nhớ, niệm niệm không quên, niệm niệm phát khởi tâm Bồ đề.

“*Nếu có người không đánh mất chính niệm*”: giả sử có người như vậy, có thể không quên mất tâm Bồ đề, “*thì các tên giặc phiền não*”: những tên giặc phiền não này chính là ba độc tham, sân, si. Ba độc này đều là phiền não. Quý vị có tâm tham, không đạt được điều mình muốn thì sinh ra phiền não; quý vị có tâm sân hận, cũng là phiền não; có tâm si mê, lại càng là phiền não, vì vậy tham, sân, si đều là những phiền não vô tận. “*Không thể xâm nhập*”: nếu quý vị luôn giữ trong tâm chính niệm Bồ đề, thì mọi phiền não cũng sẽ không còn nữa. Như câu nói “Dứt trừ tham, sân, si, siêng tu giới, định, huệ”, vì thế, tất cả phiền não cũng không thể quấy rối quý vị được.

“*Do đó, các thầy*”: do lý do này, các vị đệ tử của Phật, “*thường phải thu nhiếp niệm*”: thu nhiếp niệm ở đây có nghĩa là kiểm soát vọng tưởng để nó không sinh khởi, và chính niệm luôn hiện diện. Bất kỳ lúc nào cũng không để tâm rơi vào vọng tưởng, mà lúc nào cũng phát khởi tâm Bồ đề rộng lớn. Thu nhiếp niệm là không để một niệm nào sinh khởi; thu nhiếp niệm có nghĩa là gom hết tất cả các niệm về thành một. ‘Tâm dừng, niệm dứt, đó là sự giàu sang chân thật; dục vọng riêng tư được đoạn tận, đó là ruộng phước chân thật’. Cảnh giới này chính là thu nhiếp niệm, giữ gìn niệm này.

Đề cập đến thu nhiếp niệm thì đức Mạnh Tử cũng có dạy: ‘Giữ lấy thì tồn tại’, nghĩa là thu nhiếp (giữ) lấy, tức là quản lý suy nghĩ của mình, kiểm soát tâm niệm của mình. Tự mình làm chủ, không để tâm bị những vọng tưởng điên đảo lay động. Thường xuyên có thể hồi quang phản chiếu, biết tự tìm lỗi của bản thân, có thể tự kiểm chế mình và quay về với lẽ nghĩa, đó đều là công phu của thu nhiếp niệm. Nếu có thể khắc chế dục vọng cá nhân và quay về với chân lý tự nhiên, đó

chính là ‘khắc kỷ phục lễ’. Thu nhiếp niệm cũng giống như việc Nhan Uyên hỏi về ‘Nhân (Người)’, Khổng Tử đáp: ‘Khắc kỷ phục lễ là Nhân’, Khắc kỷ phục lễ chính là ‘Người’, và ‘Nhân (Người)’ này cũng chính là thu nhiếp niệm. Nếu quý vị có thể thu nhiếp niệm, tức là quý vị đang thực hành ‘Làm người’; nếu không thể thu nhiếp niệm, tức là quý vị đã rời xa ‘Làm người’.

Trong Hán tự câu nói của Khổng Tử “Khắc kỷ phục lễ vi nhân” có nghĩa là: “Khắc chế bản thân và tuân theo lễ nghi chính là nhân đức.” Trong đó: Khắc kỷ (克己), có nghĩa là chế ngự, kiềm chế những dục vọng, ham muốn cá nhân. Phục lễ (復礼) là trở về với lễ nghĩa, tuân theo các chuẩn mực, quy tắc của lễ giáo, đạo đức. Còn Nhân là người.

Nhan Uyên lại hỏi: ‘Thế nào là khắc kỷ phục lễ (Khắc chế bản thân và tuân theo lễ nghi)?’ Khổng Tử nói: ‘Điều phi lễ chớ nhìn, tiếng phi lễ chớ nên nghe, lời phi lễ không nên nói, việc phi lễ không nên làm’. Quý vị thử nghĩ xem, điều này có phải là thu nhiếp niệm không? Điều phi lễ chớ nhìn, những gì không hợp với lễ, tức là không hợp với pháp, không hợp đạo đức thì đừng nhìn. Trong tiếng Anh, người ta nói: You look too much. Nhìn chỗ này, ngó chỗ kia, nhìn lên trên, lại nhìn xuống dưới. Mắt không lúc nào yên, mở to hơn cả mắt bò, dòm ngó mọi chuyện linh tinh, đó gọi là không có thu nhiếp niệm. Quý vị nhìn những người thường xuyên nhắm mắt dưỡng thần, ngồi yên ở đó, mắt nhìn mũi, mũi nhìn miệng, miệng hỏi tâm, đó gọi là thu nhiếp niệm. Không nhìn ngang ngó dọc, không ngó Đông ngó Tây, đó gọi là thu nhiếp niệm. Vì thế, ‘điều phi lễ không nhìn’ những gì không hợp pháp, không hợp lễ, đều không nên nhìn, không muốn nhìn, đó chính là thu nhiếp niệm.

‘Tiếng phi lễ chớ nghe’, không chỉ những thứ không hợp lễ nghi không được nhìn, mà cả những âm thanh không hợp lễ nghi cũng không nên nghe. Quý vị nghe những bản nhạc thịnh hành làm cho tâm trí rối loạn, vọng tưởng tứ tung, đó chính là

không thu nhiếp niệm, vì thế phải ‘tiếng phi lễ chớ nghe’.

‘Điều phi lễ chớ nói’, những lời nói không hợp lễ nghi, không hợp lễ pháp, không nên nói, đó cũng là thu nhiếp tâm.

‘Việc phi lễ chớ làm’ những việc không hợp lễ nghi, quý vị không nên làm. ‘Chớ làm’ ở đây không có nghĩa là lay động, mà là không nên làm, không thể làm, đó chính là khắc kỷ phục lễ. Khắc kỷ phục lễ cũng chính là thu nhiếp tâm. Tuy thuật ngữ khác nhau, nhưng ý nghĩa thì giống nhau. Lễ nghi hiểu theo cách đơn giản thì chính là chuẩn mực đạo đức, đức hạnh làm người.

Vậy thì thu nhiếp tâm chính là kiểm soát tâm mình, luôn quản lý tâm trí của mình. Khi ngồi thì phải có dáng ngồi, khi đứng thì phải có dáng đứng, khi đi thì phải có dáng đi, ngủ thì phải có dáng ngủ. Hành động trong các tư thế đi, đứng, nằm, ngồi, đó gọi là bốn oai nghi lớn. Bốn oai nghi này đều phải hướng vào trong mà tự quán chiếu, không được chạy theo ngoại cảnh, đó chính là thu nhiếp niệm. Tâm khiến cho niệm thường xuyên ‘giữ lấy thì tồn tại’, tức là trong tâm phải giữ lấy, quản lý và bảo vệ nó. ‘Bỏ đi thì mất’ nếu quý vị không thu nhiếp, không kiểm soát nó, thì nó sẽ chạy mất. Tâm Bồ đề cũng sẽ không còn, ‘mất’ nghĩa là không còn tâm Bồ đề nữa.

“Nếu đánh mất chính niệm”: Giả sử quý vị không có chính niệm, *“thì mất hết mọi công đức”*: quý vị sẽ đánh mất tất cả công đức. Nếu quý vị có thể giữ chính niệm, trong tâm không có tham, sân, si, không phạm vào sát sinh, trộm cắp, tà dâm, đó là giữ chính niệm. Nếu có thể giữ chính niệm, miệng cũng không nói bốn điều ác, không nói lời hoa mỹ, nói dối, ác khẩu, hay chia rẽ, tất cả đều là giữ chính niệm. Nếu quý vị không giữ chính niệm, thì sẽ mất hết mọi công đức, tất cả công đức đều tan biến, không còn nữa.

“Như sức niệm lực được mạnh mẽ, vững chắc”: Nếu sức mạnh của niệm này, tức là chính niệm, rất vững chắc, *“dù vào giữa cơn cướp của năm dục”*: Dù có bước vào tài, sắc, danh,

thực, thù (năm dục) hoặc vào năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng không sao cả. Nếu niệm lực của quý vị mạnh mẽ, đó chính là chính niệm, chính niệm vững chắc, dù rơi vào cảnh giới của năm dục, mà năm dục giống như bọn cướp luôn muốn cướp đi bảo vật của quý vị, “*cũng không bị hại*”: chúng cũng không thể làm hại quý vị, bởi vì quý vị có chính niệm, có tâm Bồ đề, không bị các cảnh giới này lay động, không có dục nào có thể dụ dỗ quý vị, không bị tổn hại. “*Như mặc áo giáp*”: Giống như tướng quân hoặc quân đội mặc áo giáp, đội mũ giáp. “*Vào trận thì không sợ hãi*”: khi đã mặc áo giáp và mũ giáp rồi, dù có vào trận địa của kẻ thù cũng không sợ hãi. Tại sao không sợ? Vì bản thân đã có sự bảo vệ. Vì quý vị có thể giữ chính niệm, và chính niệm sẽ không bị các cảnh giới bên ngoài lay động, giống như đang mặc áo giáp, nên không còn sợ hãi. “*Đây gọi là không đánh mất chính niệm*”, đây chính là không quên mất công đức của chính niệm đó.

C6. Công đức thiền định

Phiên âm

Những đấng Tỳ-kheo, nhược nhiếp tâm giả, tâm tắc tại định, tâm tại định cố, năng tri thế gian sanh diệt pháp tướng, thị cố nhữ đấng, thường đương tinh cần tu tập chư định, nhược đắc định giả, tâm tắc bất tán, thí như tích thủy chi gia, thiện trị đê đường, hành giả diệc dĩ, vi trí tuệ thủy cố, thiện tu thiền định linh bất lậu thất, thị danh vi định.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo nếu có thể thu nhiếp tâm, thì tâm sẽ ở trong định. Vì tâm ở trong định nên sẽ biết được pháp tướng sinh diệt của thế gian. Vì vậy, các thầy phải luôn siêng năng tu tập các loại định. Nếu đạt được định, tâm sẽ không tán loạn. Giống như nhà quý trọng nước thì khéo léo xây dựng đê điều, hồ ao. Người tu hành cũng như vậy, vì giữ dòng nước trí tuệ nên khéo léo tu tập thiền định, khiến cho không bị rò rỉ, thất thoát. Đó được gọi là định.

Giảng giải

“*Thiền định*” tức là tam muội (samādhi). Bây giờ nói về công đức của thiền na tam muội. Thiền na - là sự tư duy tu, cũng gọi là tĩnh lự. Tư duy tu có bốn thiền, gồm sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, và tứ thiền, không có ngũ thiền. Ngoài ra, còn có bốn không xứ, đó là trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, và trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Bốn thiền và bốn không xứ hợp lại gọi là tám định, vì vậy các loại thiền định bao gồm bốn thiền và tám định. Tám định này đều có công đức riêng của chúng, nên gọi là công đức của thiền định.

Thiền định chính là nhiếp tâm, nhiếp tâm cũng chính là tư duy tu, hay còn gọi là tĩnh lự. Nhiếp tâm tức là không chế tâm, kiểm soát tâm của mình. Vì vậy mới nói rằng 'chế ngự tâm một chỗ, không việc gì là không thành'. Và 'chế ngự tâm một chỗ, không việc gì là không thành' chính là trong thiền định, tức là cảnh giới của thiền định. Không chế tâm một chỗ nghĩa là tập trung tâm trí, ý niệm trở về một điểm duy nhất. Khi tâm trí đã tập trung hoàn toàn, lúc đó không còn một ý niệm nào nữa, tức là:

Nội quán tâm, tâm không còn là tâm;

Ngoại quán thân, thân không còn là thân;

Xa quán vật, vật không còn là vật.

Khi quý vị đã hiểu rõ cả ba điều này, quý vị sẽ nhận ra rằng có một lý lẽ về cái không. Nếu quý vị có thể hiểu thêm rằng ngay cả lý lẽ về cái không này cũng không tồn tại, thì sẽ không còn gì để không. Cả năng không và sở không đều biến mất, lúc đó năng không và sở không đều không còn, chỉ là một cảnh giới hoàn toàn thanh tịnh tịch lặng. Nếu ngay cả cảnh giới tịch tĩnh này cũng không sinh khởi, thì lúc đó không còn một ý niệm nào nữa. Quý vị sẽ tự hỏi dục niệm của mình sẽ phát sinh từ đâu? Quý vị sẽ không thể tìm thấy dục niệm nữa. Lúc này, khái niệm về năm dục hay sáu dục đều không còn tồn tại, quý vị không còn biết chúng là gì nữa. Đó chính là thiền

định, cũng chính là sự nhiếp tâm thực sự. Khi ấy, tự nhiên quý vị sẽ sinh ra vô lượng công đức tự tại, vô lượng thần thông diệu dụng, tất cả mọi điều đều không thể nghĩ bàn.

Vì vậy, Phật nói, “*Các thầy Tỳ-kheo*”: vẫn giống như ở các phần trước. “*Nếu có thể nhiếp tâm*”: nếu các thầy có thể kiểm soát được tâm của mình, “*thì tâm sẽ ở trong định*”: tâm sẽ ở trong trạng thái thiền định. “*Vì tâm ở trong định*”: bởi vì tâm của các thầy đang ở trong định, nên sẽ phát sinh trí tuệ. Có trí tuệ này, các thầy “*sẽ biết được pháp tướng sinh diệt của thế gian*”: pháp tướng sinh diệt của thế gian tức là thành, trụ, hoại, không. Thế gian này sinh ra như thế nào? Tồn tại ra sao? Bị hủy hoại thế nào? Và trở về không như thế nào? Các thầy sẽ biết được pháp tướng ấy.

Trong thế giới của chúng ta, một lần tăng và một lần giảm được gọi là một tiểu kiếp. 'Tăng' bắt đầu từ tuổi thọ của con người là mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm thì tăng thêm một tuổi. Ví dụ, tuổi thọ của con người là mười tuổi, sau một trăm năm sẽ là mười một tuổi, rồi lại qua một trăm năm nữa sẽ là mười hai tuổi. Chiều cao của cơ thể cũng tăng lên, cứ mỗi một trăm năm tăng thêm một tấc, cho đến khi tuổi thọ của con người đạt tám vạn bốn nghìn tuổi, sau đó sẽ bắt đầu 'giảm'. 'Giảm' cũng tương tự, cứ mỗi một trăm năm, chiều cao giảm đi một tấc, tuổi thọ giảm đi một tuổi, cho đến khi tuổi thọ của con người trở lại mười tuổi. Quá trình tăng và giảm này được gọi là một 'kiếp'.

Một nghìn kiếp gọi là một tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp được tính là một trung kiếp, và bốn trung kiếp được gọi là một đại kiếp. Trong thế giới này, 'thành' kéo dài hai mươi tiểu kiếp, 'trụ' là hai mươi tiểu kiếp, 'hoại' cũng là hai mươi tiểu kiếp, và 'không' cũng kéo dài hai mươi tiểu kiếp. Vậy nên, hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, và thành, trụ, hoại, không, bốn trung kiếp hợp lại được gọi là một đại kiếp. Pháp tướng sinh diệt của thế gian này, những người có định lực sẽ hiểu rõ và biết được tất cả.

“*Vì vậy, các thầy*”: Bởi vì điều này, nên các vị đệ tử của Phật, “*phải luôn siêng năng*”: lúc nào cũng không được lười biếng, phải luôn siêng năng. Siêng năng làm gì? “*Tu tập các loại định*”: tu tập tất cả các loại tam muội (trạng thái định). “*Nếu đạt được định*”: giả sử quý vị đạt được định lực, đạt được tam muội rồi, “*tâm sẽ không tán loạn*”: ánh sáng trí tuệ trong tâm sẽ không bị tán loạn, không bị biến mất, không bị mất đi. Khi có chính niệm, không có vọng niệm, quý vị sẽ không mất chính niệm. “*Giống như nhà quý trọng nước*”: giống như một gia đình yêu quý nguồn nước, “*thì khéo léo xây dựng đê điều, hồ ao*”: họ giỏi quản lý đập và ao. Đê điều, họ biết cách sửa chữa, làm cho nó không bị rò rỉ, để nước không bị mất. “*Người tu hành cũng vậy*”: người tu hành cũng giống như người giỏi quản lý đê điều này, “*vì giữ dòng nước trí tuệ*”: vì để giữ lại dòng nước trí tuệ, “*nên khéo léo tu tập thiền định*”: giỏi xây dựng đê đập thiền định. “*Khiến cho không bị rò rỉ, thất thoát*”: đê trí tuệ chân thật, bảo vật pháp không bị mất, không bị thất thoát. “*Đó được gọi là định*”: đây chính là công đức của thiền định chân chính.

C7. Công đức trí tuệ

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, nhược hữu trí tuệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất, thị tắc u ngã pháp trung, năng đắc giải thoát. Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhân, hựu phi bạch y, vô sở danh giả. Thật trí tuệ giả, tắc thị độ sanh lão bệnh tử hải kiên lao thuyên dã, diệt thị vô minh hắc ám đại minh đăng dã. Nhất thiết bệnh giả chi lương dược dã, phạt phiền não chi lợi phủ dã, Thị cố nhữ đẳng, đương dĩ văn tư tu huệ nhi tự tăng ích, nhược nhân hữu trí tuệ chi chiếu, tuy vô thiên nhân nhi thị minh kiến nhân dã, thị danh trí tuệ.

Dịch nghĩa

Các vị Tỳ-kheo, nếu có trí tuệ thì sẽ không tham đắm. Thường tự phản tỉnh, không để mất đi. Như vậy, trong pháp của ta, có thể đạt được giải thoát. Nếu không như thế thì không

phải là người tu đạo, cũng không phải là người cư sĩ tại gia, chẳng có danh xưng gì cả. Người có trí tuệ chân thật chính là chiếc thuyền vững chắc để vượt qua biển khổ sinh, lão, bệnh, tử, cũng là ngọn đèn lớn trong bóng tối vô minh, là liều thuốc hay cho mọi bệnh nhân, là cây rìu sắc bén chặt đứt cây phiền não. Vì vậy các ông nên dùng sự nghe, tư duy, và tu hành để tự tăng trưởng. Nếu người có ánh sáng trí tuệ dù không có thiên nhãn nhưng cũng vẫn là người sáng suốt. Đây gọi là trí tuệ.

Giải giải

Đoạn thứ bảy là về công đức của trí tuệ. Mỗi người trong quý vị hãy nói xem, trí tuệ là gì? Không si mê, thì đó chính là có trí tuệ! Điều này có nghĩa là khi vô minh bị phá vỡ, trí tuệ chân thật sẽ hiện ra. Phiền não chính là Bồ đề, Bồ đề là con đường giác ngộ, nhưng không thể nói Bồ đề chính là trí tuệ. Khi phát tâm Bồ đề, trí tuệ sẽ hiện ra, bởi vì phát tâm Bồ đề có thể đoạn trừ phiền não, mà đoạn trừ phiền não chính là chứng đắc Bồ đề. Điều này giống như lật bàn tay, mặt đối diện của phiền não chính là Bồ đề, và Bồ đề cũng chính là phiền não, chỉ cần lật qua là xong. Nếu không lật thì phiền não vẫn là phiền não, Bồ đề vẫn là Bồ đề; nhưng khi quý vị lật qua, phiền não sẽ biến thành Bồ đề. Điều này cũng giống như khi đêm đến cực điểm thì trở thành ban ngày, và khi ban ngày đến cực điểm thì trở thành ban đêm, đây là một sự luân chuyển qua lại.

Cái gọi là trí tuệ là để nói ngược lại với sự ngu si, nếu quý vị không ngu si thì chính là có trí tuệ. Trí tuệ cũng có nghĩa là người này thông minh, thông minh đến cực điểm thì trở thành trí tuệ. Người rất thông minh thì có trí tuệ; nhưng nếu ngu si và nhiều phiền não thì sẽ không có trí tuệ. Vì vậy, công đức của trí tuệ, và trí tuệ của công đức, nếu quý vị có công đức, thì mới có trí tuệ; nếu quý vị có trí tuệ, thì mới làm được công đức. Không có trí tuệ, công đức của quý vị cũng không có; nếu quý vị không có công đức, trí tuệ cũng không thể hiện ra. Do đó, hai điều này tương hỗ, tuần hoàn và làm nhân duyên cho nhau.

Phật nói: “*Các vị Tỳ-kheo*”: ở đây không chỉ đề cập đến người xuất gia, mà còn là người tại gia, người lớn, trẻ con, đàn ông, phụ nữ, tất cả đều bao gồm trong đó. Câu “*các vị*” là bao gồm tất cả mọi người, “*Tỳ-kheo*” chỉ là một danh từ đại diện cho chúng sinh. “*Nếu có trí tuệ*”: giả sử quý vị có trí tuệ chân thật, không còn ngu si, thì “*sẽ không tham đắm*”: Người có trí tuệ chân thật thì biểu hiện ra sao? Chính là không còn tham đắm, không tham danh, không tham tài, không tham sắc, không tham ăn, không tham ngủ, không còn tham gì cả. Đã không tham gì, thì cũng chẳng mong cầu gì nữa; và khi đã không cầu gì, đó chính là biểu hiện của người có trí tuệ chân thật. Nếu quý vị có trí tuệ chân thật, quý vị sẽ không tham đắm; nếu quý vị không có trí tuệ chân thật, quý vị chắc chắn sẽ tham đắm.

“*Thường tự phản tỉnh*”: Thường xuyên tự phản tỉnh về bản thân, nghĩa là:

Thường nhận lỗi về mình, đừng bần lỗi người,

Lỗi người tức lỗi mình, đồng thể tức đại bi.

Đây chính là sự tự phản tỉnh.

Tăng Tử đã nói:

Tôi mỗi ngày tự xét mình ba điều:

Làm việc cho người có hết lòng không?

Kết giao với bạn bè có chân thành không?

Những điều đã học có thực hành không?

Tăng Tử tự xét mình về ba điều, vậy ông ấy đang phản tỉnh những gì? Ông nói, ‘Làm việc cho người có hết lòng không?’: tôi đã làm gì cho người khác? Tôi có thật sự trung thành, hết lòng với họ không? ‘Kết giao với bạn bè có chân thành không?’: tôi đối xử với bạn bè, giao tiếp với họ có thật sự đáng tin cậy không? Tôi có lừa dối bạn bè mỗi ngày không? Tôi có luôn tìm cách lợi dụng họ để mưu lợi cho mình mà làm hại họ không? Đó chính là ý nghĩa của câu ‘kết giao với bạn bè có chân thành không’.

‘Những điều đã học có thực hành không?’: Những giáo lý Phật pháp mà thầy tôi đã truyền dạy, và tất cả những gì mà thầy tôi đã dạy, tôi có ôn lại và thực hành không? Hay tôi chỉ nghe như gió thoảng qua tai, vừa nghe qua rồi quên mất? Sau khi nghe giảng, tôi có về nhà nghiên cứu thêm không? Đây chính là ý nghĩa của ‘những điều đã học có thực hành không’.

Tăng Tử có ba điều tự xét mình như thế, chúng ta làm người và học Phật pháp cũng cần thường xuyên tự phản tỉnh như vậy.

“*Không để mất đi*”: nghĩa là không để trí tuệ bị mất. “*Như vậy thì trong pháp của ta*”: nói rằng như thế, chữ “*Như vậy*” ở đây mang ý nghĩa vậy thì. Nếu quý vị có thể giữ cho trí tuệ của mình không bị mất đi, thì trong pháp của ta - chữ “*ta*” ở đây là Phật tự xưng, tức là trong Phật pháp của ta - “*có thể đạt được giải thoát*”: quý vị sẽ có thể đạt được giải thoát. Giải thoát là trạng thái tự do tự tại, không còn bị ràng buộc, có thể đạt đến sự giải thoát hoàn toàn.

“*Nếu không như thế*”: nếu quý vị không làm được như vậy, quý vị sẽ mất đi trí tuệ, quý vị cũng không tự quán chiếu. “*Thì không phải là người tu đạo*”: Khi đó, quý vị không phải là người tu đạo, “*cũng không phải là người cư sĩ tại gia*”: Cũng không phải là người cư sĩ tại gia. Quý vị trở thành một người không giống ai. “*Chẳng có danh xưng gì cả*”: Lúc này, quý vị được gọi là gì? Không có một danh xưng nào có thể đặt cho quý vị cả.

“*Người có trí tuệ chân thật*”: người có trí tuệ thực sự, “*chính là chiếc thuyền vững chắc để vượt qua biển khổ sinh, lão, bệnh, tử*”: là một con thuyền kiên cố nhất để vượt qua biển khổ của sinh, lão, bệnh, tử. “*Cũng là ngọn đèn sáng lớn trong bóng tối vô minh*”: nếu quý vị có trí tuệ thực sự, thì quý vị sẽ không lãng phí công sức vào những việc giả tạm, và đó chính là một ngọn đèn lớn soi sáng trong bóng tối vô minh. “*Là liều thuốc tốt cho mọi bệnh nhân*”: là loại thuốc tốt nhất cho tất cả những ai đang bệnh tật. “*Là cây rìu sắc bén chặt đứt*

cây phiền não”: cũng là một chiếc rìu sắc bén nhất để chặt đứt cây phiền não.

“*Vì vậy các ông*”: vì lý do này, các vị Tỳ-kheo và các vị cư sĩ tại gia. “*Nên dùng sự nghe, tư duy, và tu hành*”: quý vị nên sử dụng ba loại trí tuệ là văn huệ (nghe), tư huệ (suy nghĩ) và tu huệ (tu tập), “*để tự tăng trưởng*”: để tự mình gia tăng trí tuệ. “*Nếu người có ánh sáng trí tuệ*”: giả sử chúng ta có được ánh sáng của trí tuệ, “*dù không có thiên nhãn*”: dù chưa đạt được thiên nhãn, “*nhưng cũng vẫn là người sáng suốt*”: đó cũng là một bậc thiện tri thức có đôi mắt sáng. “*Đây gọi là trí tuệ*”: đây được gọi là trí tuệ chân thật.

Các vị có suy nghĩ gì về đoạn kinh văn này? Có thể nói thử xem. Bây giờ tôi đang giảng kinh, các vị đến nghe kinh, đây chính là văn huệ (sự nghe). Khi các vị nghe xong kinh ở đây, về nhà suy nghĩ, nghiên cứu, và đạt được chân lý thật sự, đó là tư huệ (tư duy). Tư huệ là suy nghĩ, nghe rồi dùng trí tuệ để nghiên cứu, đó là tư huệ, trí tuệ của suy nghĩ. Sau khi suy nghĩ xong, nếu các vị lại chiếu theo pháp này mà tu hành, đó chính là tu huệ (tu hành). Ví dụ như thành thật, không nói dối, không lừa dối người khác, đó chính là thực hành, trí tuệ chân thực.

Vì vậy mới nói tìm mỏ vàng, tìm mỏ kim cương, xem ai trong quý vị có mỏ vàng? Ai có mỏ kim cương? Để khai thác được mỏ này, bộc lộ kho báu của chính quý vị, cần phải hỏi các quý vị có suy nghĩ gì về đoạn kinh văn này. Điều này giống như thử xem nơi nào có mỏ dầu? Mỏ kim cương? Những thứ quý giá đều ở đó, như mỏ vàng, và ta phải tìm ra nó. Những người không đặt câu hỏi thường là những người không chú ý; còn những người chú ý sẽ luôn có câu hỏi, trong lòng có chỗ chưa hiểu. Bởi vì quý vị không đặt câu hỏi, quý vị cũng không chú ý, nên không có điều gì chưa hiểu rõ, cũng không có gì nghi ngờ. Chính vì thế mà quý vị không hỏi câu nào; còn người đặt câu hỏi thì trong lòng đã có điều gì đó không thể chịu nổi, nên họ mới hỏi.

Cái gì gọi là phiền não? Tham vọng?! Tham lam?! Đúng vậy, quý vị có lòng tham thì sẽ có phiền não. Vậy quý vị muốn biết cái gì gọi là Bồ đề không? Chính là không có lòng tham. Không có lòng tham, không có phiền não, đó chính là Bồ đề. Điều này đơn giản như trở bàn tay, giống như lật tay vậy, một mặt là Bồ đề, mặt kia là phiền não, rất dễ dàng, đừng coi nó quá cao siêu. Phiền não chính là Bồ đề, nghĩa là trong phiền não có lòng tham, nếu quý vị không tham, thì sẽ biến thành Bồ đề. Phiền não là vô hình, Bồ đề cũng là vô hình, chỉ là những danh từ mà thôi. Đã là danh từ, thì quý vị chỉ cần chuyển nó đi là được; quý vị không có lòng tham, thì sẽ có tâm Bồ đề; quý vị có lòng tham, thì sẽ có tâm phiền não. Giác đạo chính là sự giác ngộ, giác ngộ thì sẽ hiểu rõ, mà hiểu rõ chính là Bồ đề.

Nếu quý vị không có câu hỏi, dù tôi giảng đi giảng lại, cũng không biết rốt cuộc các quý vị có nghe hay không. Hỏi quý vị câu hỏi, nếu quý vị có thể trả lời được, hoặc tôi có thể trả lời câu hỏi của quý vị, thì tôi sẽ biết quý vị đang chú ý, biết quý vị không ngủ gật.

Tôi lại nói với quý vị, trong Phật giáo, điều đầu tiên là không được sát sinh. Nếu quý vị muốn tu hành, thì đừng sát sinh. Quý vị giết người, người ta cũng sẽ giết quý vị. Những Hoa kiều ở Việt Nam, bây giờ bị đưa ra biển và bị giết, đó là vì họ trước đây đã sát sinh quá nhiều, nên bây giờ phải chịu quả báo này. Đây là điều thứ nhất. Điều thứ hai là không được trộm cắp. Chúng ta là người học Phật thì không được lấy đồ của người khác, không được trộm tiền của người khác, không được làm những việc không chính đáng, lúc nào cũng phải làm những việc đúng đắn. Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Đừng trộm tiền của người khác, nếu quý vị trộm tiền của người ta, sau này quý vị sẽ không có tay, vì quý vị dùng tay để trộm tiền! Nếu dùng tâm để trộm đồ của người khác, thì sau này quý vị sẽ ngu si, không có trí tuệ, và sẽ rơi vào ba đường ác.

Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, từ ba tội ác này sẽ rơi vào ba đường ác là súc sinh, ngạ quỷ, hoặc địa ngục. Nếu quý vị trộm của người ta năm đồng, thì sẽ trải qua năm trăm kiếp không có tay; trộm mười đồng, thì sẽ phải trải qua một ngàn kiếp không có tay. Quý vị xem có nghiêm trọng không? Vì vậy, không được trộm tiền của người khác. Đặc biệt là trong đạo tràng, nếu trộm tiền rồi rút phong bao vào nhà vệ sinh, làm tắc nghẽn nước trong nhà vệ sinh. Đừng nghĩ rằng tôi không biết những hành vi này của quý vị, tôi biết, tôi đang quan sát quý vị, xem rốt cuộc quý vị sẽ trộm bao nhiêu. Tôi nhìn thấy rất rõ ràng, vì vậy trong Phật đường không được tùy tiện trộm đồ. Thật là vô lý! Có người để một cặp tài liệu ở đó, vậy mà tùy tiện bị mất. Quả báo của việc này sau này sẽ vô cùng nghiêm trọng. Trộm đồ của người khác, sau này đều sẽ rơi vào địa ngục, biến thành ngạ quỷ, rồi chuyển thành súc sinh. Đến lúc đó, các quý vị có hối hận cũng đã muộn, nên người học Phật không thể hành xử tùy tiện như vậy.

Còn về việc cúng dường trước khi ăn, mọi người đều phải tham gia. Khi ăn cơm, mọi người nên ăn cùng nhau, và trong lúc ăn, không được nói chuyện lung tung, giống như vừa ăn vừa họp, điều này không được phép. Chỉ trong một số tình huống đặc biệt, hoặc vì không còn thời gian mà có chút việc, nên trong lúc ăn có thể nói chuyện một chút, nhưng cũng không được nói quá to, phải nói nhỏ sao cho người đối diện cũng không nghe thấy. Chỉ khi đó mới được, nhưng cũng không được đầu mặt tiếp nhau. 'Phật quy định Tỳ-kheo' bây giờ có thể thay đổi thành 'Phật quy định đại chúng' hoặc là 'Phật quy định chúng sinh', 'khi ăn phải quán năm điều' nghĩa là khi ăn cơm, phải nhớ nghĩ năm điều quán tưởng. Năm quán tưởng là...

Một - Xem phước đức bản thân nhiều hay ít, có bằng với lượng thức ăn thọ nhận và suy xét nguồn gốc của thức ăn ấy.

Hai - Suy xét đức hạnh của mình, xem đã đủ hay còn thiếu để xứng đáng nhận cúng dường.

Hòa thượng Tuyên Hóa

Ba - Giữ tâm cẩn trọng, lấy việc tránh xa tham lam và lấy bình đẳng làm tông chỉ.

Bốn - Chính là thuốc tốt, để chữa bệnh khô héo của cơ thể.

Năm - Vì thành tựu đạo nghiệp, nên nhận sự cúng dường.

Đây là năm quán tưởng, khi quý vị ăn những thứ này, quý vị mới có thể tiêu hóa được. Lại có ba niệm. Niệm thứ nhất là khi ăn muỗng đầu tiên, hãy niệm ‘nguyện đoạn trừ tất cả ác nghiệp’. Ăn muỗng thứ hai, hãy niệm ‘nguyện tu tất cả thiện nghiệp’. Ăn muỗng thứ ba là ‘nguyện độ tất cả chúng sinh’ cùng nhau đến bờ giác. Đây gọi là ba niệm, năm quán, khi ăn cơm cần quán tưởng như vậy.

Trong đạo tràng mà tôi lập ra, tất cả đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc này. Khi tôi đến các đạo tràng khác, ăn cơm hầu như không thể no được. Tại sao không no? Vì chỉ nghe thấy người ta nói chuyện, nghe đến no luôn. Vì vậy, tôi không dạy quý vị nói chuyện khi ăn, bởi vì khi tôi ăn mà nghe người khác nói, tôi sẽ cảm thấy no và không thể ăn được nữa. Nếu quý vị thương sư phụ, trong lúc ăn cơm phải nói thật nhỏ, không để sư phụ ăn không no. Quý vị hiểu chứ? Do đó, không được nói chuyện. Khi tôi nghe quý vị nói, tôi đã no vì lời nói rồi, nên không thể ăn thức ăn nữa. Quý vị có thể vừa ăn vừa nói, nhưng tôi thì không có bản lĩnh lớn như vậy, nên lúc ăn cơm không thể nói chuyện.

Còn trong Phật đường, không nên thường xuyên nói cười, phải quán tâm nhiếp niệm. Quán tâm, quý vị nên thường xuyên niệm "Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật", đừng chỉ nói những chuyện tầm phào. Đặc biệt trong đạo tràng, cũng không nên nói về vận mệnh, không nên xem tướng số. Chúng ta, những Phật tử, không nên tin vào vận mệnh, vì vận mệnh là điều mà người bình thường tin, còn người học Phật là muốn vượt qua vận mệnh, vượt qua số phận, nên không nên tin vào vận mệnh, cũng không nên mãi mê chuyện tiền bạc.

Ví dụ như quý vị đến Reno đánh bạc, chỉ với hai đô la, mà khi về lại mang về hàng trăm ngàn đô la, không nên làm như vậy, đây gọi là đầu cơ. Chúng ta, những người tu hành, những người học Phật, không nên học những phương pháp đầu cơ, cũng không nên suốt ngày nghĩ về việc làm sao nhanh chóng phát tài hay kiếm được bao nhiêu tiền.

Người tu đạo, người tin Phật, cần để mọi thứ tự nhiên phát triển, không nên làm những hành vi đầu cơ, đó là điều quan trọng. Vì vậy cũng không nên bàn về vận mệnh, không nên tin vào phong thủy. Điều này không có nghĩa là tôi phản đối Thầy Hạ giảng về phong thủy. Lý do tôi không dạy người khác về phong thủy là vì khi giảng về nó, người nghe càng mê lầm hơn, biến tất cả mọi người thành kẻ tham tiền. Người này xem phong thủy, người kia cũng xem phong thủy, đến tôi ngủ không yên. Vậy là 'Tôi mua căn nhà đó, nên mời thầy Hạ xem lại xem, biết đâu một hai năm nữa tôi sẽ phát tài, khi phát tài tôi sẽ báo đáp thầy Hạ'. Quý vị cứ suy nghĩ như thế, suy nghĩ đến nổi tóc bạc, mắt mờ, răng rụng, tai điếc, nhưng vẫn chưa phát tài, thật đáng thương. Vì vậy, không nên làm như vậy. Nếu chúng ta có duyên phát tài, sớm muộn gì cũng sẽ phát tài; nếu không có duyên, dù quý vị cố gắng có được, rồi cũng sẽ mất đi.

Câu nói: "Làm đậu phụ, đặt ở đất trũng ven sông, khi được nước đậu thì cũng theo nước mà đi", giống như việc làm đậu phụ cần phải ép đậu. Khi được nước đậu, kiếm được tiền thì mua đất ở ven biển, ven sông. Nhưng khi nước dâng lên thì sao? Tất cả đất đai canh tác đều bị cuốn trôi, không thu hoạch được gì cả. Ý nghĩa của điều này là con người nhất định phải chú trọng đến nhân quả, cần đặc biệt cẩn thận trong việc này. Đừng để mình bị mê muội quá, mê muội quá mức là không tốt. Do đó, người học Phật phải chấp nhận số phận và biết đủ. Nếu vận mệnh của tôi là phát tài, thì tôi sẽ phát tài; nếu không phải là số phát tài, thì không nên đi làm thổ phi, đi cướp ngân hàng, như vậy là không đúng.

C8. Công đức cứu cánh

Phiên âm

Nhữ đấng Tỳ-kheo, chủng chủng hí luận, kỳ tâm tắc loạn, tuy phục xuất gia, do vị đắc thoát, thị cố Tỳ-kheo, đương cấp xả ly, loạn tâm hí luận, nược nhữ dục đắc, tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt, hí luận chi hoạn, thị danh bất hí luận.

Dịch nghĩa

Các vị Tỳ-kheo! Nếu còn đắm chìm trong các loại hí luận thì tâm sẽ bị tán loạn. Như vậy dù đã xuất gia, nhưng vẫn chưa đạt được giải thoát. Vì vậy, các thầy Tỳ-kheo nên nhanh chóng từ bỏ những tâm niệm tán loạn và hí luận. Nếu các thầy muốn đạt được niềm an vui tịch diệt, thì chỉ có cách là phải dứt bỏ hoàn toàn những tai họa do hí luận. Đây gọi là không hí luận³.

Giảng giải

Tất cánh Tây Hồ lục nguyệt trung

Xuân quang bất dữ tứ thời đồng

Tiếp thiên liên điệp vô cùng tận

Ánh nhật hà hoa biệt dương hồng.

Nghĩa:

(Cuối cùng, Tây Hồ vào tháng sáu,

Ánh xuân không giống bốn mùa khác,

Lá sen nổi trời xanh vô tận,

Hoa sen dưới nắng rực rỡ hồng.)

Tất cánh nghĩa là gì?, Tất cánh chính là cứu cánh. Để hiểu rõ hơn chúng ta cùng xem qua bài thơ này. Để miêu tả

³ Chú thích: "Hí luận" (戲論) là một thuật ngữ Phật giáo chỉ những lời nói hoặc hành động mang tính chất đùa cợt, vui chơi vô nghĩa hoặc những cuộc tranh luận, bàn luận không có lợi ích thực sự. Những lời nói và hành động này thường gây xao nhãng, khiến tâm trí con người bị rối loạn, xa rời con đường tu tập. Trong ngữ cảnh Phật giáo, hí luận là những suy nghĩ hoặc tranh cãi không dẫn đến trí tuệ hoặc giải thoát, nên người tu tập được khuyên nên tránh xa.

thời tiết của Tây Hồ vào tháng sáu, nên mới nói ‘Tất cánh Tây Hồ lục nguyệt trung’. Đây là chỉ khí tiết tháng sáu ở Tây Hồ, Hàng Châu, Trung Quốc. ‘Xuân quang bất dữ tứ thời đồng’, ánh sáng mùa xuân này đặc biệt đẹp, đặc biệt tốt, không giống với các mùa khác. Nói rằng ánh sáng mùa xuân này khác biệt với mùa hè, mùa thu, mùa đông và các thời gian khác. Trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, tháng sáu cũng không hẳn là mùa hè chính thức, vào thời điểm này mùa hè sắp kết thúc, sắp đến mùa thu. ‘Tiếp thiên’, nhìn từ Tây Hồ, nước hồ như tiếp nối với bầu trời. Vì Tây Hồ rất lớn, khi nhìn vào nước hồ và trời như liền một mạch. ‘Liên điệp vô cùng tận’, bên trong Tây Hồ có hoa sen, lá sen nối tiếp không ngừng, không biết có bao nhiêu lá sen màu xanh biếc. ‘Ánh nhật hà hoa’, hoa sen chiếu dưới ánh mặt trời, ‘biệt dương hồng’, hoa sen vốn đã đỏ, nhưng khi được mặt trời chiếu vào, màu đỏ đó lại càng đặc biệt, đỏ một cách khác thường.

Đây là ý nghĩa sơ lược của hai chữ ‘cứu cánh’. Khi tôi đưa ra bài thơ này, các quý vị sẽ hiểu hai chữ ‘cứu cánh’ có nghĩa là gì. ‘Cứu cánh công đức’ là công đức rốt ráo, nghĩa là không còn công đức nào tốt hơn thế nữa, và cũng không còn công đức nào lớn hơn thế nữa. Vì vậy, ‘cứu cánh công đức’ có nghĩa là đã đạt đến mức viên mãn.

“*Các vị Tỳ-kheo*”: Phật gọi chúng sinh là “*các vị*”, là chỉ đến bảy hạng đệ tử, trong đó bao gồm tất cả chúng sinh, tất cả các loài bay, bơi, động vật, thực vật, và các loài chúng sinh sinh ra từ thai sinh (bào thai), noãn sinh (trứng), thấp sinh (sinh ra do ẩm thấp) và hóa sinh (biến hóa sinh ra). Nói tóm lại, tất cả chúng sinh đều bao gồm trong đó. “*Nếu còn đắm chìm trong các loại hý luận*”: hý luận nghĩa là trò chơi, là sự tiêu khiển. Trò chơi say mê, lãng phí hết thời gian. Ngay cả việc nói chuyện cười, nói chuyện đùa, đó cũng là hý luận, những người thật sự tu đạo thì không nói đùa. Đó gọi là hý luận.

Giống như lần trước tôi gọi một vị pháp sư nào đó là ‘ông Trời’, đây chính là hý luận. Điều này là không đúng, tôi không

nên nói như vậy, làm sao có thể gọi người ta là 'ông Trời' được chứ? Quý vị có biết không? Ngay cả việc đặt biệt danh, lấy tên gọi khác, hoặc tên giả, tất cả đều là hý luận. Nếu quý vị có tính hý luận vô lý, vô nghĩa, miệng nói đùa cợt, nói dối, thân vọng động, thiếu đứng đắn, *“thì tâm sẽ bị tán loạn”*: tâm sẽ đầy rẫy tạp niệm, rối loạn không yên. *“Dù đã xuất gia, nhưng vẫn chưa đạt được giải thoát”*: mặc dù đã xuất gia, nhưng sẽ không đạt được sự giải thoát tự tại. *“Vì vậy, các thầy Tỳ-kheo”*: cho nên, các vị Tỳ-kheo! Các vị Phật tử! *“nên nhanh chóng từ bỏ những tâm niệm tán loạn và hý luận”*: hãy nhanh chóng từ bỏ những hý luận làm loạn tâm tính. *“Nếu các thầy muốn đạt được niềm an vui tịch diệt”*: nếu quý vị muốn có được niềm vui tịch diệt chân thật, *“thì chỉ có cách là phải dứt bỏ hoàn toàn những tai họa do hý luận”*: phương pháp duy nhất là phải khéo léo diệt trừ những lỗi lầm của hý luận, để đạt được công đức viên mãn cứu cánh. *“Đây gọi là không hý luận”*: như vậy gọi là không hý luận.

A3. Phần Lưu Thông (bốn phần)

B1. Khuyến tu và lưu thông

B2. Chứng quyết và lưu thông

B3. Dứt trừ nghi hoặc và lưu thông

B4. Dặn dò và lưu thông

Hiện tại là B1

Phần kinh văn trước được gọi là phần Chính Tông, còn phần sau là phần Lưu Thông. Từ đoạn kinh văn dưới đây cho đến cuối cùng, được gọi là phần Lưu Thông. Vậy phần Lưu Thông là gì? ‘Lưu’ giống như dòng nước chảy, nơi nào thấp hơn thì nước sẽ chảy về đó. ‘Thông’ nghĩa là thông suốt không trở ngại, dù đến đâu cũng không gặp phải chướng ngại, đó gọi là phần Lưu Thông. Nó giống như Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc, điều này gọi là lưu thông đến Trung Quốc. Rồi từ Trung Quốc truyền sang Nhật Bản, đó gọi là lưu thông đến Nhật Bản. Từ Nhật Bản lại lưu thông sang các quốc gia

khác, điều này cũng gọi là lưu thông. Cũng có lưu thông đến Xiêm La (Thái Lan), Miến Điện (Myanmar), và Tích Lan (Sri Lanka), tất cả đều gọi là lưu thông. Nói tóm lại, Phật pháp đến bất kỳ nơi nào, điều đó đều gọi là lưu thông. Vì vậy trong Phật giáo có những nơi gọi là xứ kinh Phật lưu thông, cũng được gọi là lưu thông. Loại lưu thông này giống như nước, chảy khắp nơi và cuối cùng hợp lại ở biển. Phật pháp lưu thông khắp thế giới và quy về quốc gia nào mà Phật pháp phát triển thịnh vượng nhất, điều này gọi là lưu thông.

Kinh văn

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, u chư công đức thường đương nhất tâm, xá chư phóng dật, như ly oán tặc, đại bi Thế Tôn sở dục lợi ích, giai dĩ cứu cánh. Nhữ đẳng đản đương cần nhi hành chi, nhược u sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thọ hạ, nhàn xứ tịnh thất, niệm sở thọ pháp, vật lịnh vọng thất, thường đương tự miễn tinh tấn tu chi, vô vi không tử, hậu chi hữu hối. Ngã như lương y, tri bệnh thuyết dược, phục dữ bất phục, phi y cứu dã, hựu như thiện đạo, đạo nhân thiện đạo, văn chi bất hành, phi đạo quá dã.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo! Đối với các công đức thường phải một lòng chuyên nhất, từ bỏ mọi sự buông thả như tránh xa kẻ thù ác độc. Đức Thế Tôn Đại Bi tuyên nói những điều lợi ích tất cả đều là chỗ cứu cánh. Các ông cần siêng năng mà thực hành theo. Dù ở trong núi sâu, hay đồng hoang, dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, hoặc tịnh thất, hãy ghi nhớ những pháp đã thọ nhận, đừng để quên mất. Luôn tự khích lệ mình, tinh tấn mà tu hành, đừng để chết một cách vô ích, để rồi sau này phải hối tiếc. Ta chỉ như một vị lương y, biết bệnh mà kê thuốc, uống hay không uống thì không phải lỗi của thầy thuốc. Lại như một người dẫn đường tốt, chỉ đường thiện cho người khác, nếu nghe mà không đi theo, thì đó chẳng phải lỗi của người dẫn đường.

Giảng giải

“*Các thầy Tỳ-kheo*”: ở đây vẫn là bao gồm tất cả chúng sinh. “*Đối với các công đức*”: đối với tất cả các công đức, “*thường phải một lòng chuyên nhất*”: luôn luôn phải một lòng giữ gìn chính niệm của mình để hộ trì những công đức này. “*Từ bỏ mọi sự buông thả*”: đừng để tâm trí luôn chạy theo sự buông thả. Buông thả là làm mọi việc tùy tiện, muốn đi đây đi đó để chơi đùa, giống như trẻ con. Ví như khi quý vị đang giảng Phật pháp cho chúng, chúng lại nói rằng: ‘con muốn đi chơi cơ’. Điều đó chính là sự buông thả. “*Như tránh xa kẻ thù ác độc*”: hãy coi sự buông lung như là phải tránh xa kẻ thù ác độc, không được buông lung và không được có những trò đùa giỡn vô bổ.

“*Đức Thế Tôn Đại Bi*”: Thế Tôn Đại Bi là Phật, “*tuyên nói những điều lợi ích*”: những lợi ích Ngài đã giảng dạy. “*Tất cả đều là chỗ cứu cánh*”: tất cả những điều Ngài đã nói đều là đến chỗ rốt ráo, nói đến chỗ tốt nhất. “*Các ông cần siêng năng mà thực hành theo*”: quý vị nên siêng năng tu trì giới, định, tuệ để diệt trừ tham, sân, si. “*Dù ở trong núi sâu*”: hoặc ở trong núi sâu hay khe hẻm, “*hay đồng hoang*”: hoặc ở nơi hoang dã, đồng trống, “*dưới gốc cây*”: hoặc ở dưới gốc cây, “*nơi vắng vẻ, hoặc tịnh thất*”: hoặc ở chỗ vắng vẻ, hoặc trong tịnh thất. “*Hãy ghi nhớ những pháp đã thọ nhận*”: đừng quên những gì quý vị đã học và tiếp nhận từ Phật pháp. “*Đừng để quên mất*”: đừng để mất đi những điều đã học, mọi pháp đã học đừng để quên. “*Luôn tự khích lệ mình, tinh tấn mà tu hành*”: lúc nào cũng phải tự khích lệ mình, tự mình cố gắng tu hành tốt. “*Đừng để chết một cách vô ích, để rồi sau này phải hối tiếc*”: đừng để thời gian trôi qua vô ích, đợi đến lúc chết mới hối tiếc, khi đó hối hận cũng không còn tác dụng gì nữa.

“*Ta chỉ như một vị lương y*”: Phật nói, ta giống như một vị lương y giỏi. “*Biết bệnh mà kê thuốc*”: biết bệnh của chúng sinh, kê thuốc cho chúng sinh, đưa thuốc cho họ uống. “*Uống hay không uống thì không phải lỗi của thầy thuốc*”: Phật đã

cho quý vị thuốc, quý vị có thể uống hoặc không uống, đó không phải lỗi của thầy thuốc, mà là chuyện của quý vị. *“Lại như một người dẫn đường tốt”*: lại giống như người giỏi dẫn đường, làm người dẫn lối cho người khác, *“chỉ đường thiện cho người khác”*: dẫn dắt người đó đi theo con đường thiện. *“Nếu nghe mà không đi theo”*: quý vị đã nghe về pháp, nhưng không thực hành, *“thì đó không phải lỗi của người dẫn đường”*: đó không phải là lỗi của người dẫn đường, mà là do quý vị không thực hành.

Tôi lại nói với quý vị, từ hôm nay trở đi, vào lúc ăn trưa, tốt nhất mọi người đừng nói chuyện, hãy ăn từ từ, nhai kỹ rồi mới nuốt, như vậy mới dễ tiêu hóa. Nếu vừa ăn vừa nói chuyện, sẽ vội vàng nuốt thức ăn, điều đó rất khó để tiêu hóa. Tôi nói điều này có cơ sở khoa học, không phải nói bừa. Chúng ta là ăn cơm, không phải ăn lời nói. Nếu vừa ăn vừa nói chuyện lung tung, cơ thể sẽ không muốn làm việc, nó không muốn làm việc thì cũng sẽ không tiêu hóa được. Dạ dày chúng ta không tiêu hóa được, thì thức ăn cũng không thể hấp thụ. Thức ăn không được hấp thụ, quá trình trao đổi chất sẽ gặp vấn đề. Vậy nếu không nói chuyện thì sao? Những bộ phận bên trong sẽ hoạt động rất tốt, vì vậy điều này có mối quan hệ rất lớn đến việc giữ gìn vệ sinh.

Do đó, người xưa nói: ‘Thực bất ngữ, quân tử tự trọng’ - ăn cơm không nói chuyện, đó là cách người quân tử tự tôn trọng chính mình. ‘Tâm bất ngôn, cổ nhân lương quy’ - khi nằm ngủ cũng không nên nói chuyện, vì nằm mà nói thì sẽ không ngủ được. Khi nằm không nói chuyện, có thể niệm Phật. Khi niệm Phật, ánh sáng của Phật sẽ chiếu rọi lên quý vị, nên buổi tối đi ngủ cũng không nên nói chuyện, đây đều là những quy tắc rất tốt. Nhưng con người chúng ta lại rất kỳ lạ, càng dạy họ giữ quy tắc, họ càng không muốn tuân theo. Nếu quý vị không nói với họ rằng không nên nói chuyện khi ăn, họ sẽ không nói; nhưng nếu quý vị nhắc họ rằng ăn cơm không được nói chuyện, thì họ lại nhất định phải nói, con người có

tính kỳ quặc như thế. Buổi tối khi ngủ không nên nói chuyện, nhưng họ lại cứ muốn nói, thậm chí nằm mơ cũng phải nói.

Ở đâu cũng phải tu hành, ở đâu cũng phải hồi quang phản chiếu. Ví dụ như khi chúng ta tụng kinh, dâng hương, không phải là tranh giành để lên trước dâng một nén hương thì sẽ có công đức. Việc tốt nên nhường cho người khác. Mỗi ngày dâng hương, nhiều nhất chỉ cần ba người là đủ, không cần nhiều hơn, và cũng không cần lần nào cũng là mình giành lên trước. Phải thay phiên, lần trước ai chưa dâng hương thì lần này để người đó dâng, không nên cứ mãi tranh giành dâng hương. Nếu quý vị tranh giành dâng hương, Phật sẽ nghĩ: ‘Người này còn học Phật được sao! Nhìn xem, tham lam đến mức phải tranh giành dâng hương’. Việc dâng hương, người ta thường nhường cho nhau, còn quý vị thì lại tranh. Vì vậy, điều này ai cũng cần phải hiểu, không nên tranh giành dâng hương. Nếu quý vị tranh giành dâng hương, Bồ Tát nhìn thấy sẽ nghĩ: Ôi, quý vị như đang đánh nhau, tranh giành với người khác để dâng hương, việc đó không có công đức. Chúng ta niệm Phật, tụng kinh đều phải nghiêm túc, kính cẩn, không được làm qua loa, điều này mọi người đều phải chú ý.

Còn nữa, những người tin Phật không nên lúc nào cũng không buông bỏ được tiền bạc. Ban ngày thì nghĩ làm thế nào để phát tài, ban đêm thì lại nghĩ làm thế nào để làm quan, lúc nào cũng nghĩ đến những chuyện này, như vậy là không được. Vì vậy, sau này khi mọi người học Phật, nghiên cứu Phật pháp, đừng hôm nay nhờ người này xem tứ trụ, ngày mai nhờ người kia xem tứ trụ, ngày một lại mời người khác xem phong thủy. Đừng làm như vậy. Nếu quý vị thật sự có đức hạnh, thì mọi chuyện đều sẽ tốt đẹp; nếu không có đức hạnh, dù xem tứ trụ hay bát tự cũng không có ích gì, thậm chí là xem “cửu tự” cũng không có tác dụng. Xem phong thủy cũng vậy, nếu không có đức hạnh, thì dù có ở nơi tốt cũng không thể chịu đựng nổi và cũng không đạt được điều gì, vì quý vị không có đức hạnh, không thể gánh vác được.

Tại sao lại có những người như thế xuất hiện? Lại có người xem tứ trụ, xem bói, xem phong thủy, tất cả những điều này là để thử thách quý vị, cho quý vị một bài kiểm tra ngay trước mắt. Xem khi quý vị gặp phải tình cảnh đó, liệu quý vị có động tâm hay không, có phải vẫn là một người mê tiền không? Có phải vừa nghe nói đến chuyện phát tài là quý vị liền chạy theo đồng tiền không? Đây là để xem quý vị có định lực hay không.

Tất cả đều là thử thách, xem sẽ xử lý ra sao,

Nếu đối diện với hoàn cảnh mà không nhận biết, thì cần phải luyện lại từ đầu.

Quả Đức, con cần chú ý tu dưỡng đức hạnh, đừng mãi bận tâm đến con cháu. ‘Con cháu tự có phúc của con cháu, đừng vì con cháu mà làm trâu ngựa’. Con đã nuôi dưỡng chúng lớn khôn, chúng muốn đi đâu thì cứ để chúng đi! Tại sao lại không buông bỏ được như vậy? Chúng rời đi rồi, đó là giải thoát cho con; giải thoát là để con có thể tu hành thật tốt. Con vẫn chưa nhận ra điều đó, còn khóc lóc, than trời trách đất. Đừng như vậy! Phải có chí khí lên. Con cái rời đi, ai muốn đi thì cứ để họ đi. Chúng muốn chạy, thì để chúng chạy! Chỉ sợ là chúng không có chỗ nào để đi. Đừng yếu đuối, mềm yếu, không có chí tiên thủ, phải có chí khí mạnh mẽ lên!

B2. Chứng quyết và lưu thông

Phiên âm

Nhữ đẳng nhược ư, khổ đẳng tứ đế, hữu sở nghi giả, khả tạt vấn chi, vô đắc hoài nghi, bất cầu quyết dã. Nhữ thời Thế Tôn như thị tam xướng, nhân vô vấn giả. Sở dĩ giả hà chúng vô nghi cố. Thời A-nậu-lâu-đà, quán sát chúng tâm nhi bạch Phật ngôn, Thế Tôn! Nguyệt khả lịnh nhiệt, nhật khả lịnh lãnh, Phật thuyết tứ đế, bất khả lịnh di, Phật thuyết khổ đế thật khổ, bất khả lịnh lạc, tập chân thị nhân, cánh vô di nhân, khổ nhược diệt giả, tức thị nhân diệt, nhân diệt cố quả diệt, diệt

khổ chi đạo, thật thị chân đạo, cánh vô dư đạo. Thế Tôn! Thị chư Tỳ-kheo, ư tứ đế quyết định vô nghi.

Dịch nghĩa

Như các ông nếu đối với pháp Tứ Đế như Khổ Đế, có điều nghi ngờ thì hãy mau chóng hỏi, chớ nên ôm giữ nghi ngờ mà không cầu giải đáp. Khi ấy, Thế Tôn đã ba lần nói như vậy, nhưng không ai đặt câu hỏi. Vì sao như vậy? Vì đại chúng không còn gì nghi ngờ nữa. Lúc đó, tôn giả A-nậu-lâu-đa quán sát tâm ý của đại chúng và bạch Phật rằng: 'Bạch Thế Tôn, mặt trăng có thể trở nên nóng, mặt trời có thể khiến cho cho lạnh, nhưng lời Phật dạy về pháp Tứ Đế không thể sai khác. Phật nói Khổ Đế là thật sự khổ, không thể làm thành vui. Tập thật sự là nhân, không có nhân nào khác. Nếu khổ diệt thì nhân cũng diệt, chính vì nhân đã diệt thì quả cũng diệt. Đạo diệt khổ thực là đạo chân chính, không còn con đường nào khác. Bạch Thế Tôn, các vị Tỳ-kheo đối với pháp Tứ Đế đều hoàn toàn không có nghi ngờ.

Giảng giải

‘Chứng quyết lưu thông’, chứng là chứng minh, chứng minh đã quyết định, không còn gì để nghi ngờ nữa. Pháp này nên được truyền bá ra khắp thế giới, do đó gọi là ‘phần chứng quyết lưu thông’, đây là phần thứ hai trong lưu thông phần.

“*Như các ông*”: Phật nói rằng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na-ni, đây là bảy chúng đệ tử. “*Nếu đối với pháp Tứ Đế như Khổ Đế*”: các ông đối với những pháp môn mà ta đã giảng trước đây về khổ, tập, diệt, đạo, “*có điều nghi ngờ*”: nếu có điều gì nghi ngờ, “*thì hãy mau chóng hỏi*”: bây giờ mau hỏi đi.

Trong khổ, tập, diệt, đạo, thì khổ có ba loại khổ: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ; lại còn có tám loại khổ, đó là: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ (khổ vì yêu mà phải chia ly), oán tăng hội khổ (khổ thù oán mà phải gặp nhau), cầu bất đắc khổ (khổ vì cầu không được), ngũ ấm xí thịnh khổ

(khô vì năm âm phát triển quá mức). Nếu nói rộng ra thì có vô số khổ, vô lượng vô biên khổ, nhiều đến mức không nói hết được. Vì vậy, thế giới này là một thế giới đầy rẫy những khổ đau chồng chất, và cũng tràn ngập những điều ác. Nếu chúng ta hiểu rằng thế giới này là nơi chứa đựng vô vàn khổ đau, thì chúng ta sẽ không còn lưu luyến gì với nó nữa. Biết rằng nó đầy rẫy những điều ác, chúng ta nên thực hiện mọi việc thiện, không làm điều ác, làm mọi điều tốt lành, với hy vọng thay đổi thế giới đầy ác nghiệp này. Khổ nhiều không dứt, thì nói với ai đây? Nói với ai về nỗi khổ này? Không có ai để nói cả. Vì vậy, khi đối diện với hoàn cảnh thực tại, với môi trường khổ đau này, chúng ta nên chấp nhận nó. Câu nói: 'Chịu khổ là dứt khổ, hưởng phúc là tiêu phúc'. Nếu chúng ta không có lòng tham, thì cũng không có khổ. Bởi khổ bắt nguồn từ tham mà ra.

Cái gọi là 'khổ khổ' chính là nỗi khổ trong khổ, khổ chồng lên khổ, và khổ bao gồm vô số không cùng tận. Thế nào gọi là khổ khổ? Ví dụ, một người nghèo đến mức không có quần áo mặc, không có cơm ăn, không có nhà để ở, chỉ có một căn nhà gỗ tồi tàn. Cuộc sống như vậy đã rất khổ rồi, nhưng lại gặp phải một cơn bão lớn. Cơn bão này đến, cuốn bay hết căn nhà gỗ, thổi lên trời, thổi vào không trung. Vốn dĩ sống trong căn nhà gỗ đã rất khổ rồi, nay lại thêm bão lớn, mưa lớn, khiến căn nhà cũng bị cuốn trôi. Không có quần áo để mặc, không có cơm ăn, cũng không còn chỗ để ở, đây chính là khổ trong khổ.

Thế nào là hoại khổ? Khổ khổ là nỗi khổ của nghèo khó, còn hoại khổ là nỗi khổ của giàu sang. Người giàu có phải không có khổ không? Cũng không phải, vì giàu sang cũng sẽ bị hư hoại, biến mất. Có rất nhiều tiền, tài sản cũng nhiều, nhưng có thể bị hỏa hoạn thiêu rụi hết căn nhà, tiền bạc cũng mất hết, đây gọi là hoại khổ. Giàu sang cũng có hoại khổ.

Vậy nói rằng, nếu tôi không có nỗi khổ của nghèo khó, cũng không có hoại khổ của giàu sang, thì tôi không còn khổ nữa phải không? Không phải vậy, vẫn còn khổ, đó là khổ gì? Là hành khổ. 'Hành khổ' là sự biến đổi từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến

già, từ già đến chết, từng niệm, từng giây đều trôi qua, không ngừng biến đổi. Lúc nào cũng khởi lên nhiều vọng tưởng, luôn cảm thấy không thỏa mãn, cả cuộc đời đầy phiền não và khổ đau, đây gọi là hành khổ. Trên đây chính là ba loại khổ.

Còn có tám sự khổ, một trong tám sự khổ là 'sinh khổ'. Khi một người được sinh ra, giống như con rùa sống bị lột vỏ, một con rùa sống bị lột vỏ thì cực kỳ đau đớn. Vì vậy, khi trẻ sơ sinh vừa chào đời, liền khóc ngay. Tại sao lại khóc? Chính là vì cảm thấy đau đớn, nên mới cất tiếng khóc. Đó là sinh khổ.

'Già khổ' là nỗi khổ của tuổi già. Người già, mắt mờ đi, nhìn mọi thứ không còn rõ ràng; tai cũng bị điếc, không còn nghe rõ, như thể muốn đình công. Khi mắt mờ, tai điếc, răng cũng không còn giúp ích nữa, răng cũng muốn nghỉ hưu. Răng nói: 'Mắt đã nghỉ hưu, tai cũng nghỉ hưu, tuy tôi cứng cáp như vậy, nhưng cũng không còn tốt lắm, nên tôi cũng nghỉ hưu', thế là răng cũng rụng. Tóc cũng bạc trắng, 'dần dần da nhăn tóc bạc', lúc đó da mặt nhăn nheo như da gà, còn tóc thì trắng như lông của con hạc. 'Nhìn bước đi loạng choạng', già đến mức mắt, tai, răng đều nghỉ hưu, chân cũng muốn nghỉ hưu. Hai chân vốn muốn bước về phía trước, nhưng lại lùi ra sau, đi vòng quanh. Khi đi bộ, chân cứ vẽ vòng tròn — bên trái một vòng, bên phải một vòng, đi thành những vòng tròn.

Vậy vẽ vòng tròn này, cũng có nghĩa là con số đó rất lớn — hàng triệu! Hàng triệu! Hàng triệu! (million) không biết có bao nhiêu triệu! Khi đi đường còn vẽ những vòng tròn, có lẽ là vì tiền gửi trong ngân hàng quá nhiều, dùng tay viết không kịp, nên phải dùng chân vẽ vòng tròn trên mặt đất. Đôi chân cũng không còn nghe lời nữa, quý vị bảo nó đi, nó cũng lười biếng. 'Nhìn bước đi loạng choạng', loạng choạng có nghĩa là vừa đi vừa vẽ vòng tròn.

‘Dầu vật báu đầy nhà’, thế nhưng lúc này, quý vị...

Vàng bạc chất thành núi, nhắm mắt đều buông xuôi,

Tay không gắp Diêm Chúa, hối hận lệ tuôn rơi.

Lúc này chẳng khác gì cá nhảy lên nhảy xuống trong nước,
Cá nhảy trong nước, người gây náo loạn ở đời,
Không biết làm điều thiện, tổn đức mà tạo nghiệp.

Người ở đời gây náo loạn, sống trên đời giống như đang đùa giỡn, làm nhiều điều ngu dốt, nhưng lại tự làm luật sư bào chữa cho mình, nói rằng đó không phải lỗi của mình. Rõ ràng đã làm sai, nhưng vẫn tự biện hộ cho bản thân, nên mới nói người đời gây náo loạn, cứ chửi người, cãi vã. Không biết làm việc thiện, không biết tạo đức. Tổn hại lương tâm mà tạo nhiều nghiệp chướng. Vì vậy mới nói ‘Vàng bạc chất thành núi’: vàng bạc chất đống như núi cao. ‘Nhắm mắt đều buông xuôi’: tay không mà đến, tay không mà đi, mắt vừa nhắm, chân vừa duỗi, thì chẳng còn gì cả. Núi vàng cũng không đi theo, núi bạc cũng chẳng mang theo, chỉ có nghiệp chướng là theo bên mình, nghiệp chướng ấy nhất định sẽ theo đến cùng.

‘Tay không gặp Diêm Chúa’: hai tay trống không đi gặp Diêm Vương, lúc đó hối hận cũng đã muộn. ‘Hối hận khiến lệ tuôn rơi’, Diêm Vương nói: "Bây giờ các người khóc cũng vô ích, đã quá muộn rồi". Người ta thường nói, hối hận thì đã muộn, quý vị nhìn xem, khi bước đi chậm chạp, khó khăn biết bao.

Dù cho vàng ngọc đầy nhà, sao tránh khỏi suy tàn khổ đau?
Dẫu có ngàn điều vui sướng, vô thường cuối cùng cũng tới.
Chỉ có con đường tu hành, niệm Phật A Di Đà.

Nếu quý vị có thể thường niệm "Nam mô A Di Đà Phật", thì sẽ được vãng sinh đến cõi Cực Lạc.

Người già luôn rất khổ, con người một khi già đi thì sẽ chịu nhiều đau khổ. Nhưng điều đáng sợ hơn khi già là mắc bệnh, mắc đủ thứ bệnh. Đau đầu không thể chịu nổi, hoặc đau mắt, hoặc đau mũi, hoặc đau răng, hoặc đủ loại đau đớn khác nhau. Có nhiều nỗi đau như vậy thì sinh ra nhiều phiền muộn, vì thế bệnh tật cũng là khổ. Nhưng khổ do bệnh tật chưa

nghiêm trọng bằng khổ khi chết, khi chết thì đau đớn như bò sống bị lột da, bò còn sống mà da đã bị lột đi, quý vị thử nghĩ xem con bò đau đớn đến mức nào? Vì vậy, sinh, lão, bệnh, tử, tất cả đều là khổ. Đức Phật thấy được bốn nỗi khổ sinh, lão, bệnh, tử nên ngài phát tâm tu đạo, từ bỏ ngai vàng, thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

Ái biệt ly khổ. Còn có nỗi khổ của yêu nhưng xa cách, nam nữ yêu nhau nhưng vì một nhân duyên đặc biệt nào đó mà bắt buộc phải chia xa, nỗi đau này không thể diễn tả hết bằng lời, đây gọi là khổ vì yêu xa cách. Không muốn rời xa, nhưng nhất định phải xa nhau, lúc này tình cảm khó cắt đứt, không nỡ lìa xa, vô cùng dằn vặt, đây chính là khổ vì yêu phải xa cách.

Oán tắng hội khổ. Nỗi khổ của oán hận gặp gỡ; oán là khi quý vị không ưa một người, ghét người đó, muốn rời xa họ đến một nơi khác. Nhưng khi đến nơi khác, lại gặp một người tương tự như vậy. Càng không thích gặp người đó, lại càng gặp phải, đúng là oan gia ngõ hẹp. Vốn dĩ muốn tránh khỏi tình cảnh này, nhưng vừa quay lưng đã gặp lại, thật kỳ lạ, đây gọi là khổ vì oán hận gặp gỡ. Càng không vui với điều gì, lại càng dễ chạm phải nó.

Cầu bất đắc khổ. Còn có nỗi khổ cầu không được, những gì quý vị mong muốn, tham lam, luôn không thể đạt được, không thể thỏa mãn nguyện vọng của mình, quý vị nói điều đó có khổ không? Đây chính là khổ vì cầu không được.

Ngũ âm xí thịnh khổ. Lại có nỗi khổ của năm uẩn thịnh vượng, năm uẩn chính là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn như một đồng lửa, thiêu đốt con người đến mức điên đảo, mê muội, nên đây cũng là khổ. Những điều trên là tám nỗi khổ, nếu nói chi tiết hơn, khổ có vô lượng vô biên sự khổ, nói cũng không hết, giảng cũng không cùng.

‘Tập’ nghĩa là tập hợp lại, tập hợp cái gì lại với nhau? Tập hợp các hạt giống của phiền não lại với nhau, vì vậy mà

phải chịu khổ. Khổ và Tập — Tập chính là nguyên nhân của khổ, còn khổ chính là quả của Tập, đây là pháp của thế gian. Khổ do Tập mà hợp lại, tạo thành một quả. Còn ‘Đạo’ là nhân để xuất thế, ‘Diệt’ là quả của xuất thế. Pháp Tứ Diệu Đế này là nhân quả của thế gian và nhân quả của xuất thế.

Khi Đức Phật vừa thành Phật, ngài đến vườn Lộc Uyển để chuyển pháp luân Tứ Diệu Đế cho năm vị Tỳ-kheo. Giờ đây, khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, ngài lại hỏi tất cả các đệ tử thuộc bảy chúng rằng có ai còn nghi ngờ gì về pháp Tứ Diệu Đế không, nếu có thì phải nhanh chóng hỏi pháp, xin pháp. Vì vậy, mỗi ngày sau khi giảng kinh xong, tôi đều hỏi các quý vị có thắc mắc gì không, cũng là vì ý này, xem thử những gì quý vị chưa hiểu liệu đã hiểu chưa. Nếu quý vị không hiểu mà không hỏi, thì sẽ mãi mãi không hiểu được. Do đó, những đạo lý quý vị chưa hiểu, phải nhanh chóng hỏi. "Chúng quyết" là chúng mình rằng pháp Tứ Diệu Đế là chân thật không hư dối, vì vậy mỗi người đều nên đưa ra câu hỏi của mình để hỏi. Cho nên Đức Phật nói: *“hãy nhanh chóng hỏi đi”*, quý vị phải nhanh chóng hỏi, nhanh chóng thảo luận.

Chúng ta cần bảo vệ đạo tràng, ai có tiền góp tiền, ai có sức góp sức, mọi người cùng chung tay xây dựng đạo tràng của Phật. Mọi người đều có chung một mục tiêu, có một nơi trở về, vì vậy điều này rất quan trọng. Tôi vì không thường ở đây, nếu tôi thường ở đây, tôi cũng có thể làm việc. Ở Vạn Phật Thánh Thành, tôi cũng thường làm việc, hiện tại tượng Bồ Tát Quán Âm cao mười sáu thước sắp được khai quang. Khi tượng được khai quang, Bồ Tát Quán Âm sẽ phóng hào quang, ai đến tham gia lễ khai quang đều có thể nhận được hào quang của Phật chiếu rọi. Vậy nếu quý vị không đến được thì sao? Chỉ cần có lòng thành, hào quang đó cũng có thể chiếu đến quý vị, chỉ cần quý vị thành tâm là đủ. Năm nay, hệ thống sưởi ấm của Vạn Phật Thánh Thành cũng đã hoạt động, sau bao năm tiếp nhận, chúng tôi vẫn sống những ngày không có sưởi ấm, hôm nay hệ thống sưởi ấm đã hoạt động, mỗi tháng

có thể phải chi khoảng hơn ba mươi ngàn đô la Mỹ tiền nhiên liệu. Vào ngày 4 tháng 11 năm nay, khi Bồ Tát Quán Âm khai quang, hy vọng quý vị có thể sắp xếp thời gian tham dự lễ khai quang dù bận rộn. Ngoài ra, đạo tràng ở Los Angeles cũng cần phải được chỉnh đốn lại. Sau khi chỉnh đốn xong, nếu kịp, có thể khai trương vào mùa xuân năm sau.

Có thể nói đây là một thế giới cầu pháp, bởi vì khi tôi ra ngoài, một mặt là giảng pháp cho người khác, một mặt là cầu pháp từ tất cả mọi người, nên cũng có thể nói rằng đó là đi khắp nơi để học hỏi, ví dụ như học hỏi từ các vị đại đức cao tăng ở Malaysia. Mọi sự việc nếu quý vị nghĩ theo hướng tốt thì nó sẽ tốt; nếu quý vị nghĩ theo hướng xấu thì nó sẽ xấu, cái gọi là “tất cả đều do tâm tạo” chính là như vậy. Ví dụ, Vạn Phật Thánh Thành khổ như thế, nhưng cư sĩ Văn đến đây lại cho rằng đó là niềm vui, nói rằng Vạn Phật Thánh Thành rất vui. Còn có một số người khác đến đây, họ lại cảm thấy đó là khổ. Vì vậy, chúng ta biết rằng con người rất dễ bị cảnh giới xoay chuyển, mà không dễ xoay chuyển được cảnh giới. Nếu chúng ta có thể xoay chuyển cảnh giới, thì nơi không tốt cũng cảm thấy tốt; nếu không thể xoay chuyển cảnh giới, thì nơi tốt cũng cảm thấy không tốt. Cho nên Đại sư Vĩnh Gia nói rằng, nếu quý vị đắc đạo rồi, ‘dẫu gặp lưỡi đao cũng vẫn thản nhiên, ngay cả thuốc độc cũng thấy bình thản’. Đây chính là đạo lý ‘tất cả đều do tâm tạo’.

Những gì trong lòng các con còn nghi ngờ, những vấn đề không thể giải quyết, có thể nhanh chóng đến hỏi ta ngay bây giờ. Tại sao vậy? Vì ta sắp nhập Niết-bàn, nếu các con không hỏi ngay bây giờ thì sau này sẽ không có cơ hội hỏi nữa. Khi ta đã nhập Niết-bàn, các con sẽ không bao giờ có thể giải quyết được những vấn đề của mình, và sự nghi ngờ sẽ luôn còn mãi. Nếu bây giờ các con biết nắm bắt cơ hội này mà hỏi ta, thì có thể giải quyết được những nghi vấn trong lòng. Vì vậy Phật mới nói “*chớ nên ôm giữ nghi ngờ*”: đừng giữ lại những suy nghĩ nghi ngờ mà không hỏi, “*mà không cầu giải*

đáp”: không cầu giải quyết nghi vấn, không tìm cách để giải đáp những thắc mắc của mình.

“*Khi ấy, Thế Tôn*” - vào thời điểm đó, Thế Tôn (Đức Phật), “*đã ba lần nói như vậy*” - Ngài đã hỏi ba lần như vậy. Đây là ba lần ‘Yết ma’, nói ba lần, nên gọi là ba lần tuyên bố. “*nhưng không ai đặt câu hỏi*” - Đức Phật hỏi mọi người có ai còn câu hỏi gì không, nhưng tất cả đều đã hiểu rõ về pháp Tứ Diệu Đế, nên không còn ai hỏi thêm điều gì. “*Vì sao như vậy?*” - Nguyên nhân là gì? “*Vì đại chúng không còn nghi ngờ gì nữa*”: vì trong pháp hội lúc đó, mọi người đều không còn nghi ngờ gì nữa, những khúc mắc trong lòng đều đã được giải quyết, nên không ai có điều gì để thỉnh hỏi thêm.

“*Lúc bấy giờ tôn giả A-nậu-lâu-đa*” - vào lúc này, có một đệ tử của Phật tên là A-nậu-lâu-đa, còn gọi là A-nan-luật hoặc A-[Thiếu Miễn] lâu-đa. Đây đều là các cách dịch khác nhau của cùng một tên. Do tiếng Phạn dịch sang tiếng Hoa, mỗi vị pháp sư dịch âm có chút khác biệt, nên chữ viết có khác nhau một chút, nhưng đều chỉ là cùng một người.

Vị tôn giả này, quý vị đoán xem thế nào? Ngài ấy rất thích ngủ. Hễ Phật giảng pháp, ngài lại ngủ; nếu không giảng pháp, thì ngài không ngủ. Cứ hễ Phật vừa giảng pháp là ngài liền chìm sâu vào giấc ngủ, như nhập vào tam muội ngủ vậy. Phật thấy vị đệ tử này như vậy, liền lớn tiếng quở trách: ‘Đáng trách, sao lại ngủ!’: ‘Đáng trách’ là lời trách mắng, nói rằng: ‘Người đó, người đó, sao lại ngủ như thế? Sớm cũng không ngủ, tối cũng không ngủ, nhưng vừa nghe pháp là người lại ngủ’. Rồi còn nói thêm ‘Giống như các loài ốc, sò’: người giống như loài ốc biển, các loài sinh vật biển nhỏ, hoặc là sò, hay các loài ngao, sò hén dưới biển, giống như vậy đó.

‘Một giấc ngủ dài ngàn năm’: con sò, con hén nằm trong vỏ của nó, ngủ say đặng đặng ngàn năm không tỉnh. ‘Không nghe đến tên Phật’: đến cả tên của Phật cũng không nghe được. Đây chính là nói về nghiệp chướng quá nặng, cũng giống như hôm nay cư sĩ Văn nói về ‘ma ngủ,’ là loại ma ngủ

đến giúp anh ta chìm vào giấc ngủ. Và tôn giả cũng không muốn xua đuổi ma ngủ này, cũng không muốn chiến đấu với nó, cho nên khi Phật vừa giảng pháp, ngài liền ngáy khò khò như sấm, làm cho tiếng giảng pháp của Phật cũng bị che lấp, khiến mọi người không nghe được Phật nói gì, chỉ nghe tiếng ngáy của A-nậu-lâu-đà như tiếng sấm vang.

Vì thế, Phật quả trách ngài, khiến ngài sinh lòng hổ thẹn sâu sắc, liền đứng yên ở đó mà không ngủ, cứ đứng như vậy suốt bảy ngày. Quý vị nghĩ xem, ngài có thành tâm không? Ở đây có ai có thể đứng suốt bảy ngày không? Ngài đứng ở đó bảy ngày không ngủ, đến nỗi đôi mắt bị mù. Tuy nhiên, dù mắt bị mù nhưng ngài lại đạt được thiên nhãn thông, khai mở ngũ nhãn. A-nậu-lâu-đà có thiên nhãn là bậc nhất, có thể nhìn thấy hết thấy bụi cỗi trong tam thiên đại thiên thế giới, mọi vật thô tế như thể đang nhìn trái Am-ma-la trong lòng bàn tay, rõ ràng từng chút, không sai sót. Sau khi đạt được thiên nhãn thông, ngài có thể quan sát nhân quả, thấy rõ tám trăm đại kiếp trước và tám trăm đại kiếp sau, hiểu rõ nhân duyên trong đó.

A-nậu-lâu-đà, dịch ra tiếng Trung nghĩa là ‘Vô Bần’. Tại sao gọi là Vô Bần? Vì ngài ấy vĩnh viễn không nghèo, đời đời kiếp kiếp đều giàu sang. Ngài ấy làm sao để được quả báo này? Bởi vì trong quá khứ, ngài ấy là một nông dân, làm ruộng trên đồng mỗi ngày. Mỗi sáng ngài ấy mang theo cơm đến đồng làm việc. Buổi sáng ăn ở nhà, buổi trưa thì ăn tại đồng, vì nếu về nhà ăn sẽ tốn rất nhiều thời gian, ngài ấy muốn tiết kiệm thời gian để làm việc nhiều hơn, nên ăn trưa ngay tại đồng. Ngày nọ có một vị Tỳ-kheo đến, vị xuất gia này là một Bích-chi Phật đã chứng quả. Thấy cơ duyên của A-nậu-lâu-đà đã đến, nên vị ấy đến xin cơm trưa của anh ấy.

Vị Bích-chi Phật này hiện thân gầy gò, lộ rõ xương cốt, trông như đã mấy ngày không có gì ăn. Ai nhìn thấy đáng vẻ đó đều sinh lòng thương xót. Ngài đến xin ăn vị nông dân này, nói rằng: ‘Tôi đã nhiều ngày không có gì ăn, xin ông khởi tâm

từ bi, bố thí cho tôi một bát cơm, nếu không có thể tôi sẽ chết đói mất’. Người nông dân nhìn thấy vị này thực sự rất đáng thương vì đói, liền nghĩ: ‘Ta nhin một bữa cũng không sao, nên bố thí cho vị Tỳ-kheo này!’ Thế là ngài ấy đem cơm trưa của mình bố thí cho vị Bích-chi Phật. Vì ngài ấy đã dâng cơm cho Bích-chi Phật nên trong suốt chín mươi chín ức đại kiếp sau đó, ngài ấy không chịu khổ nghèo khó, đời đời kiếp kiếp đều giàu sang, vì thế được gọi là "Vô Bần".

Vị tôn giả Vô Bần khi ấy cúng dường Bích-chi Phật, và được cho là đã cảm ứng được một việc như thế này: hôm đó ngài nhin đói, đem cơm cúng dường cho Bích-chi Phật, đến tối khi chuẩn bị về nhà thì có một con thỏ chạy đến. Con thỏ này nhảy đến và nhảy lên lưng ngài rồi không chịu xuống. Ngài liền cõng con thỏ đó về nhà, bảo vợ mình ra xem, thì phát hiện ra con thỏ đã biến thành một con thỏ vàng, là vàng thật. Sau khi bán con thỏ vàng này, ngài trở nên phát đạt, vì thế được gọi là “Vô Bần”. Thực ra còn rất nhiều câu chuyện khác nữa về ngài ấy, nhưng ở đây chỉ kể sơ qua để mọi người biết rằng công đức cúng dường Tam Bảo là không thể nghĩ bàn.

Thế nào gọi là “Bích-chi Phật”? Bích-chi Phật là bậc Thánh nhân chứng quả. Khi có Phật ra đời, người tu hành thành tựu được gọi là ‘Duyên Giác’; khi không có Phật ra đời, người tu hành thành tựu thì gọi là ‘Độc Giác’. Độc Giác cũng chính là Bích-chi Phật, tên đầy đủ là ‘Bích-chi-ca-la’. Nếu cúng dường một bữa cơm cho bậc Thánh Độc Giác này, sẽ nhận được quả báo lớn như vậy, nên người tại gia cần cúng dường Tam Bảo, chính là ý này. Nói ra thì điều này còn lời hơn buôn bán bất động sản, còn nhanh hơn việc xem phong thủy, cho nên điểm này mọi người cần hiểu rằng, cúng dường Tam Bảo mới thật sự là phong thủy tốt, thật sự là con đường may mắn vậy.

Do đó, mọi người cần hiểu rõ điều này, đừng mơ hồ mà cứ chạy theo những thứ nhỏ nhặt, cả ngày chạy đi không biết bao xa, rốt cuộc cũng chỉ là công cốc. Vị tôn giả Vô Bần phát

tài là như vậy, không cần ai xem bát tự hay coi phong thủy cho, mà chính tự thân ông đã phát đạt. Vì sao vậy? Chỉ bởi ông đã cúng dường cho Bích-chi Phật nên mới trở nên giàu có, và trong suốt chín mươi chín ức đại kiếp sau - thời gian dài không thể tưởng tượng - ông luôn có tiền bạc đầy đủ, do đó được gọi là tôn giả Vô Bản.

Vị Tôn giả Vô Bản này quan sát tâm lý của toàn thể đại chúng trong pháp hội, rồi bạch Phật rằng: *“Bạch Thế Tôn, mặt trăng có thể trở nên nóng”*: người tu hành đã đạt đạo có thể khiến mặt trăng trở nên nóng, mặc dù bản chất của mặt trăng là lạnh, mát mẻ, nhưng nhờ thần thông, họ có thể biến nó thành nóng. *“Mặt trời, có thể khiến cho lạnh”*. Mặt trời vốn nóng, nhưng nhờ có thần thông, họ cũng có thể khiến nó trở nên lạnh. Đây chính là việc đoạt lấy sự tạo hóa của trời đất, biến hóa vô cùng. Tại sao lại như vậy? Bởi vì người ấy có thần thông, và nhờ thần thông, họ có thể biến một tách trà thành lửa. Quý vị không tin ư? Chính là như vậy đấy, đừng không tin.

Nhờ có thần thông, vị ấy có thể thay đổi mọi thứ, ‘dời núi lấp biển, rắc đậu thành binh’. Dời núi, ngọn núi vốn ở New York, vị ấy có thể chuyển nó đến San Francisco hoặc Los Angeles. Một con sông nhỏ vốn chảy qua Los Angeles, vị ấy cũng có thể chuyển nó đến nơi khác. Thật là vi diệu không thể diễn tả được. Làm sao để chuyển dời? Ví dụ quý vị có một ngôi nhà ở Los Angeles không cần nữa, quý vị có thể chuyển nó sang một tiểu bang khác, rồi xây dựng lại một cái mới. Đó chẳng phải là dời chuyển sao? Nói đến dời núi lấp biển, vị ấy thậm chí có thể thay đổi hướng chảy của biển. Ví dụ dòng nước chảy về hướng Đông, vị ấy có thể làm cho nó chảy về hướng Tây. Mọi thứ đều theo ý muốn, biến hóa vô cùng, chỉ cần nghĩ gì là có thể làm được, nên gọi là ‘thần thông như ý’.

Có thể làm cho mặt trăng nóng, mặt trời lạnh, dùng thần thông có thể khiến mặt trăng trở nên nóng, cũng có thể khiến mặt trời trở nên lạnh. Ban đêm có thể biến thành ban ngày, ban ngày cũng có thể biến thành ban đêm. Ban đêm có thể nóng,

ban ngày có thể lạnh, nên thần thông là như vậy. Nhưng “*lời Phật dạy về pháp Tứ Đế*” - những lý lẽ của pháp Tứ Diệu Đế mà Phật giảng dạy thì “*không thể sai khác*”, không có cách nào thay đổi được, đó là chân lý nhất định, là sự thật chân chính, không thể sửa đổi, không ai có thể làm khác đi. “*Phật nói Khổ Đế*” - Phật đã giảng về Khổ Đế, “*là thật sự khổ, không thể làm thành vui*”: Phật đã nói rằng Khổ Đế là chân thật, loại khổ này có thể chuyển thành vui không? Không thể, nhất định là khổ, khổ hơn cả vị đắng của Hoàng liên, quý vị không thể nào thay đổi được hương vị của nó.

“*Tập thật sự là nhân*”: tập chính là nhân của khổ, tập hợp các phiền não lại thì đó là nhân của khổ. Khổ chính là quả của tập. “*Không có nhân nào khác*”: không có lý do nào khác, khổ là khổ, vui là vui. Tập hợp nhiều phiền não sẽ dẫn đến khổ, không có nguyên nhân nào khác, không có lý do nào khác biệt. “*Nếu khổ diệt*”: nếu khổ được diệt, “*thì nhân cũng diệt*”: nghĩa là nhân của khổ cũng đã diệt. “*Chính vì nhân đã diệt thì quả cũng diệt*”: bởi vì nhân của khổ đã diệt, nên quả của khổ cũng không còn nữa.

“*Đạo diệt khổ*”: diệt khổ có một phương pháp, phải tu tập phương pháp này, nếu không tu tập phương pháp này, thì khổ không thể diệt được. “*Thực là đạo chân chính*”: con đường diệt khổ này chính là con đường chân chính mà nên tu tập, “*không còn con đường nào khác*”: không có con đường nào khác có thể diệt khổ được. “*Bạch Thế Tôn, các vị Tỳ-kheo*”: nói đến tất cả các vị Tỳ-kheo. “*Đối với pháp Tứ Đế*”: hiện nay tất cả các Tỳ-kheo đối với pháp Tứ Đế, “*đều hoàn toàn không có nghi ngờ*”: không chút nghi ngờ nào, mọi người đều tin tưởng vào lý lẽ mà Phật đã giảng dạy.

B3. Dứt trừ nghi hoặc và lưu thông (ba phần)

C1. Làm rõ những nghi ngờ còn lại

C2. Để dứt trừ những nghi ngờ

C3. Nhắc lại vô thường của pháp hữu vi để khuyến tu hành

Bây giờ là phần C1

Phiên âm

Ư thử chúng trung, sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm, nhược hữu sơ nhập giả, văn Phật sở thuyết, tức giai đắc độ, thí như dạ kiến điện quang, tức đắc kiến đạo, nhược sở tác dĩ biện, dĩ độ khổ hải giả, đản tác thị niệm, Thế Tôn diệt độ, nhất hà tật tai.

Dịch nghĩa

Ở trong đại chúng, những người chưa hoàn thành việc cần làm, khi thấy Phật nhập diệt, ắt sẽ có lòng đau buồn. Còn những ai mới bước vào Phật pháp, nghe những lời Phật dạy, liền được giải thoát, như trong đêm tối thấy ánh chớp, liền thấy được đường đi. Còn những người đã hoàn thành việc cần làm, đã vượt qua biển khổ, thì chỉ nghĩ rằng: Thế Tôn nhập diệt, sao mà sớm đến vậy.

Giải giải

Trong phần Lưu Thông này, lại chia ra một mục nhỏ thứ hai, gọi là Dứt trừ nghi hoặc và lưu thông, tức là đoạn trừ những nghi ngờ của chúng sinh, giúp chúng sinh sinh khởi niềm tin. Phần Dứt trừ nghi hoặc và lưu thông này lại gồm ba phần nhỏ: (1) Làm rõ các nghi ngờ còn lại, (2) Để đoạn trừ những nghi ngờ (để đoạn trừ tất cả nghi ngờ của chúng sinh), (3) Nhắc lại vô thường của pháp hữu vi để khuyên tu hành.

“Ở trong đại chúng”: tôn giả A-na-luật nói rằng, đây là chúng hội của pháp hội này. “*Những người chưa hoàn thành việc cần làm*”: điều cần làm đã hoàn tất, không còn chịu tái sinh, đây là thành tựu cuối cùng của người tu hành. Cái gọi là kiểm chế tâm ở một chỗ, không có việc gì mà không hoàn thành, khi quý vị có thể kiểm chế tâm mình vào một chỗ, thì mọi việc đều đã hoàn thành. Quý vị không thể kiểm chế tâm vào một chỗ, nên không có việc nào hoàn tất. Vậy, “*những người chưa hoàn thành việc cần làm*” là chỉ những người tu đạo chưa đạt được kết quả cuối cùng, vẫn còn thiếu một chút,

chưa chứng quả. “*Thấy Phật nhập Niết-bàn*”: Những người tu hành chưa thành tựu, khi thấy Phật nhập Niết-bàn. “*Ắt sẽ có lòng đau buồn*”: Những người này chắc chắn sẽ khóc lóc thảm thiết, không ngừng đau buồn.

“*Còn những ai mới bước vào Phật pháp*”: Nếu chỉ vừa mới hiểu một chút về Phật pháp, tức là chứng đắc sơ quả, nhị quả, hoặc tam quả. “*Nghe những lời Phật dạy*”: nghe được những lời Phật giảng pháp, “*liền được giải thoát*”: họ sẽ ngay lập tức đạt được giải thoát. “*Như trong đêm tối thấy ánh chớp*”: Giống như thấy tia chớp trong đêm tối vậy. “*Liền thấy được đường đi*”: ngay lúc đó liền ngộ đạo, đạt đến tam quả A-la-hán. “*Những người đã hoàn thành việc cần làm*”: đây là chỉ những người đã chứng đến tứ quả A-la-hán, tức là những người đã hoàn thành việc cần làm và không còn sinh tử luân hồi; tức là việc cần làm đã hoàn tất, không cần tái sinh làm người nữa, đã thoát khỏi sinh tử. Sơ quả, nhị quả, và tam quả vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi sinh tử; chỉ khi đạt đến tứ quả A-la-hán, thì hai loại phiền não là kiến hoặc và tư hoặc đều bị đoạn trừ. Không còn kiến hoặc tức là đối diện với mọi cảnh giới mà không bị cảnh giới làm dao động; không còn tư hoặc tức là trong lòng không còn vọng niệm, không có bất kỳ suy nghĩ vọng tưởng nào. Mặc dù không còn vọng tưởng, nhưng chỉ là vọng tưởng thô đã hết, còn những vọng tưởng vi tế thì vẫn còn một chút.

Thế nào là ‘kiến hoặc’? Kiến hoặc là khi đối diện với cảnh giới, trong tâm sinh ra lòng tham và luyến ái. Khi cảnh giới xuất hiện, liền phát sinh lòng tham hoặc luyến ái, mê mờ trước cảnh giới đó, không hiểu rõ về nó. Ví dụ như khi nhìn thấy một thứ gì đó, liền sinh lòng tham. Giả sử quý vị thấy một máy ghi âm, trong lòng liền nghĩ máy ghi âm này thật tốt, có thể ghi lại âm thanh rồi phát lại, thật kỳ diệu, như là một phép thần thông của vật chất. Quý vị nghĩ, nếu có được máy ghi âm thì tốt biết bao! Nhưng máy ghi âm phải mua bằng tiền, và quý vị muốn có nó nhưng lại không có tiền. Vì vậy, sinh ra vọng tưởng, nghĩ đến

việc đi trộm hoặc cướp để có tiền mua máy ghi âm. Tại sao lại muốn cướp? Chỉ vì muốn có máy ghi âm mà thôi. Đó chính là mê mờ, sinh ra lòng tham và luyến ái đối với cảnh giới. Đối với vật chất là như vậy, và đối với tất cả mọi thứ khác cũng thế; khi đối diện với cảnh giới, liền sinh ra lòng tham và luyến ái, sinh ra một loại tình cảm. Việc sinh lòng tham và luyến ái trước cảnh giới như thế được gọi là kiến hoặc.

Thế nào là ‘tư hoặc’? Tư hoặc là sự mê mờ trong tư tưởng, là sự không sáng tỏ trong suy nghĩ. Khi suy nghĩ không rõ ràng, sẽ sinh ra sự phân biệt sai lầm về lý lẽ, không hiểu rõ về lý thuyết. Vì vậy, trong lý thuyết mà sinh ra đủ loại phân biệt: ‘Điều này có phải thế không? Chưa chắc.’ ‘Vậy điều kia có đúng không? Cũng có thể không phải’. Trong lòng cứ nghĩ tới nghĩ lui, luôn có sự phân biệt, đây chính là tư hoặc, là mê mờ lý lẽ mà sinh ra phân biệt.

Sơ quả đoạn trừ được kiến hoặc. Vậy kiến hoặc có bao nhiêu phẩm? Có đến 88 phẩm. Còn tư hoặc? Có người nói có 9 phẩm, cũng có người theo giáo lý cho rằng tư hoặc có đến 81 phẩm. Như vậy, kiến hoặc có 88 phẩm, tư hoặc có 81 phẩm. Ngoài ra, còn có trần sa hoặc, nhiều như bụi và cát trong không gian, vô cùng nhiều, nhỏ đến mức không thể đếm được. Trong một niệm của chúng ta đã có đến 900 lần sinh diệt, có 900 lần sinh tử, vì vậy trần sa hoặc không thể tính toán được, nhiều như số cát sông Hằng, như số hạt bụi.

Trần sa hoặc chính là những vọng tưởng và ý niệm trong tâm của chúng ta. Không nghĩ điều này thì nghĩ điều kia, suy nghĩ không biết bao nhiêu mà kể, đến mức những vọng tưởng này sinh ra từ những vi tế nhất mà quý vị chưa nhận ra. Khi chúng được tứ quả A-la-hán, kiến hoặc, tư hoặc, và trần sa hoặc đều đã đoạn trừ, nhưng chỉ là đoạn trừ những thứ thô kệch, còn những vi tế cực kỳ nhỏ thì chưa hoàn toàn đoạn hết. Vì vậy, gọi là “sở tác dĩ biện” (những việc cần làm đã làm xong), tức là không còn việc gì cần làm nữa, mọi việc cần làm đều đã hoàn tất, và sinh tử đã giải thoát, tức là đã xong việc sinh tử.

“*Đã vượt qua biển khổ*”: là những người đã vượt qua biển khổ sinh tử, đạt đến bờ Niết-bàn, “*thì chỉ nghĩ rằng*”: tuy nhiên, các vị A-la-hán chứng được tứ quả vẫn còn một ý niệm, chỉ có một ý nghĩ này, “*Thế Tôn nhập diệt*”: sao Thế Tôn lại nhập Niết-bàn nhanh như vậy? Điều này thật quá nhanh, Ngài nhập Niết-bàn sớm như vậy. Đối với phàm phu thì sẽ đau buồn rơi lệ; còn hàng Nhị thừa, tức là những người đã chứng sơ quả, nhị quả, tam quả, thì vẫn có chút duyên tiếc không nỡ để Phật nhập Niết-bàn. Riêng các vị A-la-hán tứ quả chỉ thắc mắc tại sao Phật lại nhập Niết-bàn nhanh đến vậy, họ không quá buồn bã hay lo lắng, vì họ đã thực sự đạt được một chút định lực. Vì thế, họ chỉ nói: “*Thế Tôn nhập diệt, sao mà sớm đến vậy?*” - chỉ đơn giản nói vậy thôi. Đoạn kinh văn này là do tôn giả A-na-luật nói trước đại chúng.

Thường nhận lỗi về mình, đừng bàn lỗi người,

Lỗi người tức lỗi mình, đồng thể tức đại bi.

Mỗi người nhận ra lỗi lầm của mình, đó chính là pháp lớn nhất. Nếu quý vị không biết được lỗi lầm của mình, suốt từ lúc sinh ra cho đến khi già và chết đi, cứ mù mờ không hiểu chân lý, cũng không hiểu nhân quả, không thừa nhận rằng mình đã làm không tốt trong quá khứ. Đừng oán trách trời, đừng trách người, dù là ai cũng phải chấp nhận số phận. Trước đây tôi đã nói với quý vị:

Cam phận là biết đủ, trừ sạch các phiền não

Thanh, sắc đều không tốt, danh, lợi cũng chẳng màng

Trợn trừng, tôi chẳng thấy, miếng nhĩ, dùng lý phục

Đánh tôi, vội quỳ xuống, chỉ cười mà không khóc

Quý vị chỉ cần cười là được rồi!

“Thế gian chưa từng có, cõi trần tìm chẳng ra

Người thật tu Tây phương, tay áo giữ Ma-ni.”

Quý vị xem, như vậy tốt biết bao!

C2. Để dứt trừ những nghi ngờ

Phiên âm

A-nậu-lâu-đà tuy thuyết thử ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt tứ thánh đế nghĩa. Thế Tôn dục lệnh thử chư đại chúng giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm, phục vị chúng thuyết. Nhữ đẳng Tỳ-kheo, vật hoài bi não, nhược ngã trụ thế nhất kiếp, hội diệt đương diệt, hội nhi bất ly, chung bất khả đắc, tự lợi lợi tha, giai đắc cụ túc. Nhược ngã cứu trụ cánh vô sở ích, ưng khả độ giả, nhược thiên thượng nhân gian, giai tất dĩ độ, kỳ vị độ giả, giai diệt dĩ tác, đắc độ nhân duyên. Tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử, triển chuyển hành chi, tắc thị Như Lai pháp thân thường tại nhi bất diệt dã.

Dịch nghĩa

A-nậu-lâu-đà tuy nói lời này, nhưng tất cả chúng hội đều thấu hiểu nghĩa của Tứ Thánh Đế. Thế Tôn muốn khiến cho đại chúng đều được sự kiên cố, với tâm đại bi lại vì đại chúng nói pháp: “Các thầy Tỳ-kheo, chớ mang lòng buồn đau. Giả sử ta ở đời một đại kiếp, rồi cũng phải diệt, hội mà không tan, thật không thể có được. Lợi mình và lợi người, trong pháp đều đã viên mãn, nếu ta ở lại lâu hơn, cũng không còn lợi ích gì. Những chúng sinh đáng độ, dù ở cõi trời hay nhân gian, đều đã được độ hết; những người chưa độ cũng đã gieo nhân duyên để được độ. Từ nay về sau, các đệ tử của ta hãy rộng truyền giáo pháp và y theo pháp mà tu hành. Đó chính là Pháp thân Như Lai luôn thường còn, không diệt mất”.

Giải giải

‘Để dứt trừ những nghi ngờ’, tức là dứt trừ mọi nghi hoặc của mọi người. “A-nậu-lâu-đà” các vị đều biết, chính là vị tôn giả thích ngủ. Vì quá thích ngủ, ngài bị Phật trách mắng, và sau đó ngài quyết không ngủ suốt bảy ngày bảy đêm, đến mức mắt bị mù. Nhưng sau khi bị mù, ngài lại đạt được Thiên Nhãn Thông, trở thành bậc nhất về thiên nhãn. Ngài có thể nhìn thấy

cả ba ngàn đại thiên thể giới giống như nhìn vào quả Amla trong lòng bàn tay, nên tôn giả này được gọi là ‘Thiên Nhân Đệ Nhất’.

Đoạn kinh văn trước đó chính là lời của ngài ấy nói. “*Tuy nói lời này*”: mặc dù ngài ấy đã nói những điều trước đó, nhưng trong chúng hội, tất cả mọi người “*tất cả chúng hội đều thấu hiểu nghĩa của Tứ Thánh Đế*”: đại chúng trong pháp hội, bao gồm các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sa-di, Sa-di-ni và Thức-xoa-ma-na đều đã hiểu được nghĩa lý của Bốn Thánh Đế. “*Thế Tôn muốn khiến cho đại chúng*”: nhưng Phật muốn giúp đại chúng trong pháp hội “*đều được sự kiên cố*”: có được niềm tin vững chắc, để mỗi người thực sự hiểu rõ về Bốn Thánh Đế, thật sự hiểu được nhân quả thế gian - khổ đế và tập đế, cùng nhân quả xuất thế - đạo đế và diệt đế, hiểu rõ nhân quả của thế gian và xuất thế gian. “*Với tâm đại bi*”: Phật lại dùng tâm từ bi bình đẳng, “*lại vì đại chúng nói pháp*”: lại vì tất cả mà giảng giải pháp này.

“*Các thầy Tỳ-kheo*”: là nói các vị tu hành, những người dụng công tu tập. “*Chớ mang lòng buồn đau*”: ta sắp nhập Niết-bàn rồi, đây là lần cuối cùng ta thuyết pháp cho các vị, nhưng các vị đừng buồn khóc, đừng sinh tâm phiền não. “*Giả sử ta ở đời một đại kiếp*”: giả sử ta ở thế gian lâu như một đại kiếp, “*rồi cũng phải diệt*”: có nghĩa là cuối cùng, dù đợi thêm đến đâu thì cũng vẫn phải diệt độ. “*Hội mà không tan*”: chúng ta tụ hội bên nhau, nếu không rời nhau, không tan rã buổi hội này, “*thật không thể có được*”: điều này không thể thực hiện được. Hễ có tụ thì phải có tan, giờ đây chúng ta tụ hội lại, đến lúc cũng phải chia tay, như người ta nói ‘không có bữa tiệc nào không tàn’. “*Lợi mình và lợi người*”: quý vị phải lợi ích cho chính mình, đồng thời cũng cần mang lợi ích đến cho người khác.

Những người tu hành chúng ta nên nghĩ như thế này: Chỉ cần có thể mang lợi ích cho người khác, chúng ta cố gắng hết sức để thực hiện; còn về việc bản thân có được lợi ích gì hay

không thì không cần nghĩ đến. Nếu quý vị vừa tự lợi vừa lợi tha, đó là đi theo Bồ-Tát đạo; nếu chỉ vì lợi ích của người khác mà không nghĩ đến mình, thì đó là của Phật đạo. Phật chỉ biết đến người khác, không biết đến bản thân, vì thế Ngài mới thành Phật. Chúng ta học Phật pháp, cần học theo tinh thần của Phật, nên trước tiên cần lợi ích cho người khác. Bản thân có được lợi ích hay không thì không nên tính toán, như vậy mới là người thực sự tu đạo.

Chẳng hạn như một người nào đó, mỗi ngày đều ở Vạn Phật Thánh Thành để mang lại lợi ích cho người khác, anh ấy đã quên cả chính mình, nhưng vẫn luôn cố gắng làm tốt hơn. Có ai mua cho anh ấy chút nước trái cây hay Coca-Cola và bảo anh ấy uống, anh ấy sẽ nói: ‘Anh muốn tôi phạm giới sao?!’ Anh ấy không uống, giữ vững giới luật như vậy chính là đang tu hành, từng bước đi trên con đường đạo. Những điều này là nhờ tôi trách mắng mà có được, mắng cho đến khi anh ấy sẵn lòng giữ giới. Nếu không mắng thì anh ấy chưa chắc đã giữ được vững chắc như vậy, nên vẫn cần mắng thêm vài lần thì tốt hơn. Nếu anh ấy nói: ‘Tôi không chịu nổi nữa!’ mà muốn chạy đi, thì cũng không có chỗ nào để chạy, không thể thoát khỏi tam thiên đại thiên thế giới này.

“Trong pháp đều đã viên mãn”: Nếu quý vị có thể tự lợi và lợi người, quên mình đi, thì bất kể pháp nào quý vị cũng sẽ hiểu, sẽ thành tựu. Nếu quý vị suốt ngày chỉ nghĩ cho bản thân, ích kỷ, tự lợi, thì ngày càng ngu muội, ngày càng không hiểu rõ đạo lý. Do đó, *“pháp đều viên mãn”* là phải tự lợi và lợi người. *“Nếu ta ở lâu hơn”*: Đức Phật nói, giả sử ta ở lâu trên thế gian, *“cũng không còn lợi ích gì”*: đối với chúng sinh không còn lợi ích nữa. *“Những chúng sinh đáng độ”*: những chúng sinh ta nên độ, ta đều đã độ xong, những người cần giáo hóa, ta cũng đã giáo hóa xong. *“Dù trên trời hay nhân gian”*: dù là thiên nhân trên trời hay là người trong thế gian, *“đều đã được độ hết”*.

“*Những người chưa độ*”: những chúng sinh ta chưa độ xong, “*cũng đã gieo nhân duyên để được độ*”: cũng đã gieo nhân được độ, đã gieo hạt giống này. “*Từ nay về sau*”: từ hôm nay trở đi, “*các đệ tử của ta*”: tất cả các đệ tử của ta, “*hãy rộng truyền giáo pháp và y theo pháp mà tu hành*”: các con cần giáo hóa lẫn nhau, khuyến khích nhau, cùng tu hành, truyền từ người này sang người khác mà thực hành. “*Đó chính là Pháp thân của Như Lai luôn thường còn*”: đây chính là Pháp thân của Phật thường tồn tại trong thế gian, “*không diệt mất*”: giống như ta chưa vào Niết-bàn. Ta tuy đã nhập Niết-bàn, nhưng nếu các con tu hành theo pháp của ta, thì cũng giống như ta chưa nhập Niết-bàn.

Con người nếu thường suy nghĩ lung tung, suy nghĩ quá nhiều, tà ma quỷ quái sẽ nhân cơ hội mà xâm nhập. Nếu bên trong quý vị không có tà, thì tà bên ngoài không thể vào được; nếu bên trong quý vị sạch sẽ, thì những thứ dơ bẩn cũng không thể xâm nhập. Như người ta thường nói: ‘Không hư bên trong, thì không có sự xâm nhập từ bên ngoài’. Nếu bên trong không có bệnh, thì bệnh bên ngoài cũng không thể xâm nhập, vì quý vị phòng thủ rất nghiêm ngặt, kẻ trộm bên ngoài không thể vào được. Nhưng vì quý vị cứ suy nghĩ lung tung, nên mới dẫn đến việc tà ma quỷ quái xâm nhập, gây rối, và khiến cho đủ loại vấn đề phát sinh.

Vì lý do này, mỗi người trong chúng ta đều cần phải chỉnh tâm và tu thân. Chỉnh tâm là không để cho tâm suy nghĩ lung tung, không nghĩ đến những điều không chính đáng, như vậy thì quỷ sẽ không đến. Giống như có một cái bát đựng thức ăn cho mèo ở đây, nhiều ruồi nhặng sẽ bu đến vì nó dơ bẩn. Nếu trong bát không có thức ăn cho mèo, thì những con ruồi nhặng sẽ không bu vào. Vậy nên bên trong có gì thì bên ngoài sẽ thu hút cái đó; điều này không phải đến từ bên ngoài, mà chính là do bên trong quý vị mời nó đến. Vì vậy, chúng ta cần phải chỉnh tâm trước, sau đó là giữ lòng thành và tu thân. Nếu không suy nghĩ lung tung, thì chẳng có con quỷ nào cả. Điều này rất quan trọng.

Nếu một người không sống ngay thẳng, muốn dùng Phật giáo như cách "ném đá dò đường" hay làm điều mập mờ, lừa dối để lợi dụng, thì về sau đều sẽ phải nhận quả báo, vì những hành vi tà vạy và không chính đáng sẽ dẫn đến bị ma quỷ mê hoặc. Tà đạo, giống như ở núi Mao Sơn, chuyên niệm chú tà để hại người, hoặc như có một loại chú của các Lạt ma, khi niệm chú này, trong vòng bảy ngày quý vị sẽ chết. Tất cả những thứ đó đều là tà đạo.

C3. Nhắc lại vô thường của pháp hữu vi để khuyên tu hành

Phiên âm

Thị cố đương tri, thế giai vô thường, hội tất hữu ly, vật hoài ưu não, thế tướng như thị, đương cần tinh tấn, tảo cầu giải thoát, dĩ trí huệ minh, diệt chư si ám, thế thật nguy thủy, vô kiên lao giả. Ngã kim đắc diệt, như trừ ác bệnh, thử thị ưng xả tội ác chi vật, giả danh vi thân, thiết tại lão bệnh sanh tử đại hải, hà hữu trí giả, đắc trừ diệt chi, như sát oán tặc, nhi bất hoan hỉ.

Dịch nghĩa

Vì vậy nên biết rằng thế gian đều là vô thường. Có hợp thì ắt có chia ly, chớ nên mang lòng ưu sầu, bởi lẽ tướng thế gian là như thế. Hãy chăm chỉ tinh tấn, sớm cầu giải thoát, dùng trí tuệ sáng suốt diệt trừ mọi si mê tăm tối. Thế gian thực sự mong manh, không có gì bền chắc. Nay ta diệt độ, như trừ bỏ bệnh dữ. Cái hình tướng tội lỗi ác độc đáng xả bỏ này, tạm gọi là cái thân, đang chìm đắm trong biển lớn sinh, già, bệnh, chết. Người có trí tuệ đều sẽ trừ diệt nó, như giết kẻ thù oán mà không vui mừng.

Giải thích

Đoạn kinh văn này đang nói về pháp hữu vi. Pháp hữu vi là tướng vô thường, không phải là chân thật cứu cánh, chỉ là hư vọng mà thôi. Vì vậy mới nói:

Tất cả các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương, cũng như chớp, nên quán sát như thế.

‘Tất cả các pháp hữu vi’: pháp hữu vi là những pháp có hành động, có tác động; ‘như mộng, huyễn, bọt, bóng’: giống như một giấc mơ, là hư ảo, giống như bọt nước trong dòng sông, như bóng hình, như giọt sương, như tia chớp. ‘Như sương cũng như chớp, nên quán sát như thế’: nên quán sát chúng theo cách này. Tất cả đều là tướng vô thường, không nên chấp trước vào chúng, không nên vì những tướng vô thường này mà đảo điên, nghĩa là không nên bị những giả tướng đó làm cho mê mờ.

“*Vì vậy nên biết*”: do đó, quý vị nên hiểu rằng, những chuyện của thế gian này, “*thế gian đều là vô thường*”: tất cả các pháp hữu vi trong thế gian đều không bền lâu. “*Có hợp thì ắt có chia ly*”: vì là vô thường, nên cuối cùng cũng sẽ có ngày tan rã, chia ly. “*Chớ nên mang lòng ưu sầu*”: vì thế các vị Tỷ-kheo biết rằng Phật sẽ nhập Niết-bàn, đừng nên sầu não, phiền muộn, “*bởi lẽ tướng thế gian là như thế*”: tướng của thế gian vốn là như thế. “*Hãy chăm chỉ tinh tấn*”: các ông cần tinh tấn, không được lười nhác, mà phải cố gắng tiến lên, “*sớm cầu giải thoát*”: đừng xem thường, hãy sớm cầu giải thoát, càng sớm càng tốt. “*Dùng trí tuệ sáng suốt*”: lấy ánh sáng trí tuệ của các ông, “*diệt trừ mọi si mê tăm tối*”: để phá trừ mọi bóng tối si mê. “*Thế gian thật sự mong manh*”: tất cả pháp hữu vi của thế gian thật sự đều rất mong manh, không bền vững. “*Không có gì là kiên cố*”: không có điều gì mãi mãi không hư hoại, không thay đổi, mọi sự đều không kiên cố.

“*Nay ta diệt độ*”: ta bây giờ đã nhập Niết-bàn, “*như trừ bỏ bệnh dữ*”: giống như đã loại bỏ được căn bệnh nguy hại, loại bỏ hết mọi phiền não. “*Cái hình tướng tội lỗi ác độc đáng xả bỏ này*”: thân này sớm muộn cũng nên rời bỏ, vì nó là nguồn gốc tạo ra nghiệp tội, “*tạm gọi là cái thân*”: đặt cho nó một cái tên giả là thân thể. “*Đang chìm đắm trong biển khổ sinh, già, bệnh, chết*”: thân này đắm chìm trong biển khổ sinh, già, bệnh, chết. “*Người có trí tuệ*”: những người có trí tuệ

“*đều sẽ trừ diệt nó*”: người có trí tuệ đều sẽ tiêu diệt những chương ngại này.

“*Như giết kẻ thù oán*”: điều này giống như chuyện gì vậy? Giống như đã giết được kẻ thù hằn vậy, “*mà không vui mừng*”: giết được kẻ thù, có gì đáng để vui mừng đâu? Không đáng để chúng ta vui mừng. Thân thể của chúng ta cũng chỉ là giả tạm, sao ta lại chấp chặt nó? Sao lại vì nó mà tạo tội nghiệp, mà không buông bỏ? Kẻ thù oán ấy, dù có giết được, cũng không đáng vui mừng, vì sao? Dù đã giết kẻ thù, nhưng cũng đã phạm tội sát sinh, điều đó không cần phải vui mừng. Nhưng mặt khác, khi giết được kẻ thù, không còn kẻ thù nữa, thì đáng để vui mừng. Vậy “*mà không vui mừng*”, nhưng liệu quý vị có thể không vui mừng không? Giống như khi ta khỏi bệnh, quý vị có thể không vui sao? Thực ra khỏi bệnh cũng là điều bình thường, không cần phải vui mừng, nhưng con người thường bị hoàn cảnh chi phối, nên khi khỏi bệnh, họ cảm thấy rất vui. Còn khi không có bệnh, họ không biết gì về bệnh, nên cũng chẳng vui mà cũng không buồn. Vì thế, khi khỏi bệnh cũng nên như vậy, không có vui cũng không có buồn. Nhưng đa phần con người bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, nên khi gặp hoàn cảnh không còn, họ sẽ cảm thấy rất vui.

B4. Dặn dò và lưu thông

Phiên âm

Nhữ đẳng Tỳ-kheo, thường đương nhất tâm, cần cầu xuất đạo, nhất thiết thế gian động bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ, thời tương dục quá, ngã dục diệt độ, thị ngã tối hậu chi sở giáo hối.

Dịch nghĩa

Các thầy Tỳ-kheo, nên luôn nhất tâm, siêng năng tìm cầu con đường giải thoát. Tất cả các pháp trong thế gian, dù động hay bất động, đều sẽ suy tàn và không có tướng an ổn. Các thầy hãy dừng lại, chớ nói thêm nữa. Thời gian sắp đến, ta sắp nhập Niết-bàn. Đây là lời dạy cuối cùng của ta.

Giảng giải

Phần thứ tư là dặn dò lưu truyền. Dặn dò, tức là bảo mọi người hãy lưu truyền Kinh Di Giáo.

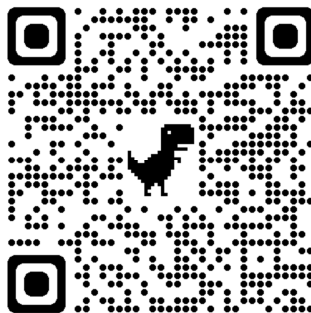
“Các thầy Tỳ-kheo, nên luôn nhất tâm”: các thầy phải luôn giữ tâm chuyên nhất, một lòng một dạ, *“siêng năng tìm cầu con đường giải thoát”*: luôn luôn một lòng tu hành, siêng năng tìm con đường thoát ly thế gian này. *“Tất cả các pháp trong thế gian, dù động hay bất động”*: tất cả trong thế gian này, bất kể là pháp động hay bất động, tức là pháp thiện hay ác trong thế gian, *“đều sẽ suy tàn”*: trong thế gian, dù là pháp gì cũng vô thường. *“Không có tướng an ổn”*: thời gian trôi qua, tất cả đều có bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt, nên không thể vĩnh viễn bình an.

“Các thầy hãy dừng lại”: các thầy Tỳ-kheo bây giờ nên dừng lại, *“chớ nói thêm nữa”*: không cần nói thêm gì nữa. *“Thời gian sắp đến”*: thời khắc đã đến gần, tức nói đã gần đến nửa đêm rồi. *“Ta sắp nhập Niết-bàn”*: đến nửa đêm, Phật sẽ nhập Niết-bàn. *“Đây là lời dạy cuối cùng của ta”*: bộ Kinh Di Giáo này là pháp môn cuối cùng mà Phật truyền dạy cho các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sa-di, Sa-di-ni và Thức-xoa-ma-na.

(Hết)

Link tải sách: <https://bit.ly/44USV8A>

Mã QR link tải sách:



MỤC MỤC

- Lời nói đầu.....3
- Phật thuyết Kinh Di Giáo5
- Hòa thượng Tuyên Hóa giảng Kinh Di Giáo
 - A1. Phần Tựa.....14
 - A2. Phần Chính Tông.....23
 - A3. Phần Lưu Thông.....128

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

33 Chu Văn An - TP. Huế

ĐT: 0234.3823847 - 0234.3849730

Email: nxbthuanhoa@yahoo.com.vn

Website: <https://nxbthuanhoa.hue.gov.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN DUY TỜ

Biên tập:

NGUYỄN THỊ ÁI LINH

Bìa & trình bày:

VÂN THÁI

Sửa bản in:

VÂN THÁI

In 1.000 cuốn, khổ 16x24cm tại Công ty TNHH TM&DV Vân Thái,
89 Nguyễn Huệ, TP. Huế. Số đăng ký KHXB: 1237-2025/CXBIPH/
10-35/ThuH. Quyết định xuất bản số: 58/QĐ-NXBTH, cấp ngày
21/4/2025. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2025.

ISBN: 978-604-353-879-3



Giữ giới có thể sinh ra mọi công đức, vì vậy giới là điều quan trọng nhất, mười phương ba đời tất cả chư Phật đều thành tựu từ việc giữ giới. Chỉ có nhờ công đức của việc giữ giới mới có thể thành Phật; nhờ công đức của việc giữ giới mới có thể làm Bồ Tát; nhờ công đức của việc giữ giới mới có thể chứng đắc quả A-la-hán, vì vậy ‘giới’ là điều quan trọng nhất.

Hòa thượng Tuyên Hóa



ISBN: 978-604-353-879-3



Sách không bán